

CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION

-----oOo-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

**Địa điểm: Lô 20, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà
Nội, Việt Nam**

(Báo cáo đã được chỉnh sửa, bổ sung theo thông báo bổ sung)

ĐẠI DIỆN CHỦ CƠ SỞ



**TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG**

Hà Nội, Tháng năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC BẢNG	6
DANH MỤC HÌNH	6
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	9
1.1. Tên chủ cơ sở	9
1.1.1. Xuất xứ dự án	9
1.1.2. Các văn bản pháp lý liên quan đến dự án	14
1.2. Tên cơ sở	18
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	19
1.3.1. Công suất và sản phẩm	19
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	19
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở	23
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	23
1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu và hóa chất	24
1.4.2. Nhu cầu điện năng	24
1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước	25
1.4.4. Nhu cầu sử dụng hóa chất	27
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	27
1.5.1. Vị trí địa lý	27
1.5.2. Khoảng cách từ cơ sở tới khu dân cư và đánh giá mức độ ảnh hưởng	28
1.5.3. Hạng mục công trình xây dựng của cơ sở	30
1.5.4. Danh mục máy móc, thiết bị cơ sở	38
1.5.5. Tổ chức quản lý của công ty	40
CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	42
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)	42
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	43
2.2.1. Hiện trạng hoạt động của KCN Quang Minh	43

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	47
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	47
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	47
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	50
3.1.3. Xử lý nước thải	53
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	55
3.2.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông .	55
3.2.2. Biện pháp xử lý khí/mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải	56
3.2.3. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy điều hòa	56
3.2.4. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ kho chứa hóa chất, kho tập kết rác thải sinh hoạt và bếp ăn	56
3.2.5. Hệ thống thông gió, điều hòa không khí	57
3.2.6. Giảm thiểu tác động từ hơi nhựa, hơi dung môi	58
3.2.7. Đối với bụi kim loại	58
3.2.8. Đối với khí thải hàn điểm	59
3.2.9. Giảm thiểu bụi sơn	59
3.2.10. Các biện pháp khác	62
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải	63
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	63
3.3.2. Chất thải rắn sản xuất	64
3.3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	64
3.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	67
3.4.1. Tiếng ồn do các phương tiện giao thông	67
3.4.2. Tiếng ồn, rung động trong khu vực sản xuất:	68
3.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	68
3.5.1. Phương án phòng chống và ứng phó sự cố cháy, nổ	68
3.5.2. Biện pháp phòng ngừa tai nạn giao thông	71
3.5.3. Hệ thống chống sét	72
3.5.4. An toàn lao động	72
3.5.5. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất	76

3.5.6. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trong khuôn viên cơ sở	79
3.5.7. Biện pháp phòng ngừa sự cố và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải	79
CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	82
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	82
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	82
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	83
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với quản lý chất thải rắn	84
CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	86
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường	86
5.1.1. Tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	86
5.1.2. Các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền	86
5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải	86
5.2.1. Tổng lưu lượng nước thải của cơ sở	86
5.2.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	87
5.2.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	88
5.2.4. Kết quả phân tích môi trường lao động năm 2023, 2024	88
5.2.5. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải)	92
5.2.6. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất)	92
5.2.7. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải	92
5.2.8. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở	92
CHƯƠNG 6. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	93
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở	93
6.1.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải	93
6.1.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải	93
6.1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp với Chủ dự án để thực hiện	93
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật	93
6.2.1. Chương trình giám sát nước thải định kỳ	93

6.2.2. Chương trình giám sát khí thải định kỳ	93
6.2.3. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục chất thải	93
CHƯƠNG 7. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	95
7.1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	95
7.2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan	95

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	GIẢI THÍCH
BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh học 5 ngày
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ tài nguyên môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
COD	Nhu cầu oxi hoá học
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
GHCP	Giới hạn cho phép
HTXL	Hệ thống xử lý
QC	Quy chuẩn
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam
TB	Trung bình
TSS	Tổng rắn lơ lửng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
UBND	Ủy ban nhân dân
VLXD	Vật liệu xây dựng
VOC (Volatile Organic Compounds)	Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (Các hóa chất hữu cơ có áp suất hơi cao ở nhiệt độ phòng thông thường)
WHO	Tổ chức y tế Thế giới

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của cơ sở	24
Bảng 1.2. Thống kê nhu cầu sử dụng điện từ tháng 8/2024 đến tháng 03/2025 tại cơ sở25	
Bảng 1.3. Thống kê nhu cầu tiêu thụ nước của cơ sở từ tháng 08/2024 đến tháng 03/2025	25
Bảng 1.4. Nhu cầu tiêu thụ nước (nước cấp sinh hoạt, nước cấp sản xuất) của công ty26	
Bảng 1.5. Nhu cầu hóa chất đầu vào hiện tại của công ty	27
Bảng 1.6. Tọa độ các điểm không chế tại cơ sở	27
Bảng 1.7. Các hạng mục công trình chính phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty ..	30
Bảng 1.8. Các hạng mục công trình phụ trợ	32
Bảng 1.9. Các hạng mục BVMT của cơ sở	32
Bảng 1.10. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại	36
Bảng 1.11. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất	38
Bảng 1.12. Kế hoạch nhân sự của Công ty	41
Bảng 3.1. Thông số thiết kế hệ thống thu gom nước mưa của cơ sở	48
Bảng 3.2. Thông số thiết kế hệ thống thu gom nước thải	52
Bảng 3.3. Các thông số kỹ thuật của bể tự hoại	55
Bảng 3.4. Các thông số kỹ thuật của tháp hấp phụ than hoạt tính	62
Bảng 3.5. Bảng thống kê chất thải rắn sản xuất	64
Bảng 3.6. Bảng thống kê chất thải rắn sản xuất dự kiến	64
Bảng 3.7. Khối lượng CTNH phát sinh năm 2024	65
Bảng 3.8. Khối lượng CTNH dự kiến phát sinh	65
Bảng 3.9. Phương tiện chữa cháy	69
Bảng 3.10. Tổng hợp an toàn lao động	73
Bảng 3. 11. Danh mục các thiết bị ứng phó sự cố hóa chất Nhà máy	76
Bảng 3.12. Các nội dung thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo ĐTM	81
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm trong khí thải tại cơ sở	83
Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn	84
Bảng 4.3. Giới hạn tối đa cho phép về độ rung	84
Bảng 4.4. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	84

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

Bảng 5. 1. Tổng lưu lượng nước thải của cơ sở (m³/tháng) 86

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải năm 2023, 202487

Bảng 5.3. Kết quả phân tích không khí môi trường lao động của cơ sở trong năm 2023, 2024 liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất 88

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ quy trình ép nhựa	20
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình sản xuất đột dập	21
Hình 1.3. Sơ đồ quy trình lắp ráp	22
Hình 1.4. Sơ đồ quy trình công nghệ sơn sấy	23
Hình 1.5. Vị trí cơ sở và các đối tượng xung quanh	28
Hình 1.6. Vị trí của cơ sở và khu dân cư lân cận	29
Hình 1.7. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt Công ty	35
Hình 1.8. Kho lưu giữ CTNH của Nhà máy	38
Hình 1.9. Sơ đồ tổ chức quản lý và thực hiện dự án	40
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở	47
Hình 3.2. Vị trí thoát nước mưa ra ngoài khu công nghiệp	49
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom nước thải của công ty	52
Hình 3.4. Vị trí điểm thoát nước thải của nhà máy tại KCN	53
Hình 3.5. Hệ thống hút mùi nhà bếp đã lắp đặt tại Công ty	57
Hình 3.6. Sơ đồ thu gom khí thải buồng phun sơn	59
Hình 3.7. Mặt cắt buồng phun sơn	62
Hình 3.9. Sơ đồ phân loại, thu gom và xử lý chất thải tại Công ty	63
Hình 3.10. Kho chứa chất thải nguy hại	66
Hình 3.11. Vị trí các công trình bảo vệ môi trường tại Cơ sở	67

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION

- Địa chỉ văn phòng: Lô 20 KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

- Người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư cơ sở:

Họ tên: HU SHIANG-CHI

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 13/03/1961

Quốc tịch: Đài Loan

Địa chỉ thường trú: 13F-1, No 27, Lane 169 Kangning Street Xizhi District, New Taipei City 221, Đài Loan

Chỗ ở hiện tại: Lô 20 KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

- Điện thoại: 0243.818223

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên số 2500234842 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/11/2007, cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 23/08/2023.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 192043000053 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, chứng nhận lần đầu ngày 15/11/2007 và chứng nhận thay đổi lần thứ 7 ngày 15/05/2024;

1.1.1. Xuất xứ dự án

Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision là công ty 100% vốn nước ngoài với bề dày kinh nghiệm trên 10 năm hoạt động trong lĩnh vực gia công, chế tạo các sản phẩm nhựa phun, linh kiện máy văn phòng, linh kiện điện tử, các loại khuôn kim loại và sản phẩm đột dập đồng nhôm. Công ty đã được Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 012023000186, cấp lần đầu ngày 15/11/2007, cấp thay đổi lần 6 ngày 24/06/2015.

Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision được thực hiện tại địa chỉ lô số 20, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 933604 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (nay thuộc thành phố Hà Nội) cấp ngày 23/05/2006 với tổng diện tích là 18.780 m².

Công ty bắt đầu đi vào hoạt động, sản xuất từ năm 2005. Tình hình hoạt động của Nhà máy qua các giai đoạn được trình bày cụ thể qua bảng sau:

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

Giai đoạn hoạt động	Hạng mục công trình thực hiện	Các sản phẩm	Công suất theo phê duyệt Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn (Tấn sản phẩm/năm)	Công suất theo phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Tấn sản phẩm/năm)	Công suất hiện tại (Tấn sản phẩm/năm)	Ghi chú
Giai đoạn 1 (2005 – 2009)	- Nhà xưởng số 1 - Nhà xưởng số 2 - Nhà điều hành - Các công trình phụ trợ	Sản phẩm nhựa:	750	750	707,4	
		- Sản phẩm nhựa lắp ráp, ép	-	-	524	
		- Sản phẩm nhựa in, sơn	-	-	183,4	
		Sản phẩm kim loại:	500	500	412,8	
		- Sản phẩm kim loại đột dập	-	-	412,8	
Giai đoạn 2 (2009 - nay)	- Nhà xưởng số 3 (xưởng mạ)	Mạ sản phẩm nhựa:	-	500		Hiện tại, công ty không thực hiện công đoạn mạ sản phẩm và đã tháo dỡ máy móc thiết bị công đoạn mạ, hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải
		- Mạ sản phẩm nhựa do FAV gia công	-	-		
		- Mạ sản phẩm nhựa nhập bên ngoài	-	-		
		Mạ sản phẩm kim loại:	-	530		
		- Mạ sản phẩm kim loại do FAV gia công	-	-		
		- Mạ sản phẩm kim loại nhập bên ngoài	-	-		

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

		-Mạ cực dương	-	500		
Giai đoạn 3 (2020 trở đi)	- Nhà xưởng 4	Sản phẩm nhựa:	-	-	-	Chưa xây dựng nhà xưởng
		-Sản phẩm nhựa lắp ráp, ép	-	-	-	
Tổng toàn bộ sản phẩm			1.250	2.730	1.120,2	

Trong thời gian đi vào hoạt động, công ty đã tiến hành làm một số thủ tục môi trường như sau:

- Trong giai đoạn 1 (từ năm 2005 – 2009): Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn số 992/TNMT-MT, ngày 25/11/2005 của Dự án đầu tư Nhà xưởng sản xuất thuộc Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision tại Lô số 20, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh.

Trong giai đoạn 1, Công ty đã xây dựng hoàn thiện nhà xưởng sản xuất số 1 và 2, nhà điều hành, các công trình phụ trợ (nhà bảo vệ, nhà ăn ca,...), các kho lưu trữ (kho chứa CTNH, kho hóa chất,...) với tổng diện tích là 15.887,254 m².

- Trong giai đoạn 2 (từ năm 2009 – 2019): Công ty đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại” theo Quyết định số 3413/QĐ-UBND, ngày 09/07/2009 và được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành Dự án “Đầu tư nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại” số 23/STNMT-CCMT ngày 17/08/2015.

Trong giai đoạn 2, Công ty đã xây dựng nhà xưởng số 3 (xưởng mạ), khu xử lý nước thải sản xuất, sân đường, hệ thống thoát nước và cây xanh trên phần đất dự trữ có diện tích là 2.500 m².

- Trong giai đoạn 3 (từ năm 2020 trở đi): Công ty đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất thuộc Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision” theo Quyết định số 1373/QĐ-UBND, ngày 06/04/2020 và được UBND thành phố Hà Nội cấp.

Tuy nhiên, giai đoạn 3 công ty chưa thực hiện xây dựng nhà xưởng 4 để mở rộng nâng công suất các sản phẩm.

Ngoài ra, do tình hình sản xuất kinh doanh gặp khó khăn, hiện tại công ty không thực hiện công đoạn mạ tại nhà xưởng số 3 (máy móc thiết bị, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải tại nhà xưởng này đã được tháo dỡ).

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

Tổng hợp các văn bản pháp lý về môi trường của Công ty:

STT	Văn bản	Nội dung chính	Ghi chú
1	Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 992/TNMT-MT, ngày 25/11/2005 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc xác nhận cho Dự án đầu tư Nhà xưởng sản xuất thuộc Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision	- Công suất: sản phẩm nhựa 750 tấn sản phẩm/năm; sản phẩm kim loại 500 tấn sản phẩm/năm	
2	Quyết định số 3413/QĐ-UBND ngày 09/07/2009 của UBND thành phố Hà Nội cấp về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: “Đầu tư nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại”;	- Công suất: sản phẩm nhựa 750 tấn sản phẩm/năm; sản phẩm kim loại 500 tấn sản phẩm/năm - Công suất mạ sản phẩm nhựa 500 tấn sản phẩm/năm; sản phẩm kim loại 530 tấn sản phẩm/năm - Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 600 m ³ /ngày.đêm đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) ra hệ thống thoát nước chung của KCN Quang Minh. - Hệ thống xử lý khí thải phương pháp hấp thụ bằng nước tại buồng phun sơn	Hiện tại công ty không thực hiện công đoạn mạ tại nhà xưởng số 3 (máy móc thiết bị, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải tại nhà xưởng này đã được tháo dỡ)
3	Giấy xác nhận số 23/STNMT-CCMT ngày 17/08/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội xác nhận các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án Đầu tư nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại”	- Công suất: sản phẩm nhựa 750 tấn sản phẩm/năm; sản phẩm kim loại 500 tấn sản phẩm/năm - Công suất mạ sản phẩm nhựa 500 tấn sản phẩm/năm; sản phẩm kim loại 530 tấn sản phẩm/năm - Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 600	Hiện tại công ty không thực hiện công đoạn mạ tại nhà xưởng số 3 (máy móc thiết bị, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải tại nhà xưởng này đã

	m³/ngày.đêm. Nước thải sản xuất được đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN và tiếp tục được xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của KCN. - Bể tự hoại 3 ngăn xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt, bể tách mỡ xử lý nước thải từ nhà bếp. Toàn bộ nước thải sinh hoạt được đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN và tiếp tục được xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của KCN. - Lắp đặt 06 hệ thống xử lý khí thải hơi axit, hơi kiềm hoạt động theo cơ chế luân phiên. Lắp đặt buồng phun sơn và buồng tách bụi đồng bộ để xử lý bụi và hơi dung môi sơn phát sinh.	được tháo dỡ)
--	--	---------------

1.1.2. Các văn bản pháp lý liên quan đến dự án

** Các văn bản luật:*

- Luật Thủ Đô số 25/2012/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 21/11/2012;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/6/2014, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015;
- Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2023;

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 13/6/2019, có hiệu lực từ ngày 01/01/2020;

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/11/2013;

- Luật Phòng cháy chữa cháy số 27/2001/QH10 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2001 và có hiệu lực từ ngày 04/10/2001;

- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 22/11/2013, luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2014;

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2006;

** Các nghị định:*

- Nghị định 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

** Các thông tư:*

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 26/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BNTM ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/04/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

- Thông tư số 08/2018/TT-BTNMT ngày 14/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 51/2014/BTNMT ngày 05/09/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành QCTĐHN 02:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội;

- Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 02/2018/TT-BXD Quy định về BVMT trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo các công tác BVMT ngành xây dựng, ban hành ngày 6/2/2018 có hiệu lực từ ngày 1/4/2018;

** Các quyết định:*

- Quyết định số 1654/QĐ-TTg ngày 07/09/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch thoát nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 725/QĐ-TTg ngày 10/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch thoát nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

** Tiêu chuẩn và quy chuẩn về môi trường:*

- QCTĐHN 02:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội;

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội;

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- TCVN 6707:2009 - Chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa;

- TCVN 6705:2009 - Chất thải rắn thông thường;

- TCVN 6706:2009 - Phân loại chất thải nguy hại;

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

- TCVN 6436:1998: Âm học - Tiếng ồn do phương tiện giao thông phát ra khi đỗ - Mức ồn tối đa cho phép;

* Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án.

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên số 2500234842 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/11/2007, cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 23/08/2023.

2. Giấy chứng nhận đầu tư số 192043000053 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, chứng nhận lần đầu ngày 15/11/2007 và chứng nhận thay đổi lần thứ 7 ngày 15/05/2024;

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 933604 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (nay thuộc thành phố Hà Nội) cấp ngày 23/05/2006.

4. Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 992/TNMT-MT, ngày 25/11/2005 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc xác nhận cho Dự án đầu tư Nhà xưởng sản xuất thuộc Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision;

5. Quyết định số 3413/QĐ-UBND ngày 09/07/2009 của UBND thành phố Hà Nội cấp về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: “Đầu tư nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại”;

6. Giấy xác nhận số 23/STNMT-CCMT ngày 17/08/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội xác nhận các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án Đầu tư nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại”;

7. Sổ đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 01.001339.T, cấp lần 2 ngày 04/04/2014 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp;

8. Biên bản thỏa thuận đầu nối số 41/BB-NĐ ngày 05 tháng 7 năm 2011 V/v thoát nước mặt, nước thải KCN Quang Minh I;

9. Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 79/2018/HĐ-XLNT ký ngày 15/12/2018 giữa Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức và Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision;

10. Phụ lục số 02 ký ngày 15/12/2023 Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức và Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision V/v gia hạn thời hạn và điều chỉnh đơn giá dịch vụ của Hợp đồng;

11. Biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy năm 2008;

12. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1068/TD-PCCC do Phòng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an thành phố Hà Nội cấp;

13. Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục bảo trì bảo dưỡng PCCC (số 212/BBNTHT-TL);

1.2. Tên cơ sở

CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION

- Địa điểm cơ sở: Lô 20 KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, phê duyệt dự án:

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

+ Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 992/TNMT-MT, ngày 25/11/2005 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc xác nhận cho Dự án đầu tư Nhà xưởng sản xuất thuộc Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision;

+ Quyết định số 3413/QĐ-UBND ngày 09/07/2009 của UBND thành phố Hà Nội cấp về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: “Đầu tư nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại”;

+ Giấy xác nhận số 23/STNMT-CCMT ngày 17/08/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội xác nhận các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án Đầu tư nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại”;

+ Sổ đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 01.001339.T, cấp lần 2 ngày 04/04/2014 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp;

- Quy mô của cơ sở:

+ Phân loại theo tiêu chí của Pháp luật về Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 01/01/2020, Dự án nhóm B (Khoản 3 Theo điều 9, dự án công nghiệp).

+ Phân loại theo Luật Bảo vệ môi trường: Dự án thuộc nhóm II, số thứ tự 2, Phụ lục IV. Dự án nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

- Cơ quan cấp giấy phép môi trường của cơ sở: Theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh.

Cơ sở nằm trong KCN Quang Minh, như vậy, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường, trình Ban quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội thẩm định, phê duyệt.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất và sản phẩm

- Sản phẩm nhựa: 750 tấn sản phẩm/năm bao gồm sản phẩm nhựa lắp ráp, ép; sản phẩm nhựa in, sơn.

- Sản phẩm kim loại

+ Sản phẩm kim loại đột dập: 412,8 tấn sản phẩm/năm

Quy mô sản xuất hiện nay của cơ sở như sau:

- Sản phẩm nhựa: công suất đạt 94,32 %

+ Sản phẩm nhựa lắp ráp, ép: 524 tấn sản phẩm/năm

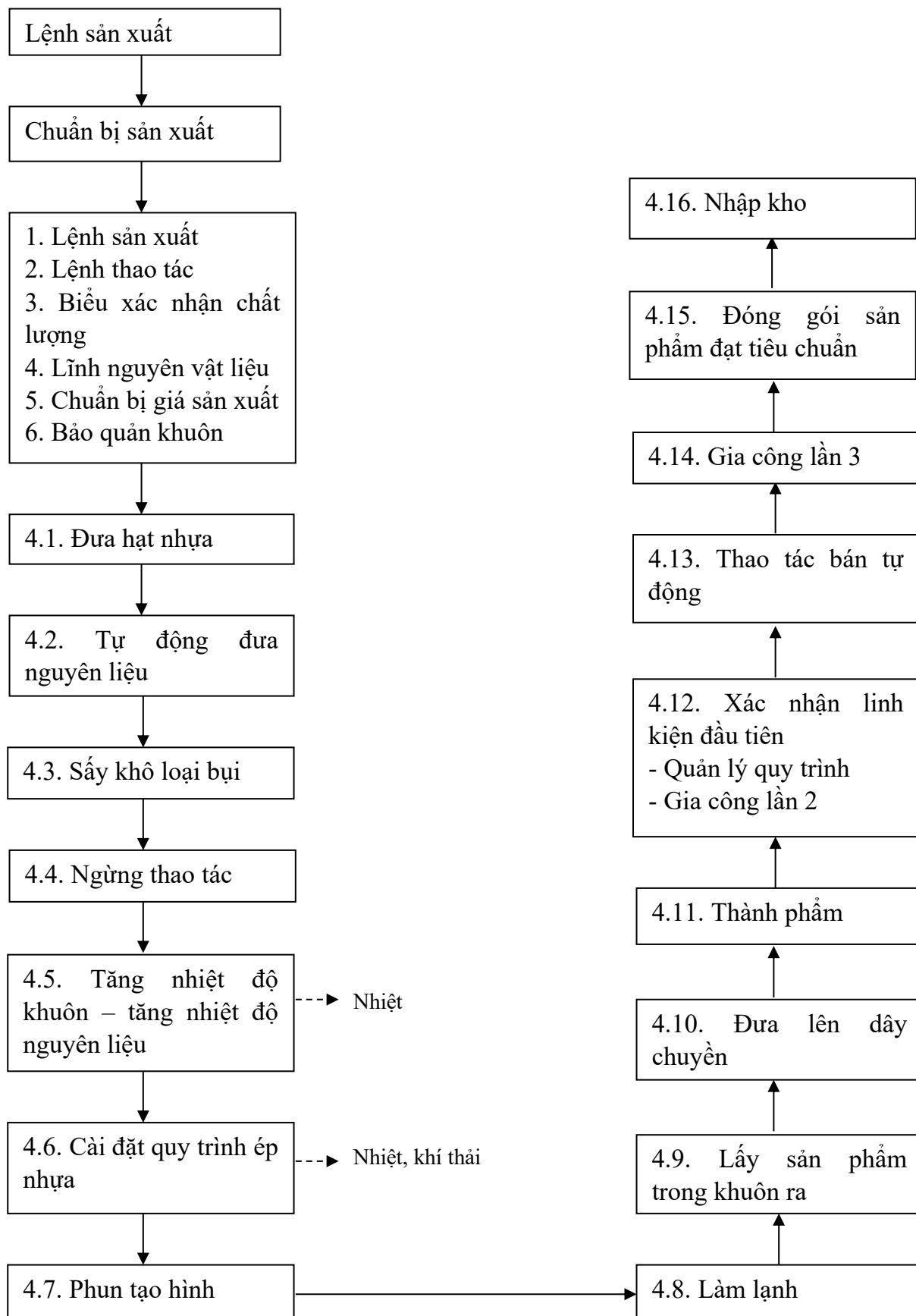
+ Sản phẩm nhựa in, sơn: 183,4 tấn sản phẩm/năm

- Sản phẩm kim loại: công suất đạt 82,56 %

+ Sản phẩm kim loại đột dập: 412,8 tấn sản phẩm/năm

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

1.3.2.1. Quy trình ép nhựa



Hình 1.1. Sơ đồ quy trình ép nhựa

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Nhà máy khi nhận đơn hàng sẽ tiến hành lập kế hoạch sản xuất theo yêu cầu

- Nguyên liệu sử dụng là các loại hạt nhựa được đưa vào dây chuyền tự động qua công đoạn sấy khô để loại bỏ bụi.

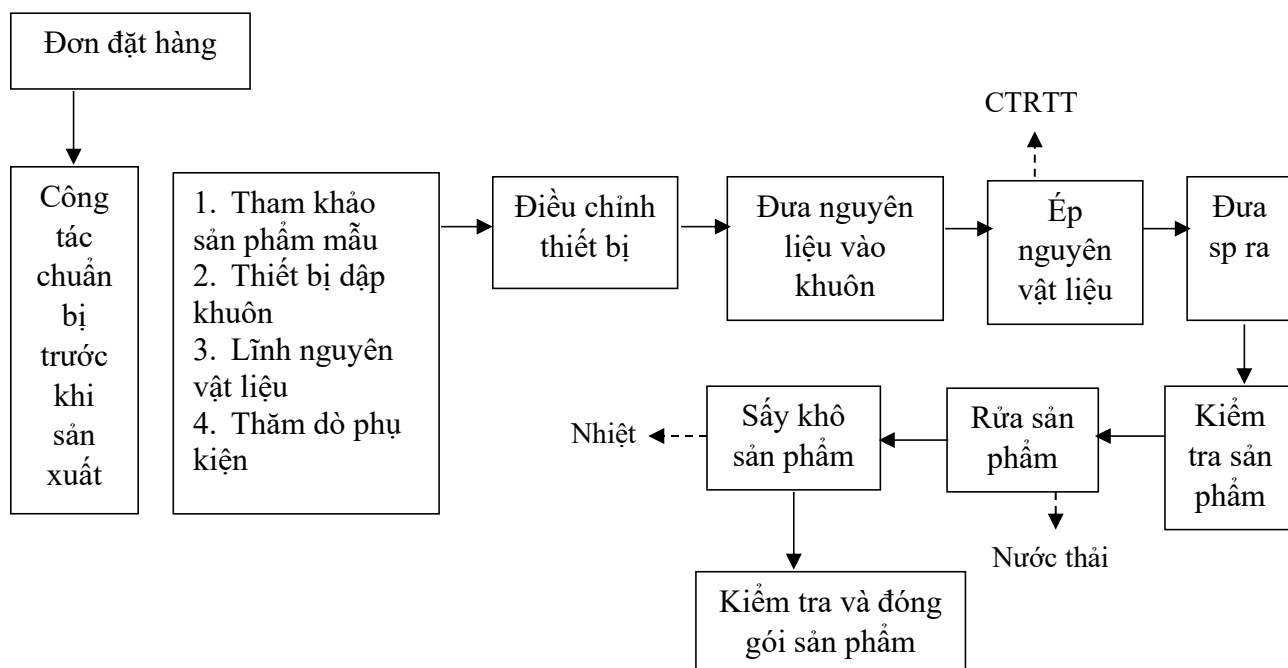
- Khuôn tạo hình và nguyên liệu được tăng nhiệt độ khoảng 200⁰C và chuyển nguyên liệu vào máy ép nhựa.

- Công nhân tiến hành cài đặt quy trình ép nhựa, hạt nhựa được gia nhiệt nóng chảy và phun vào khuôn tạo hình theo yêu cầu.

- Sản phẩm sau tạo hình được làm lạnh về nhiệt độ thường. Công nhân tiến hành lấy sản phẩm trong khuôn ra và chuyển lên dây chuyền tiếp theo.

- Sản phẩm tiếp tục được gia công tạo hình theo yêu cầu, các hạt nhựa còn dư được thu gom lại và nhập kho.

1.3.2.2. Quy trình sản xuất đột dập



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình sản xuất đột dập

Thuyết minh quy trình sản xuất

Nhà máy khi nhận đơn hàng sẽ thiết kế lập kế hoạch sản xuất theo yêu cầu

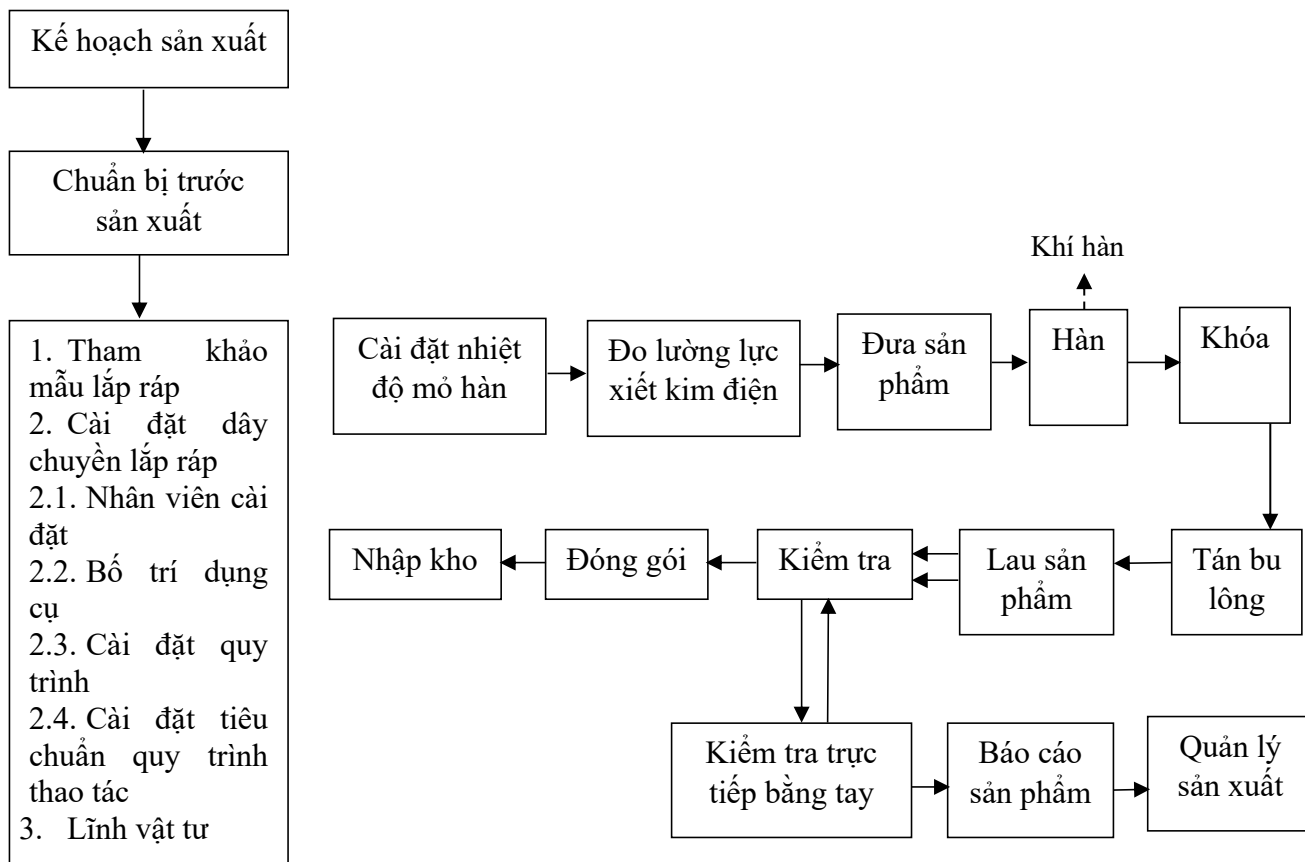
- Nguyên liệu kim loại được đưa vào khuôn tạo hình của máy đột dập

- Máy thực hiện ép nguyên vật liệu tạo hình theo chương trình được công nhân thiết lập.

- Sản phẩm sau ép được kiểm tra đạt yêu cầu sẽ chuyển sang khâu làm sạch

- Sản phẩm được rửa sạch và sấy khô trước khi đóng gói nhập kho thành phẩm.

1.3.2.3. Quy trình lắp ráp

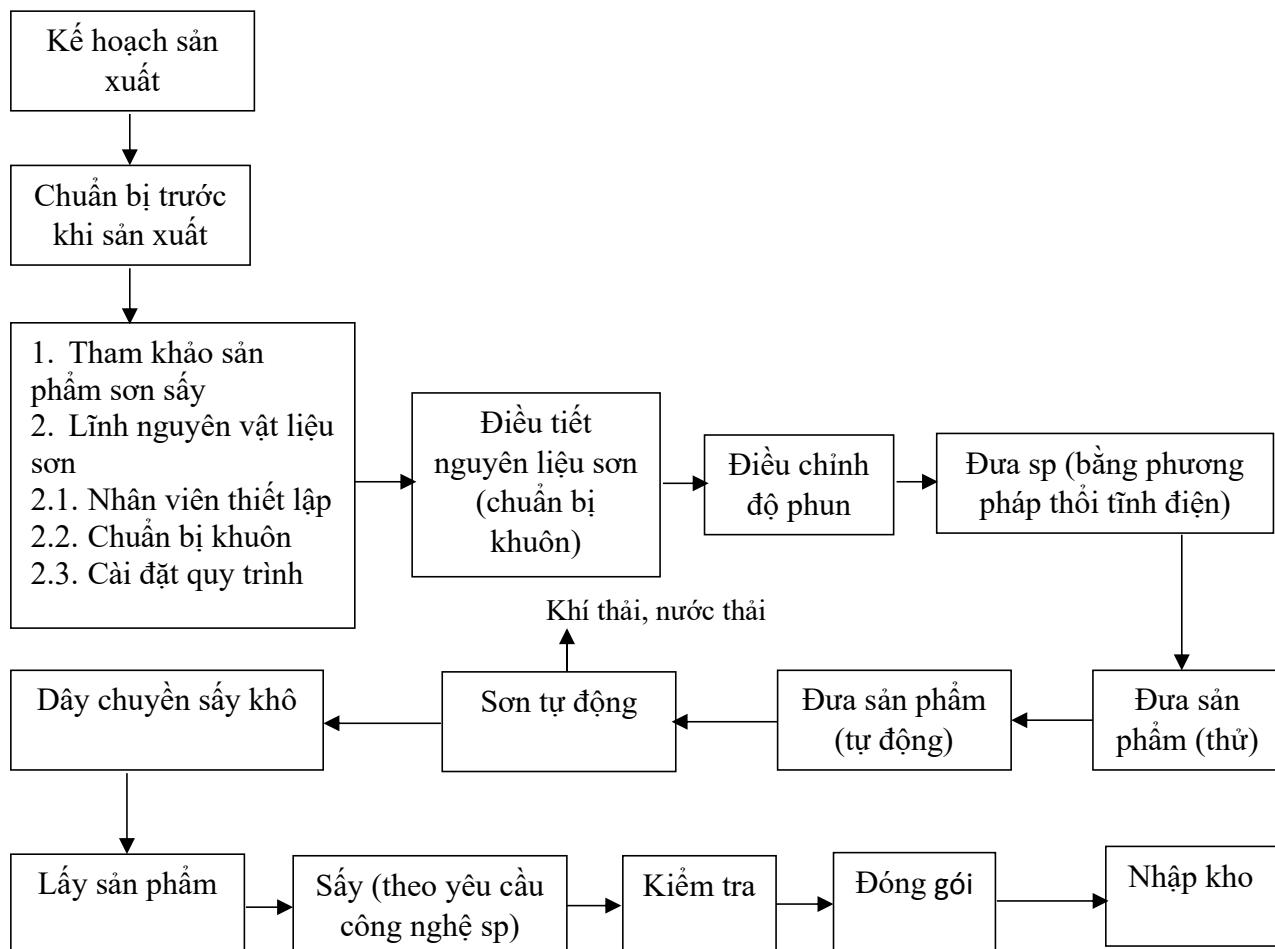


Hình 1.3. Sơ đồ quy trình lắp ráp

Thuyết minh quy trình lắp ráp

- Khi có yêu cầu từ khách hàng, công nhân thiết lập các thông số kế hoạch sản xuất.
- Nguyên liệu vật tư được đưa vào công đoạn hàn, hàn các mối liên kết theo yêu cầu sản phẩm.
- Sau đó sản phẩm đã hàn được đưa sang tán bu lông và lau sản phẩm
- Kiểm tra sản phẩm đạt yêu cầu được đưa sang đóng gói nhập kho, sản phẩm chưa đạt yêu cầu sẽ báo cáo quản lý sản xuất.

1.3.2.3. Quy trình công nghệ sơn sấy



Hình 1.4. Sơ đồ quy trình công nghệ sơn sấy

Thuyết minh quy trình

Nhà máy khi nhận đơn hàng sẽ thiết lập kế hoạch sản xuất. Các nguyên vật liệu được đưa vào khuôn sơn, công nhân cài đặt các thông số theo yêu cầu sản xuất và đưa sản phẩm theo dây chuyền vào sơn tự động bằng các súng sơn hoặc bằng sơn tay.

Sau khi sơn, sản phẩm được đưa vào dây chuyền sấy khô trước khi kiểm tra lại và đóng gói, nhập kho.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Sản phẩm nhựa: 750 tấn sản phẩm/năm bao gồm sản phẩm nhựa lắp ráp, ép; sản phẩm nhựa in, sơn.

- Sản phẩm kim loại

+ Sản phẩm kim loại đột dập: 412,8 tấn sản phẩm/năm

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu và hóa chất

Bảng 1.1. Nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của cơ sở

STT	Nguyên liệu, hóa chất	Đơn vị	Khối lượng sử dụng
I	Nguyên liệu thô	Tấn/năm	1.826,909
1	Hạt nhựa PMMA	kg/năm	323.966
2	Hạt nhựa PC	kg/năm	288.693
3	Hạt nhựa ABS.POM.PC + ABS.PP.PVC	kg/năm	68.770
4	Thanh inox	kg/năm	98.926
5	Thép tráng thiếc	kg/năm	593.603
6	Thép tráng kẽm	kg/năm	79.214
7	Tấm nhôm	kg/năm	126.619
8	Nguyên liệu nhôm	kg/năm	246.572
9	Tấm nhựa	kg/năm	546
II	Hóa chất hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt mới		
10	Viên Clo	Viên/tháng	5
	Tổng khối lượng	Tấn/năm	

Nguồn: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision

Nguyên liệu của cơ sở được nhập trực tiếp tại các đơn vị phân phối, không phải là nguyên liệu tái chế và không có hoạt động tái chế làm nguyên liệu sản xuất.

1.4.2. Nhu cầu điện năng

Điện năng sử dụng tại cơ sở phục vụ cho các hoạt động chiếu sáng, chạy máy móc,... Điện năng tiêu thụ trung bình hàng tháng khoảng 289.172 kWh/tháng, do Công ty Cổ phần điện lực miền Bắc cung cấp.

Dưới đây là bảng thống kê nhu cầu sử dụng điện từ tháng 8/2024 – tháng 03/2025 tại cơ sở:

Bảng 1.2. Thống kê nhu cầu sử dụng điện từ tháng 8/2024 đến tháng 03/2025 tại cơ sở

Tháng	Tiêu thụ (kWh/tháng)
Tháng 08/2024	352.760
Tháng 09/2024	280.500
Tháng 10/2024	291.360
Tháng 11/2024	315.430
Tháng 12/2024	205.810
Tháng 01/2025	244.170
Tháng 02/2025	290.740
Tháng 03/2025	331.390
Trung bình tháng	289.020

(Nguồn: Hóa đơn điện tháng 08/2024 đến tháng 03/2025)

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn nước cấp cho hoạt động của cơ sở là nguồn nước sạch do Công ty TNHH Một thành viên phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO cung cấp.

1. Khối lượng nước cấp sử dụng thực tế của nhà máy trong 5 tháng cuối năm 2024

Khối lượng nước tiêu thụ của cơ sở trong từ tháng 08/2024 đến tháng 03/2025

Bảng 1.3. Thống kê nhu cầu tiêu thụ nước của cơ sở từ tháng 08/2024 đến tháng 03/2025

Tháng	Tiêu thụ (m³/tháng)
Tháng 08/2024	1.104
Tháng 09/2024	995
Tháng 10/2024	1055
Tháng 11/2024	1211
Tháng 12/2024	873
Tháng 01/2025	858
Tháng 02/2025	606
Tháng 03/2025	961

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

Trung bình 8 tháng (m³)	957,87
Trung bình ngày (m³) (26 ngày làm việc)	36,8 m³

(Nguồn: Hóa đơn nước từ tháng 08/2024 đến tháng 03/2025)

Nhu cầu sử dụng nước hiện tại trung bình 957,87 m³/tháng (theo hóa đơn nước sử dụng của nhà máy) tương đương khoảng 36,8 m³/ngày.

Nước sạch chủ yếu dùng trong quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên của Công ty; nước dùng cho sản xuất (bao gồm: nước làm mát, nước công đoạn sơn, nước công đoạn mài), cụ thể như sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu tiêu thụ nước (nước cấp sinh hoạt, nước cấp sản xuất) của công ty

STT	Nhu cầu sử dụng nước	Khối lượng (m³/ngày.đêm)	Tần suất thay nước	Thu gom xử lý
I	Nước dùng cho sinh hoạt			
1	295 người	29,5		4 bể tự hoại 3 ngăn
II	Nước dùng cho sản xuất			
1	Công đoạn mài	0,2	6 tháng/lần	Thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý
2	Công đoạn sơn	4	6 tháng/lần	Thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý
3	Nước làm mát	1	15 ngày/lần	Thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý
	Tổng	36,9		

Công ty có sử dụng nước tích trữ tại bể chứa nước có dung tích bể là 2.312 m³ sử dụng cho sản xuất, phòng cháy chữa cháy của nhà máy.

1.4.4. Nhu cầu sử dụng hóa chất

Bảng 1.5. Nhu cầu hóa chất đầu vào hiện tại của công ty

TT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng/tháng	Nguồn gốc	Ghi chú
I	Hóa chất cho hệ thống xử lý nước thải				
1	Viên nén Clo	Viên	5	Việt Nam	Khử trùng

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Vị trí địa lý

Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision có địa chỉ tại Lô 20 KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

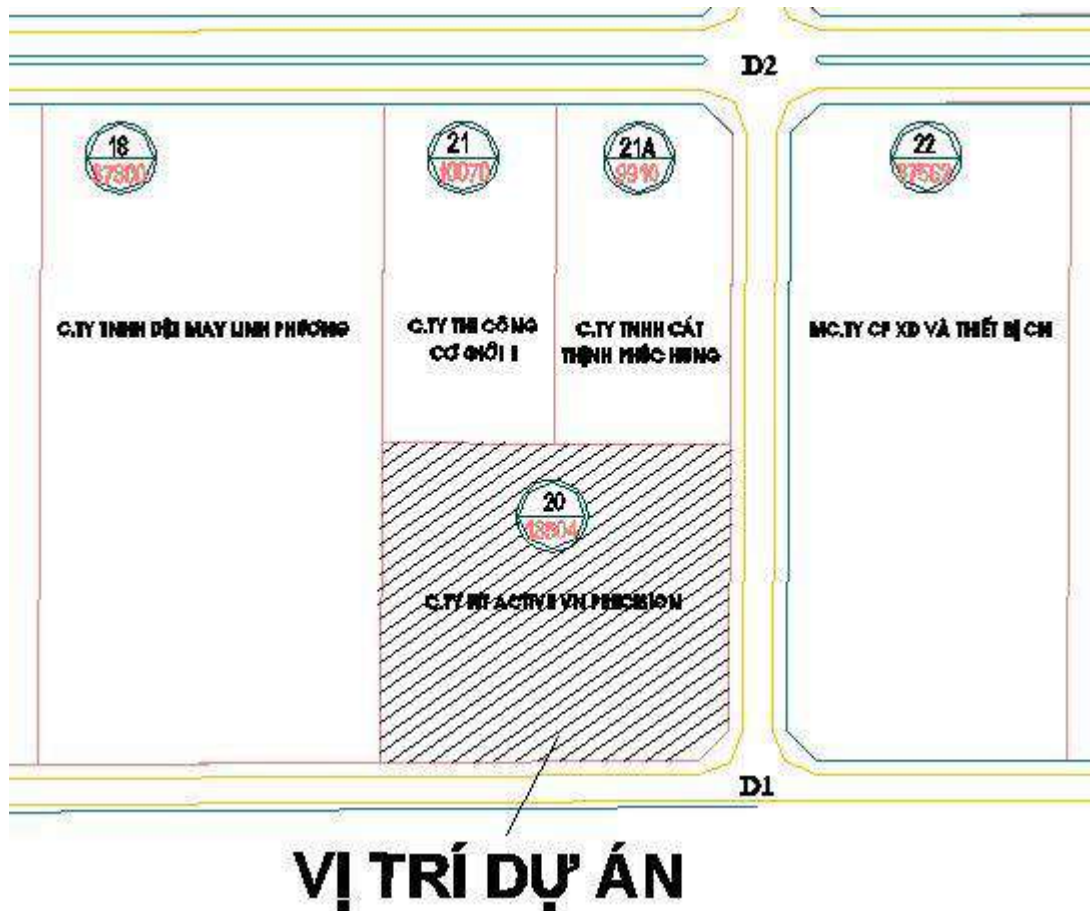
Vị trí địa lý toàn bộ khu đất của Công ty được xác định như sau:

- + Phía Nam tiếp giáp với đường nội bộ KCN Quang Minh;
- + Phía Bắc tiếp giáp đường nội bộ KCN Quang Minh và công ty Marumitsu;
- + Phía Đông tiếp giáp với Công ty Dệt may Linh Phương;
- + Phía Tây tiếp giáp với đường nội bộ KCN Quang Minh và Công ty cổ phần thiết bị công nghiệp.

Khu đất của Công ty được giới hạn bởi các điểm như sau:

Bảng 1.6. Tọa độ các điểm khống chế tại cơ sở

Vị trí	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
M1	2343890.674	579625.032
M2	2343804.529	579555.255
M3	2343806.192	579555.766
M4	2343888.101	579436.786
M5	2343977.664	579526.587

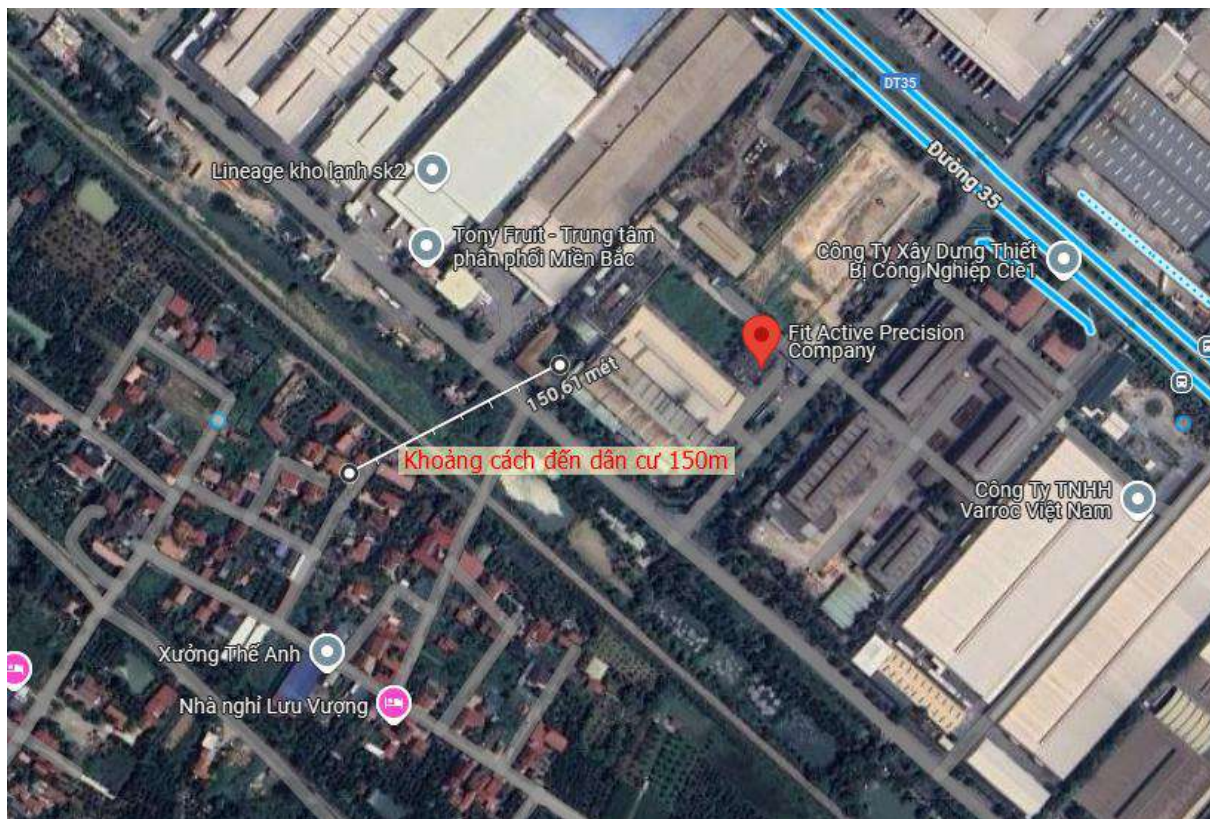


Hình 1.5. Vị trí cơ sở và các đối tượng xung quanh

1.5.2. Khoảng cách từ cơ sở tới khu dân cư và đánh giá mức độ ảnh hưởng

1. Khoảng cách tới khu dân cư

Cơ sở thực hiện tại Lô 20, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội nên không tiếp giáp với khu dân cư.



Hình 1.6. Vị trí của cơ sở và khu dân cư lân cận

2. Đánh giá mức độ ảnh hưởng

Hoạt động của cơ sở trong khu công nghiệp được đánh giá phù hợp với chiến lược của thành phố Hà Nội nhằm tập trung các nhà máy, xí nghiệp để tập trung sản xuất, quản lý và hạn chế tối đa ảnh hưởng của sản xuất công nghiệp tới khu dân cư. Việc sản xuất công nghiệp tập trung cũng nhằm mục đích quản lý chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm môi trường của sản xuất công nghiệp, dễ dàng xử lý tập trung hiệu quả các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

Trong quá trình triển khai hoạt động, cơ sở đã thực hiện các thủ tục môi trường bao gồm:

- + Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 992/TNMT-MT, ngày 25/11/2005 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc xác nhận cho Dự án đầu tư Nhà xưởng sản xuất thuộc Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision;

- + Quyết định số 3413/QĐ-UBND ngày 09/07/2009 của UBND thành phố Hà Nội cấp về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: “Đầu tư nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại”;

+ Giấy xác nhận số 23/STNMT-CCMT ngày 17/08/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội xác nhận các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án Đầu tư nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại”;

Như vậy, địa điểm hoạt động của cơ sở phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường. Loại hình sản xuất của nhà máy là sản xuất công nghiệp nhẹ, ít tác động đến môi trường.

1.5.3. Hạng mục công trình xây dựng của cơ sở

1.5.3.1. Nhóm các hạng mục công trình chính

Bảng 1.7. Các hạng mục công trình chính phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty

TT	Các hạng mục công trình	Số tầng	Diện tích xây dựng (m²)	Đặc tính kỹ thuật và chức năng	Ghi chú
1	Nhà văn phòng	3	360	Kết cấu xây dựng: Tòa nhà 2 tầng, cao 13,05m (tính cả mái), khung nhà khung BTCT, tường xây gạch block 250, trát xi măng mác 75	
2	Nhà xưởng số 1	1	2.7443,5	Xưởng sản xuất gồm các công đoạn dập, lắp ráp, hàn, phòng QC, kho thành phẩm, phòng bảo dưỡng, phòng kiểm tra chất lượng, kiểm tra sản phẩm và đóng gói với kết cấu xây dựng là khung BTCT, tường xây gạch block, trát xi măng mác 75 và sơn màu ghi. Mái tôn mạ kẽm với chiều cao là 9,015m.	
3	Nhà xưởng số 2	1	3.398,4	Được thiết kế xây dựng thành 1 tổ hợp bởi 5 không gian riêng biệt gồm: khu vực sản xuất đột dập và lắp ráp kim loại, phòng kiểm tra, phòng kỹ thuật, kho	

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

TT	Các hạng mục công trình	Số tầng	Diện tích xây dựng (m²)	Đặc tính kỹ thuật và chức năng	Ghi chú
				để hàng nguyên liệu, phòng vệ sinh và không gian lưu không trong xưởng với kết cấu xây dựng là khung BTCT, tường xây gạch block, trát xi măng mác 75 và sơn màu ghi. Mái tôn mạ kẽm với chiều cao là 9,015m.	
4	Nhà xưởng số 3 (xưởng mạ)	2	1.387	Xưởng được bố trí nằm ở khu vực phía Tây Bắc của nhà máy. Gồm 02 tầng, tầng 1 thực hiện công đoạn mạ, tầng 2 dùng làm kho và đặt hệ thống xử lý khí thải, với kết cấu xây dựng là khung BTCT, tường xây gạch block, trát xi măng mác 75 và sơn màu ghi. Mái tôn mạ kẽm với chiều cao là 8m.	- Xưởng mạ hiện tại không hoạt động. Công ty đã tháo dỡ các thiết bị mạ, hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải sản xuất. - Thay vào đó công ty đang sử dụng cho phòng khuôn, phòng ép nhựa, lắp ráp, phòng CNC và chuẩn bị bố trí phòng in lưới

1.5.3.2. Nhóm hạng mục về kết cấu hạ tầng

Bảng 1.8. Các hạng mục công trình phụ trợ

TT	Các hạng mục công trình	Số tầng	Diện tích xây dựng (m²)	Đặc tính kỹ thuật và chức năng
1	Nhà ăn	2	294,06	Được xây dựng với kết cấu nhà BTCT, tường xây gạch block 25, trát xi măng mác 75, sơn màu trắng, mái đổ trần bê tông.
2	Nhà bảo vệ	1	20	Được xây dựng với kết cấu nhà BTCT, tường xây gạch block 25, trát xi măng mác 75, sơn màu trắng, mái đổ trần bê tông.
3	Sân đường nội bộ		5.481,484	Đường giao thông nội bộ Công ty rộng 3,5m được đổ BTCT, trải nhựa asphalt, hành lang nội bộ rộng 1,2m, mặt được đổ BTCT và trải chất chống trơn, tăng cứng sika.
4	Cây xanh, vườn hoa		1.863,88	Nhà máy trồng dây cây xanh chạy theo tường rào, khoảng cách 5m/cây. Phía trước (phía Đông) nhà máy được bố trí hành lang trồng cây xanh và vườn hoa.
5	Một số công trình phụ trợ khác như: trạm điện, hành lang kết nối, mái hắt, nhà để xe			

1.5.3.3. Nhóm các hạng mục về BVMT

Bảng 1.9. Các hạng mục BVMT của cơ sở

TT	Các hạng mục công trình	Số tầng	Diện tích xây dựng (m²)	Đặc tính kỹ thuật và chức năng	Ghi chú
1	Kho chứa hóa chất	1	118,25	Chủ yếu kho được sử dụng để chứa dầu làm mát máy, dầu chống gỉ, và một số hóa chất sơn ,mực,dung môi bố trí trên giá và có khay inox chống tràn . Các hóa chất này được phân chia thành 2 khu vực có biển báo đối với	

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

TT	Các hạng mục công trình	Số tầng	Diện tích xây dựng (m²)	Đặc tính kỹ thuật và chức năng	Ghi chú
				từng loại. Kho được xây dựng với kết cấu khung BTCT, tường xây gạch block 250, tường được trát và sơn bằng vật liệu chống cháy. Mái tôn mạ kẽm cao 6m. Sàn kho chứa hóa chất đảm bảo chịu được tải trọng, hóa chất, chống trơn trượt. Kho chứa được bố trí hệ thống thông gió, cửa thoát hiểm và đèn báo.	
2	Kho lưu trữ chất thải rắn và CTNH	1	80	Kho được bố trí xây dựng tại khu vực phía Đông Nam gần hệ thống xử lý nước thải sản xuất. Kho được ngăn làm 2 gian: gian chứa chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt diện tích 30 m ² , gian chứa chất thải nguy hại diện tích 50 m ² , xây dựng với kết cấu BTCT, tường xây gạch, trát xi măng, mái lợp tôn cao 3,2m, nền đổ Bê tông, cửa ra vào là khung sắt, cửa lưới kích cỡ 2500 x 1800mm	
3	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất	1	393	Được bố trí tại khu vực phía sau xưởng mạ. Nhà che máy móc, thiết bị sử dụng cho hệ thống xử lý được xây dựng với khung xà gồ bằng thép ống, mái tôn cao 3,5m.	Dừng hoạt động và đã tháo dỡ các thiết bị
4	Hệ thống xử lý khí thải	1	15	Hệ thống được bố trí nằm tại tầng 2 của xưởng mạ. Tháp xử lý của hệ thống được xây dựng bằng nhựa composite với chiều cao là 6,2 m.	Dừng hoạt động và đã tháo dỡ các thiết bị

Các hạng mục bảo vệ môi trường hiện tại của công ty

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại (01 bể tự hoại 30m³ – 3 ngăn)

- Công trình xử lý, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại: Công ty đã trang bị dụng cụ, phương tiện thu gom và phân loại chất thải rắn, chất thải nguy hại; có kho lưu chứa chất thải nguy hại và kho chứa chất thải thông thường theo quy định, với tổng diện tích của kho chứa là 80 m², cụ thể:

+ Kho chứa chất thải thông thường (chức năng lưu trữ: chất thải rắn sản xuất và chất thải rắn sinh hoạt) có diện tích 30 m², xung quanh xây tường bao, mái lợp tôn và cửa sắt lưới.

+ Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 50 m², xung quanh xây tường bao, có mái che kín, phía trước được bao bằng thép lưới và có cửa khóa.

- Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và các công trình bảo vệ môi trường khác: Công trình thu gom nước mưa chảy tràn, hệ thống thu gom nước thải, trồng cây xanh quanh khuôn viên, các biện pháp phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, các giải pháp an toàn điện, an toàn giao thông,...

Hệ thống thu gom nước mưa

+ Chức năng:

Thu gom và tiêu thoát toàn bộ nước mưa mái và nước mưa chảy tràn trên bề mặt khuôn viên trong khu vực Công ty.

+ Quy mô, diện tích:

Nước mưa trên mái tại các mái nhà xưởng, trạm điện và các nhà phụ trợ được Công ty thu gom bằng các ống PVC đường kính 200mm với độ dốc mái là 0,6% nên không có hiện tượng ứ đọng. Nước mưa từ các ống nhựa được đưa vào hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn trên bề mặt Công ty qua hệ thống các song chắn rác và phễu thu nước.

Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn trên bề mặt được bố trí xung quanh nhà máy, bên cạnh đường giao thông nội bộ, được thu gom bằng hệ thống cống BTCT đường kính 300mm. Sau đó, nước mưa sẽ được thoát vào hố ga tại khu vực phía Đông Nam (vị trí đầu nối nước mưa) trước khi thoát vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp Quang Minh, nắp tấm đan thép có kích thước D300-600mm. Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn hiện có của Công ty được thiết kế với độ dốc 1% và được định kỳ cán bộ vệ sinh công ty dọn 2 lần/ tháng nên khi có mưa nước được chảy liên tục không ứ đọng. (Chi tiết hệ thống thu gom nước mưa thoát vào hệ thống thoát nước của được thể hiện tại bản vẽ mặt bằng hệ thống thoát nước đính kèm tại Phụ lục)

Hệ thống thu gom nước thải

+ Chức năng

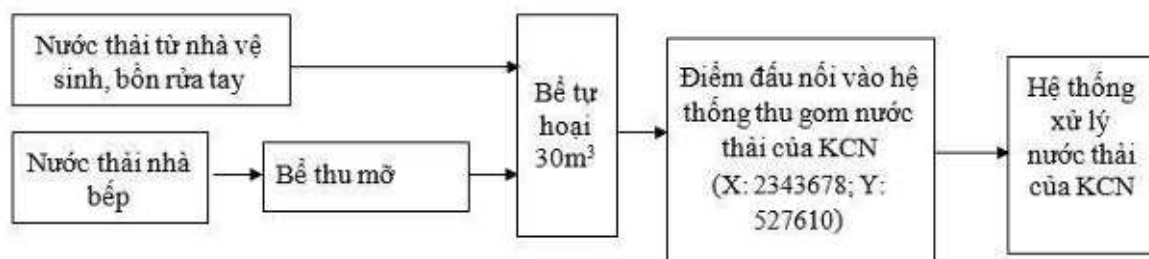
Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất tại nhà xưởng và nước thải sinh hoạt của công nhân viên nhà máy.

+ Quy mô, diện tích, thiết kế

Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt: Nước thải này được thu gom thành 04 nguồn (từ nhà vệ sinh khu văn phòng, khu nhà xưởng 01, khu nhà xưởng 03 và khu bếp ăn). Công trình bể tự hoại đã được xác nhận hoàn thành theo Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp số 23/STNMT-CCMT ngày 14/08/2015.

Định kỳ 1 lần/năm, Công ty sẽ thuê đơn vị vệ sinh môi trường trong khu vực đến để làm sạch các hố ga và bể tự hoại.

Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt của Công ty



Hình 1.7. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt Công ty

Toàn bộ nước thải nhà bếp sau khi tách mỡ và nước thải sinh hoạt sau quá trình xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được tiếp tục xử lý qua HTXLNT tập trung của Khu công nghiệp thông qua 01 điểm đầu nối nước thải sinh hoạt (tọa độ X: 2343678; Y: 527610).

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

Hệ thống xử lý nước thải được bố trí xây dựng ngầm dưới lán để xe, gần nhà bếp. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty được xây dựng với nguyên lý bể tự hoại với tổng thể tích của bể là 30 m³ gồm 3 ngăn:

+ Ngăn 1: Thu nước thải từ các khu vực nhà vệ sinh, chậu rửa, ngăn này có thể tích là 10 m³. Sau khi được xả trực tiếp trong quá trình sử dụng, rác thải – chất thải sẽ trôi xuống và lưu tại ngăn này một thời gian để được phân hủy. Sau quá trình phân hủy tất cả sẽ chuyển về dạng bùn, chỉ với các loại rác thải khó phân hủy (tóc, kim loại, vật cứng,...) sẽ được đọng lại.

+ Ngăn 2 là ngăn lắng, thể tích là 10m³. Tại đây, các chất rắn không có khả

năng phân hủy sẽ được đưa vào ngăn lắng. Phần nước không chứa cặn sẽ được tiếp tục chảy sang ngăn thứ 3 của bể để tiếp tục xử lý.

+ Ngăn 3 có thể tích là 10m^3 đảm nhiệm chức năng lọc nước trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của KCN. Cụ thể nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn được trình bày tại phần nước thải sinh hoạt (*đã được xác nhận hoàn thành theo Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 23/STNMT-CCMT ngày 14/08/2015*)

* Các thông số kỹ thuật của bể tự hoại (gồm 01 bể - 30m^3):

Bảng 1.10. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại

TT	Ngăn	Thể tích (m^3)	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều sâu (m)
1	Ngăn 1	10	2,5	2	2
2	Ngăn 2	10	2,5	2	2
3	Ngăn 3	10	2,5	2	2

- Vị trí đầu nối nước thải của Công ty với khu công nghiệp

Hiện nay, Công ty có 2 điểm đầu nối với khu công nghiệp bao gồm 1 vị trí đầu nối nước mưa (X: 2343820.393; Y: 579515.927) và 01 vị trí đầu nối nước thải sinh hoạt (X: 2343678; Y: 527610). Tại các vị trí đầu nối đều được bố trí hố ga có kích thước $800 \times 800 \times 800\text{mm}$ phía bên ngoài hàng rào Công ty trên vỉa hè sát đường nội bộ của khu công nghiệp.

- Hệ thống thông gió, điều hòa không khí

+ Mặt bằng tầng 1: Công ty đã bố trí các đường thông gió dạng hộp ống xung quanh nhà xưởng và sử dụng 15 quạt hút với công suất 0,18 kW với lưu lượng hút $10100\text{m}^3/\text{h}$, HS = $800 \times 650\text{mm}$, V=8 m/s, tại các chụp hút được mở 100% với lưu lượng hút đạt $2500\text{m}^3/\text{h}$.

+ Mặt bằng tầng 2: Áp dụng phương pháp thông gió bằng máy điều hòa không khí. Mỗi phòng được lắp đặt 01 máy điều hòa có công suất đạt 9.000 BTU/h, tổng cộng có 07 máy điều hòa đã được lắp đặt và sử dụng. Tại đây, không khí được lưu thông bằng các đường thông gió hình hộp chính với kích cỡ $400 \times 400\text{mm}$, đường nhánh có kích cỡ $300 \times 300\text{mm}$, hút thông qua các van cửa gió kích thước 150mm.

- Kho chứa chất thải rắn và chất thải nguy hại

Với tổng diện tích là 80 m² được bố trí xây dựng tại khu vực phía Đông Nam gần hệ thống xử lý nước thải sản xuất. Kho được ngăn làm 02 khu vực riêng biệt, khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường (30 m²) và khu vực lưu trữ chất thải nguy hại (50 m²). Tại kho được bố trí các thùng rác và có dán nhãn đối với từng chất thải lưu trữ bên trong thùng. Kho được xây dựng với kết cấu BTCT, tường xây gạch, trát xi măng, mái lợp tôn cao 3,2m, nền đổ bê tông, cửa ra vào là khung sắt, cửa lưới kích cỡ 2500 × 1800mm.

Đối với chất thải rắn thông thường (bao gồm CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp) đã và đang được bố trí thu gom, lưu trữ như sau:

+ CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên có thành phần chủ yếu là: giấy, bao bì, vỏ chai,... được thu gom vào các thùng chứa loại 20 lit đặt tại cuối xưởng sản xuất, khu văn phòng. Mỗi khu vực sẽ được bố trí 02 thùng chứa. Đối với các loại CTR có thành phần hữu cơ: thức ăn thừa, vỏ hoa quả... được thu gom vào 01 thùng chứa loại 30 lit đặt tại khu vực nhà ăn. Cuối ngày, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom toàn bộ rác thải phát sinh về 02 thùng chứa dung tích 120 lit trong khu vực lưu trữ chất thải thông thường của kho chứa.

+ CTR công nghiệp (gồm phoi sắt, bùn mài kim loại không có dầu, tem nhãn, bìa carton,...) sẽ được phân loại ngay tại nguồn phát sinh và thu gom về khu vực lưu trữ. Đối với những loại chất thải rắn có khả năng tái chế (như giấy, bìa, phoi sắt), Công ty sẽ bán lại cho đơn vị thu mua phế liệu.

Các loại chất thải rắn công nghiệp không có khả năng tái chế và chất thải rắn sinh hoạt được định kỳ thu gom tại Nhà máy tùy thuộc theo lượng phát sinh. Đối với chất thải nguy hại được định kỳ thu gom tối thiểu là 1 lần/năm. Định kỳ hàng năm, Công ty sẽ báo cáo lên cơ quan quản lý về tình hình thu gom và số lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy.

Đối với chất thải rắn nguy hại (giẻ lau dính dầu, các loại dầu thải, hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang thải,...) sẽ được thu gom, phân loại tại 07 thùng chứa dung tích 100 - 200 lit hiện có tại Nhà máy. Các thùng được dán nhãn cảnh báo tương ứng với từng loại chất thải nguy hại phát sinh.

Hiện tại, các kho lưu trữ được sử dụng khoảng 65% không gian kho.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”



Hình 1.8. Kho lưu giữ CTNH của Nhà máy

1.5.4. Danh mục máy móc, thiết bị cơ sở

Bảng 1.11. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất

TT	Tên máy móc thiết bị	Quy cách	Số lượng (Bộ)	Tình trạng	Xuất xứ
I	Máy móc xưởng ép nhựa (xưởng 1)				
1	Máy phun tạo hình	80T	2	90%	Đài Loan
2	Máy phun tạo hình	100T	5	90%	Nhật Bản
3	Máy phun tạo hình	150T	2	90%	Đài Loan
4	Máy phun tạo hình	180T	2	75%	Đài Loan
5	Máy phun tạo hình	250T	2	75%	Đài Loan
6	Máy phun tạo hình	350T	4	90%	Đài Loan
7	Máy phun tạo hình	450T	2	90%	Đài Loan
8	Máy rút tự động	Chạy ngang	11	90%	Đài Loan
9	Băng truyền tải	80 kg	2	90%	Đài Loan
10	Máy giữ nhiệt	80 kg	10	75%	Đài Loan
11	Máy trộn	150 kg	6	75%	Đài Loan
12	Máy lấy nguyên liệu	120 kg	12	75%	Đài Loan
13	Máy sấy khô di động	100 kg	5	75%	Đài Loan
14	Máy đưa sản phẩm tự động	50 kg	6	75%	Đài Loan

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

15	Khuôn đúc nhựa	60 kg	6	90%	Đài Loan
16	Giá khuôn	75 kg	2	90%	Đài Loan
17	Máy ép	25T	2	90%	Đài Loan
18	Máy ép	45T	2	75%	Đài Loan
19	Máy ép	80T	2	75%	Đài Loan
20	Máy ép	110T	3	90%	Đài Loan
21	Máy ép	200T	2	75%	Đài Loan
22	Máy xay nghiền	100 kg	1	75%	Đài Loan
23	Giá chuyển nguyên liệu	120 kg	8	90%	Đài Loan
24	Máy nén khí	50 HP	1	90%	Đài Loan
25	Máy nâng	5T	1	75%	Đài Loan
26	Máy cắt nguyên liệu	5T	6	75%	Đài Loan
27	Máy sơn	1T	1	75%	Đài Loan
28	Súng phun sơn	25 kg	6	75%	Đài Loan
II	Máy móc thiết bị xưởng đột dập (Xưởng 2)				
1	Máy dập	300T	1	90%	Đài Loan
2	Máy dập	200T	2	90%	Đài Loan
3	Máy dập	110T	4	75%	Đài Loan
4	Máy dập	80T	6	75%	Đài Loan
5	Máy dập	60T	2	75%	Đài Loan
6	Máy dập	45T	4	75%	Đài Loan
7	Máy dập	25T	1	90%	Đài Loan
8	Máy tời nguyên liệu	NCF-400	1	90%	Đài Loan
9	Máy cấp liệu	NCF-400	2	75%	Đài Loan
10	Máy làm phẳng kim loại	CL-400	1	75%	Đài Loan
11	Máy tán đinh	MR-AX143	3	75%	Đài Loan

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

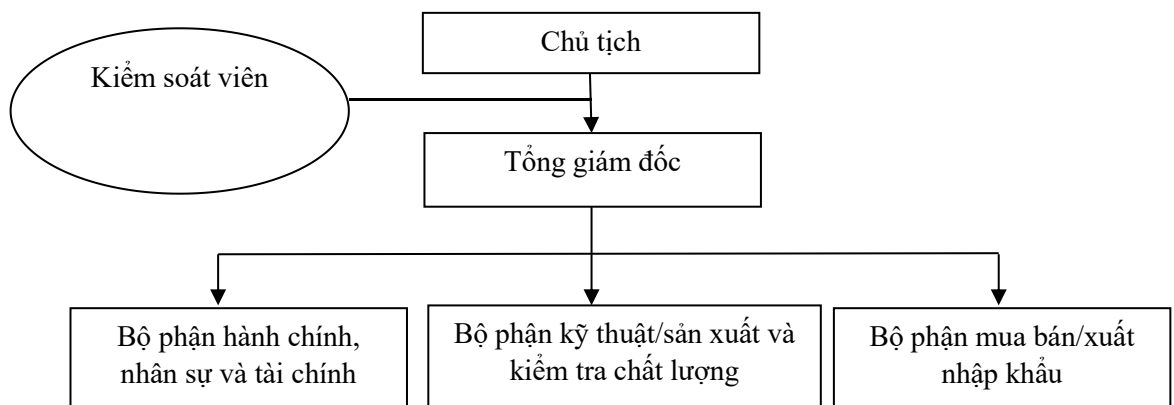
12	Máy Taro ren	MR-4508	2	75%	Đài Loan
III	Máy móc thiết bị dùng mạ (xưởng 3) (đã tháo dỡ) chuyển sang xưởng sửa chữa khuôn				
1	Máy phay		1	90%	Đài Loan
2	Máy tiện		1	75%	Đài Loan
3	Máy mài		4	75%	Đài Loan
4	Máy cắt dây		1	75%	Nhật
5	Máy xung điện		1	75%	Đài Loan
6	Máy in tự động		10	75%	Việt Nam
7	Máy in tay		5	75%	Việt Nam
8	Máy tiện xi (CNC)		2	75%	Đài Loan

1.5.5. Tổ chức quản lý của công ty

- Phương án quản lý:

Tổ chức quản lý được thực hiện phù hợp với quy mô và công nghệ của Nhà máy và phù hợp với sản xuất kinh doanh của Công ty, vừa đảm bảo chủ động nhưng thống nhất quản lý ở Giám đốc Nhà máy.

Sơ đồ tổ chức bộ máy nhân sự của Nhà máy:



Hình 1.9. Sơ đồ tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Nhân sự: Căn cứ vào tình hình và kế hoạch sản xuất – kinh doanh của Công ty. Tổng giám đốc sẽ quyết định cơ cấu nhân viên trong từng bộ phận cho mỗi giai đoạn kinh doanh. Cụ thể như sau:

Bảng 1.12. Kế hoạch nhân sự của Công ty

TT	Vị trí	Số lượng lao động
1	Tổng giám đốc	1
2	Giám đốc bộ phận	3
3	Trưởng Phòng	4
4	Nhân viên kỹ thuật và văn phòng	50
5	Nhân viên môi trường	1
6	Công nhân	366
	Tổng cộng	425

(Nguồn: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision)

Nhà máy thực hiện chế độ làm việc 3 ca/ngày đối với bộ phận sản xuất và quản lý sản xuất; làm việc 1 ca/ngày đối với các bộ phận còn lại. Số ngày làm việc trong tháng là 26 ngày.

CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)

Dự án được triển khai tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Khu công nghiệp Quang Minh được xem là một khu công nghiệp đa ngành, có tỷ lệ ít gây ô nhiễm và ảnh hưởng tới tiêu cực tới môi trường. Tại khu công nghiệp Quang Minh diễn ra các hoạt động, ngành nghề chính như công nghiệp lắp ráp cơ khí điện tử, công nghiệp nhẹ, hàng tiêu dùng, chế biến lương thực, thực phẩm, chế biến đồ trang sức, sản xuất linh kiện điện tử, ô tô, xe máy, đồ dùng gia dụng, cơ khí,...

- Về quy hoạch, ô đất dự kiến nghiên cứu theo quy hoạch chung xây dựng huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/10.000 đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 6694/QĐ-UBND ngày 16/12/2014, khu đất nêu trên là lô đất số 20 có chức năng đất công nghiệp.

- Hoạt động của cơ sở là gia công, chế tạo các sản phẩm nhựa phun; gia công, chế tạo các loại khuôn thép, khuôn nhôm, khuôn đồng, khuôn inox; chế tạo và gia công khai thác các sản phẩm đột dập đồng nhôm,...do đó hoàn toàn phù hợp với lĩnh vực thu hút đầu tư của KCN. Việc đầu tư xây dựng dự án với trang thiết bị hiện đại, giúp gia tăng ngân sách địa phương, tạo việc làm cho người lao động.

- Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện cơ sở; phù hợp đối với khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

Triển khai quy hoạch sử dụng đất, thiết kế kiến trúc cảnh quan trên cơ sở diện tích đất triển khai là 18.750 m², chủ cơ sở đã tính toán đến việc giảm thiểu các yếu tố gây tác động xấu đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội của dự án như:

+ Quy hoạch sử dụng đất của cơ sở đảm bảo diện tích cây xanh, sân vườn chiếm tỷ lệ 20,08 % trong tổng diện tích đất quy hoạch.

+ Thiết kế các hạng mục cơ sở hạ tầng: đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước...đảm bảo theo tiêu chuẩn và quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

+ Khoảng cách giữa các hạng mục công trình đảm bảo thuận tiện cho giao thông nội bộ, an toàn PCCC.

+ Công trình giảm thiểu nước thải, chất thải rắn...trong giai đoạn vận hành được thiết kế hợp lý, khả thi nhằm đảm bảo giảm thiểu ô nhiễm môi trường tự nhiên của khu vực và các tác động đối với sức khỏe cộng đồng có thể xảy ra.

Nhìn chung phương án quy hoạch sử dụng đất, thiết kế kiến trúc cảnh quan là hợp lý và đảm bảo giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường do hoạt động của cơ sở gây ra.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.2.1. Hiện trạng hoạt động của KCN Quang Minh

Khu đất Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision có tổng diện tích là 18.750 m² với cos cao trung bình từ 0,5m – 0,7m so với mặt bằng đường nội bộ của KCN Quang Minh. Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision hiện nay hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực gia công, chế tạo các sản phẩm nhựa phun, linh kiện máy văn phòng, linh kiện điện tử, các loại khuôn kim loại và sản phẩm đột dập đồng nhôm. Từ năm 2005, khi Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision đi vào hoạt động đến nay, tại khu vực thực hiện dự án chưa từng xảy ra hiện tượng ngập úng vào những ngày trời mưa.

Hiện tại KCN Quang Minh đã có tỷ lệ lấp đầy các doanh nghiệp hoạt động là 100%, KCN Quang Minh đã có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, có trạm xử lý nước thải tập trung và đã có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 51/GXN-STNMT-CCBVMT do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 12 năm 2020 và Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 3042/GP-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30 tháng 11 năm 2017.

Hiện trạng hoạt động của KCN như sau:

1. Công trình thu gom và xử lý nước thải

- Công trình thu gom, thoát nước mưa: KCN đã xây dựng 12.624,5m dài, 42 hố ga. Hệ thống được thiết kế bằng mương xây B=700mm, B=800mm, B=1.000mm và cống D=1.000mm, D=1.500mm đoạn qua đường. Các hố ga thu được xây dựng có kích thước 1x1x1,2m. Hệ thống thu gom thoát nước mưa của dự án vận hành theo phương thức tự chảy sau đó thoát ra 2 lưu vực thoát nước mưa của toàn KCN.

- Công trình thu gom nước thải: KCN đã xây dựng 12.331 m dài, 190 hố ga. Hệ thống thu gom nước thải được xây bằng cống ngầm với đường kính D300 – D600 kết hợp các ga thăm có kích thước là 1,2m x 0,8m x 1,2m. Phương thức thu gom và thoát nước thải của KCN theo hình thức tự chảy.

- Công trình thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải được xây dựng bằng mương gạch có nắp đan kích thước B500 mm và chiều dài là 200m, trong đó giai đoạn 2 xây dựng được 50m dài, sau đó thải ra nguồn tiếp nhận.

- Công trình xử lý nước thải: Hệ thống xử lý nước thải tập trung với 2 module, có tổng công suất thiết kế 6.000 m³/ngày.đêm (module 1 có công suất 2.000 m³/ngày.đêm, đã cải tạo từ module 1 của nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 3.000 m³/ngày.đêm ở giai đoạn 1; module 2 có công suất 4.000 m³/ngày.đêm), công nghệ xử lý hóa lý kết hợp vi sinh với diện tích là 10.000 m², trong đó: module 1 của nhà máy có diện tích khoảng 4.000 m²; module 2 có diện tích khoảng 3.400 m², phần còn lại bố trí dự phòng cho module 3.

Lưu lượng nước thải (cập nhật tháng 12 năm 2023) được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung: 3.955,5 m³/ngày.đêm (khoảng 66% công suất thiết kế).

Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhà điều hành của KCN Quang Minh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn (dung tích 2 m³/1 bể) trước khi dẫn về hệ thống XLNT tập trung của KCN.

Module 1: nước thải từ hệ thống thu gom nước thải của KCN → Bể gom nước thải → Tách rác, tách mỡ → Bể điều hòa nước thải → Bể phản ứng hóa lý và lắng sơ cấp → Bể ANOXIC 1 → Bể AEROTEN 1 → Bể ANOXIC 2 → Bể AEROTEN 2 → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý.

Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải đưa đến bể phân hủy và làm đặc bùn → máy ép bùn → đóng bao lưu kho CTNH và đem đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH.

Module 2: nước thải từ hệ thống thu gom nước thải của KCN → Bể gom nước thải → Tách rác, tách mỡ → Bể điều hòa nước thải → Bể phản ứng hóa lý và lắng sơ cấp → Bể SELECTOR → Bể AEROTEN → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý.

Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải đưa đến bể phân hủy bùn → bể là đặc bùn → máy ép bùn → đóng bao lưu kho CTNH và đem đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015.

+ Quy chuẩn đánh giá nước thải sau xử lý: Nước thải KCN sau khi đã xử lý tại hệ thống XLNT tập trung được đối chiếu với QCTĐHN 02:2011/BTNMT (Cột A, K_q=0,6; K_f=0,9) – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Bụi khí thải phát sinh từ KCN chủ yếu là do các phương tiện giao thông, vận chuyển hàng hóa ra vào KCN. Để giảm thiểu tác động của bụi, khí thải do phương tiện vận chuyển, KCN đã tiến hành trồng cây xanh dọc 2 bên các tuyến đường và những khu vực tạo mỹ quan với tổng diện tích cây xanh của KCN là 34,397 ha.

- Đối với HTXL nước thải tập trung

+ Thu gom và xử lý bùn thải đúng định kỳ, vận hành thiết bị ép bùn phù hợp, không để bùn đọng lâu ngày dẫn đến quá trình kỵ khí, phát sinh mùi hôi.

+ Tạo không gian thoáng mát, trồng nhiều cây xanh quanh khu vực Hệ thống XLNT.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn (CTR) công nghiệp thông thường

CTR công nghiệp thông thường phát sinh từ khu vực nhà điều hành KCN, quá trình vận hành Nhà máy XLNT tập trung được lưu trữ trong các xe gong chở rác chuyên dụng. CTR phát sinh hằng ngày trên đường được thu gom vào các thùng rác cố định được đặt trên vỉa hè KCN. KCN đã ký hợp đồng vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

4. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

- CTNH phát sinh từ khu vực nhà điều hành KCN, quá trình vận hành nhà máy XLNT tập trung: KCN đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH mã số QLCTNH 01.000519.T ngày 30/08/2010 với các loại CTNH đã được đăng ký gồm: Bùn thải có chứa CTNH từ quá trình XLNT; Bóng đèn huỳnh quang thải (chứa thủy ngân); Giẻ lau dính dầu, mỡ, dung môi; Bao bì thải các loại có chứa các thành phần nguy hại; Thực tế phát sinh thêm các loại CTNH gồm: Bao bì mềm thải có chứa thành phần nguy hại; Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.

- 01 kho chứa hóa chất diện tích khoảng 15 m². Kho chứa CTNH được xây dựng bằng tường xây bằng gạch, có gắn biển cảnh báo theo quy định. Xung quanh xây dựng rãnh để thu gom nước thải (nếu có) sau đó dẫn vào hệ thống XLNT tập trung của KCN.

- 01 kho chứa bùn thải của hệ thống XLNT tập trung với diện tích khoảng 24m².

2.2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở đi vào hoạt động ổn định, lượng nước thải lớn nhất của cơ sở phát sinh: 36,8 m³/ngày.đêm Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải nhà bếp được xử lý qua thiết bị tách mỡ được thu gom về hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp. Do đó, nước thải phát sinh tại Dự án phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

- Nước thải sau xử lý của dự án được xả ra tuyến cống D500 của khu công nghiệp, lưu lượng dòng chảy khoảng 0,001 m³/s. Do đó, việc xả nước thải của dự án không gây tắc nghẽn dòng chảy, không gây ngập úng, không làm ảnh hưởng lớn đến chế độ thủy văn của hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp.

- Đối với chất thải rắn:

+ Chất thải rắn thông thường: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phát sinh tại dự án sẽ được chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định, đảm bảo không thải trực tiếp ra môi trường.

+ Chất thải nguy hại: chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định, đảm bảo không thải trực tiếp ra môi trường.

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

Hệ thống tiêu thoát nước mưa, hệ thống thu gom xử lý nước thải của Công ty không có thay đổi, cải tạo, nâng cấp trong thời gian vừa qua.

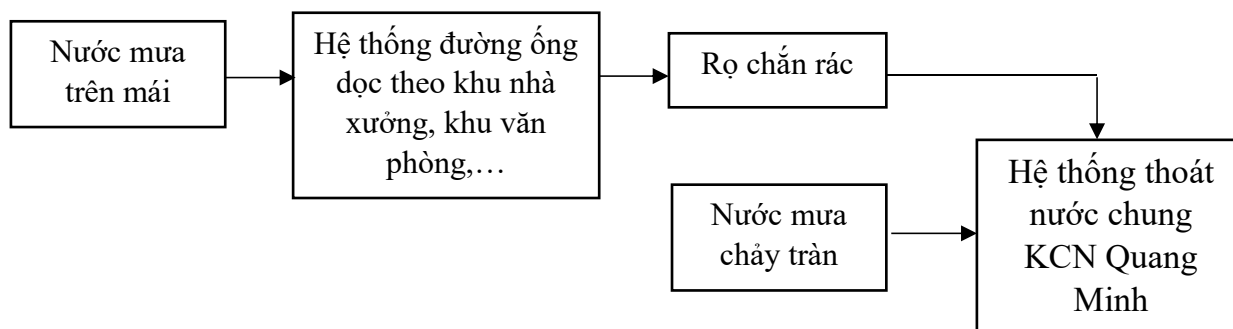
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

3.1.1.1. Hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa

- Chức năng: Thu gom về hệ thống mương thoát và xử lý sơ bộ bằng hố ga lắng cặn, sau đó thải vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Quang Minh.

- Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng xung quanh nhà máy, xây dựng ngầm dưới mặt đất. Hệ thống thu gom nước mưa có kích thước như sau:

- + Tổng chiều dài hệ thống thu gom là: 734,063 m
- + Nước mưa chảy tràn trên mái thu gom bằng các ống nhựa PVC D200mm
- + Nước mưa trên bề mặt thu gom bằng các cống BTCT, nắp tấm đan thép có kích thước D300-600mm
- + Các hố ga thu nước kích thước 600 x 600 x 800 (mm) được bố trí dọc theo các rãnh thoát nước để lắng cát và các vật liệu khác. Tổng số hố ga thu nước là 26 hố ga, để thu gom các chất rắn lơ lửng sau đó sẽ được xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Quang Minh. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa như sau:



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở

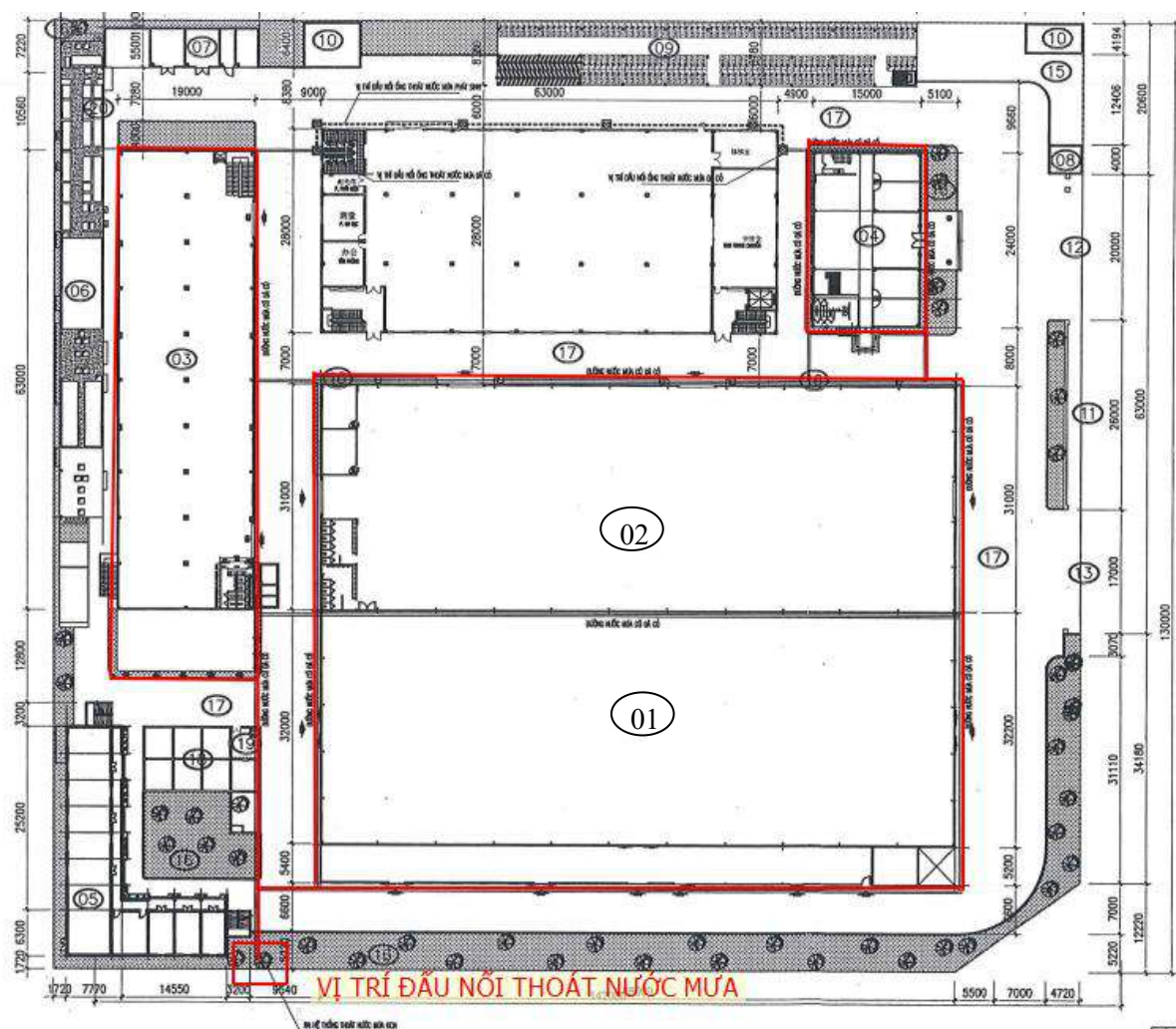
Bảng 3.1. Thông số thiết kế hệ thống thu gom nước mưa của cơ sở

Hạng mục	Thông số thiết kế	Khối lượng
Ống thoát nước mưa	- Vật liệu: ống nhựa - Kích thước: D200mm	734,063 m
Tấm đan thép	- Vật liệu: inox - Hình dạng: ống chữ nhật - Đường kính: D300-600mm	10 cái
Hố ga	- Vật liệu: bê tông cốt thép	26 cái
Song chắn rác bằng sắt	- Vật liệu: sắt - Đường kính: 400mm×3576mm	06 cái

Hệ thống thoát nước mưa được thu gom riêng biệt với hệ thống thoát nước thải và được xả theo 1 điểm xả (vị trí điểm xả được thể hiện tại hình 3.3).

- Vị trí tọa độ điểm xả

+ Điểm xả: Tọa độ VN2000: X: 2343820.393; Y: 579515.927



Hình 3.2. Vị trí thoát nước mưa ra ngoài khu công nghiệp

3.1.1.2. Biện pháp kiểm soát chất lượng nước mưa

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom và thoát nước mưa. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời.
- Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho hệ thống thoát nước mưa. Không để các loại rác thải, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.
- Thực hiện tốt các công tác vệ sinh công cộng để giảm bớt nồng độ các chất bẩn trong nước mưa.
- Lưu giữ các chất thải ở các khu an toàn. Không để các chất thải này có điều kiện xâm nhập vào các đường cấp nước và thoát nước thải.
- Các chất thải được thu gom bằng hệ thống các thùng chứa phù hợp và vận chuyển theo đúng quy định nhằm hạn chế tới mức tối đa việc thải chất thải rắn vào nguồn nước.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

3.1.2.1. Công trình thu gom nước thải sinh hoạt

❖ **Các nguồn phát sinh nước thải**

Cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải từ quá trình sơn trong buồng sơn tĩnh điện (sử dụng màng nước); nước làm mát và nước trong quá trình mài được thu gom và thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

Nguồn thải số 1: Nước thải xám (từ bồn rửa, thoát sàn), nước thải đen (từ các xí, tiểu) khu vực nhà văn phòng.

Nguồn thải số 2: Nước thải xám (từ bồn rửa, thoát sàn), nước thải đen (từ các xí, tiểu), khu vực nhà xưởng 2.

Nguồn thải số 3: Nước thải xám (từ bồn rửa, thoát sàn), nước thải đen (từ các xí, tiểu), khu vực nhà xưởng 3.

Nguồn thải số 4: Nước thải xám (từ bồn rửa, thoát sàn), nước thải đen (từ các xí, tiểu), nước thải từ nhà bếp khu vực nhà ăn.

❖ **Quy trình thu gom**

- Nguồn số 1: Nước thải từ khu vực nhà văn phòng

+ Nước thải xám (từ bồn rửa, thoát sàn) từ nhà vệ sinh được thu gom vào ống nhựa PVC D90 (L = 9,75m), rồi chảy về hố ga nước thải đặt bên ngoài nhà xưởng MM4 (kích thước 800x800x1360mm). Nước từ hố ga MM4 theo đường ống uPVC D140 về hố ga thoát nước bên ngoài KCN, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

+ Nước thải đen (từ các xí, tiểu) từ nhà vệ sinh được thu gom vào ống uPVC D110 (L=9,75 m), rồi chảy về bể tự hoại xây ngầm (tầng 1) bên trong nhà văn phòng (01 bể, kết cấu 3 ngăn và có $V = 30 \text{ m}^3$) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống PVC D110, $i = 0,1\%$, $L = 8,515 \text{ m}$ chảy về hố ga nước thải MM4 (kích thước 800x800x1360mm) bên ngoài nhà xưởng. Nước từ hố ga MM4 theo đường ống uPVC D140 về hố ga thoát nước bên ngoài KCN, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

- Nguồn số 2: Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh nhà xưởng 2

+ Nước thải xám (từ bồn rửa, thoát sàn) từ nhà vệ sinh được thu gom vào ống nhựa PVC D90 (L = 9,75m), rồi chảy về hố ga nước thải đặt bên ngoài nhà xưởng MM8 (kích thước 800x800mm). Nước từ hố ga MM8 theo đường ống uPVC D140 về hố ga thoát nước bên ngoài KCN, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

+ Nước thải đen (từ các xí, tiểu) được thu gom vào ống PVC D110 (L=5,5m), rồi chảy về bể tự hoại xây ngầm bên trong nhà xưởng 1 (01 bể, kết cấu 3 ngăn và có V

= 30 m³) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống uPVC D100 chảy về hố ga kiểm tra, nước từ hố ga kiểm tra thoát ra hố ga bên ngoài KCN đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

- Nguồn số 3: Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh nhà xưởng 3

+ Nước thải xám (từ bồn rửa, thoát sàn) từ nhà vệ sinh được thu gom vào ống nhựa PVC D90 (L = 9,75m), rồi chảy về hố ga nước thải đặt bên ngoài nhà xưởng MM8 (kích thước 800x800mm). Nước từ hố ga MM8 theo đường ống uPVC D140 về hố ga thoát nước bên ngoài KCN, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

+ Nước thải đen (từ các xí, tiểu) được thu gom vào ống PVC D110 (L=5,5m), rồi chảy về bể tự hoại xây ngầm bên trong nhà xưởng 3 (01 bể, kết cấu 3 ngăn và có V = 30 m³) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống uPVC D100 chảy về hố ga kiểm tra, nước từ hố ga kiểm tra thoát ra hố ga bên ngoài KCN đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

- Nguồn số 3: Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh nhà ăn

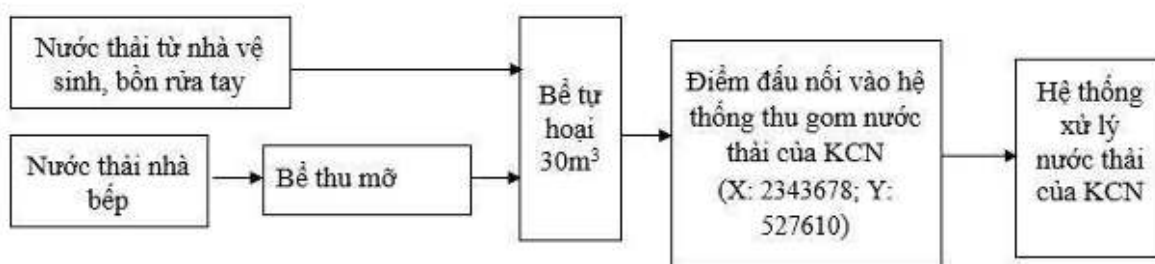
+ Nước thải xám (từ bồn rửa, thoát sàn) từ nhà vệ sinh được thu gom vào ống nhựa PVC D90 (L = 7,45m), rồi chảy về hố ga nước thải đặt bên ngoài nhà xưởng MM9 (kích thước 800x800mm). Nước từ hố ga MM9 theo đường ống uPVC D140 về hố ga thoát nước bên ngoài KCN, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

+ Nước thải đen (từ các xí, tiểu) được thu gom vào ống PVC D110 (L=7,45m), rồi chảy về bể tự hoại xây ngầm bên trong nhà ăn (01 bể, kết cấu 3 ngăn và có V = 30 m³) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống uPVC D100 chảy về hố ga kiểm tra, nước từ hố ga kiểm tra thoát ra hố ga bên ngoài KCN đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

+ Nước thải từ khu vực nhà ăn: Nước thải từ bồn rửa theo đường ống D90, L = 4 m về bể tách mỡ có kích thước DxRxC = 600 x 1000 x 800mm (V = 6,2 m³) → đường ống uPVC D110, L = 30m, i = 0,1% đến hố ga MM12 (kích thước 600 x 600mm) → đường ống uPVC D110, L = 10m, i = 0,1% → hố ga MM13 (kích thước 800x800mm) → đường ống uPVC D140 về hố ga của KCN → hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

Toàn bộ nước thải được thu gom theo hệ thống nhựa kín đưa về hệ thống xử lý nước thải của KCN Quang Minh công suất 3.000 m³/ngày đêm để xử lý. Tọa độ các điểm đầu nối: X: 2343678; Y: 527610 (hệ tọa độ VN2000)

Sơ đồ hệ thống thu gom như sau:



Hình 3.3. Sơ đồ thu gom nước thải của công ty

Bảng 3.2. Thông số thiết kế hệ thống thu gom nước thải

Hạng mục	Thông số thiết kế	Đơn vị	Số lượng
Nước thải nhà vệ sinh 1 đến nhà vệ sinh 4	- Thể tích bể phốt 30 m ³	Chiếc	4
Ống dẫn nước thải D90	- Vật liệu: PVC - Kích thước: D90	m	36,7
Ống dẫn nước thải D110	- Vật liệu: PVC - Kích thước: D110	m	28,2
Ống dẫn nước thải D140	- Vật liệu: PVC - Kích thước: D140	m	70

3.1.2.2. Công trình thoát nước thải

Toàn bộ nước thải của Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision, sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn theo đường cống ngầm bê tông D140 với chiều dài 8,0m tự chảy vào nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của KCN Quang Minh.

3.1.2.3. Điểm xả nước thải sau xử lý

- Vị trí xả nước thải: Điểm xả cuối của Công ty vào hệ thống thoát nước KCN Quang Minh
- Tọa độ vị trí xả thải: X: 2343678; Y: 527610 (hệ tọa độ VN2000)
- Đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải, nguồn tiếp nhận nước thải.

Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là hệ thống thoát nước KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Hệ thống thoát nước về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Minh.

Nước thải được xả gián đoạn theo các thời gian hoạt động trong ngày và không

xảy ra hiện tượng ngập úng tại khu vực.



Hình 3.4. Vị trí điểm thoát nước thải của nhà máy tại KCN

3.1.3. Xử lý nước thải

3.1.3.1. Thuyết minh về việc lựa chọn công nghệ xử lý nước thải

Nước thải từ khu vệ sinh chứa nhiều chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học, ngoài ra còn có thành phần vô cơ, vi sinh vật và vi trùng gây bệnh rất nguy hiểm. Chất hữu cơ chứa trong nước thải sinh hoạt bao gồm các chất như: protein (40-50%), hydrocacbon (40-50%), chất béo (5-10%). Nồng độ hữu cơ trong nước thải sinh hoạt dao động trong khoảng 150 – 450 mg/l. Dựa vào tính chất nước thải và khả năng phân hủy sinh học, cơ sở đã lựa chọn công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt bằng song chắn rác, hố ga lắng cặn và phương pháp sinh học với bể tự hoại 03 ngăn.

3.1.3.2. Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý nước thải

Theo Bản vẽ hoàn công hệ thống cấp thoát nước của Công ty (đính kèm phụ lục) thì hệ thống thu gom nước thải tại cơ sở như sau:

1. Nước thải từ khu vực nhà ăn

Nước thải từ khu vực nhà ăn: Được đưa vào bể thu mỡ được xây dựng sẵn, đặt ngầm phía sau nhà ăn, tiếp đó nước thải được đưa lần lượt qua bể tự hoại trước khi được đưa vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp.

2. Nước thải nhà vệ sinh

Bể tự hoại 3 ngăn được bố trí xây dựng ngầm dưới nhà văn phòng, nhà xưởng 1, nhà xưởng 3 và nhà ăn, với tổng thể tích của 1 bể là 30 m³ gồm 3 ngăn:

+ Ngăn 1: Thu nước thải từ các khu vực nhà vệ sinh, chậu rửa, ngăn này có thể tích là 10 m³. Sau khi được xả trực tiếp trong quá trình sử dụng, rác thải – chất thải sẽ trôi xuống và lưu tại ngăn này một thời gian để được phân hủy. Sau quá trình phân hủy tất cả sẽ chuyển về dạng bùn, chỉ với các loại rác thải khó phân hủy (tóc, kim loại, vật cứng,...) sẽ được đọng lại.

+ Ngăn 2 là ngăn lắng, thể tích là 10m³. Tại đây, các chất rắn không có khả năng phân hủy sẽ được đưa vào ngăn lắng. Phần nước không chứa cặn sẽ được tiếp tục chảy sang ngăn thứ 3 của bể để tiếp tục xử lý.

+ Ngăn 3 có thể tích là 10m³ đảm nhiệm chức năng lọc nước trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của KCN. Cụ thể nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn được trình bày tại phần nước thải sinh hoạt (*đã được xác nhận hoàn thành theo Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 23/STNMT-CCMT ngày 14/08/2015*)

Thuyết minh nguyên lý làm việc:

Nước thải từ bể xí, chậu tiểu được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn. Bể tự hoại được xây ngầm dưới đất, đồng thời làm 02 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng. Chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí (yếm khí) sẽ bị phân hủy, một phần tạo các chất khí và một phần tạo ra các chất vô cơ hòa tan. Nước thải khi qua ngăn lắng 1 sẽ tiếp tục qua ngăn lắng 2 và 3, đảm bảo hiệu quả xử lý cao.

Quá trình yếm khí xảy ra tại bể:

Các hệ thống yếm khí ứng dụng khả năng phân hủy chất hữu cơ của vi sinh vật trong điều kiện không có oxy. Quá trình phân hủy yếm khí chất hữu cơ rất phức tạp liên hệ đến hàng trăm phản ứng và sản phẩm trung gian. Tuy nhiên, có thể biểu diễn đơn giản chúng bằng các sản phẩm của quá trình phản ứng như sau:

Hỗn hợp khí sinh ra thường gọi là khí sinh học hay bogas. Thành phần của của biogas như sau:

Methane (CH ₄)	55 – 65%
Carbon dioxide (CO ₂)	35 – 35%
Nitrogen (N ₂)	0 – 3%
Hydrogen (H ₂)	0 -1%
Hydrogen Sulphide (H ₂ S)	0 -1%

Quá trình phân hủy yếm khí được chia thành 03 giai đoạn chính như sau:

1. Phân hủy các chất hữu cơ cao phân tử (thủy phân và lên men)
2. Tạo nên các axit (axit axetic, H₂)
3. Tạo CH₄

Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh được thu gom vào đường ống Ø60 và Ø110 đưa vào bể tự hoại 03 ngăn. Sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn, nước thải sinh hoạt sẽ thu gom về nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 2.240 m³/ngày.đêm bằng đường ống Ø125.

3.1.3.3. Các thông số kỹ thuật cơ bản của biện pháp xử lý nước thải

Bảng 3.3. Các thông số kỹ thuật của bể tự hoại

TT	Ngăn	Thể tích (m ³)	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều sâu (m)
1	Ngăn 1	10	2,5	2	2
2	Ngăn 2	10	2,5	2	2
3	Ngăn 3	10	2,5	2	2

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông

- Thực hiện biện pháp tưới nước làm ẩm đường giao thông nội bộ nhất là vào những ngày khô hanh (tần suất 2 - 3 lần/ngày, tại các tuyến đường gần khu vực nhà máy và đường nội bộ trong nhà máy), bố trí các phương tiện giao thông ra vào nhà xưởng hợp lý, khoa học, có bãi đỗ xe rộng rãi, thông thoáng từ mọi phía;

- Khi vận chuyển nguyên liệu từ nơi cung cấp đến khu vực nhà máy, các phương tiện vận chuyển sẽ có các tấm bạt che phủ nhằm hạn chế tối đa các tác động của bụi và tránh khuếch tán bụi vào môi trường không khí do tác dụng của gió, không chở hàng hóa

vượt quá tải trọng của xe ô tô. Không sử dụng các phương tiện giao thông vận tải quá cũ, quá thời gian lưu hành;- Giảm thiểu khí thải do hoạt động vận chuyển:

Công ty có nội quy quy định rõ ràng cho các phương tiện giao thông ra vào khu vực hoạt động sản xuất của nhà máy, hạn chế đến mức thấp nhất lượng xe ra vào khu vực nhà xưởng, bố trí hợp lý các xe chuyên chở nguyên vật liệu đến và xe chở sản phẩm đi. Bố trí các gara và bãi đỗ xe rộng rãi, thoáng, không để các phương tiện giao thông đỗ bừa bãi, nổ máy, sửa chữa khi nằm chờ trong khu vực nhà xưởng sản xuất.

- Tất cả các xe tải khi đi vào nhà máy phải giảm tốc độ tối đa 5km/h;
- Xe tải khi đậu để xếp nguyên, phụ liệu và sản phẩm phải tắt máy;
- Xe máy khi vào cổng nhà máy phải tắt máy dất bộ tới khu vực nhà xe và khi đi ra phải dất bộ ra tới cổng;
- Điều tiết hợp lý xe chở nguyên, vật liệu và sản phẩm ra vào nhà máy.

3.2.2. Biện pháp xử lý khí/mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải

- Đối với mùi từ bể tự hoại 3 ngăn: Công ty mua hóa chất Clo xử lý nước thải. Chế phẩm vi sinh giúp phân giải nhanh các chất hữu cơ có trong nước thải như quá trình mùn hóa, làm sạch nước thải; làm giảm tối đa mùi hôi của nước thải; hạn chế mầm bệnh có trong nước thải; ức chế hoạt động của các vi sinh vật.

3.2.3. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy điều hòa

- Chủ cơ sở đã lựa chọn các thiết bị đồng bộ cho hệ thống điều hòa. Thiết kế bố trí vị trí lắp đặt dàn nóng của máy điều hòa phù hợp để không ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường đô thị và đảm bảo bố trí tại khu vực thông thoáng, tăng khả năng phát tán nhiệt.

- Vận hành hệ thống điều hoà đúng quy trình, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của hệ thống điều hoà tránh gây rò rỉ chất tải lạnh (khí gas).

- Sử dụng hệ thống điều hòa đảm bảo về mặt môi trường: độ ồn thấp, không sử dụng thiết bị dùng khí gas là chất bị cấm.

3.2.4. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ kho chứa hóa chất, kho tập kết rác thải sinh hoạt và bếp ăn

+ *Đối với mùi phát sinh tại kho chứa hóa chất:* Hóa chất được Công ty sử dụng trong sản xuất và xử lý nước thải/khí thải đều được mua từ các nhà máy sản xuất hóa chất lân cận trong KCN Quang Minh. Do vậy quá trình lưu giữ hóa chất tại các kho chứa chỉ mang tính chất tạm thời, với số lượng lưu giữ ít. Để giảm thiểu hơi, mùi phát sinh trong quá trình lưu giữ hóa chất tại kho, Công ty sẽ lắp đặt 01 quạt hút thông gió loại chịu nhiệt và hơi hóa chất, làm bằng inox đặt tại cuối kho, cách sàn 1,5m. Quạt

hút có công suất 1,1 kw, 22-380V, 600 Pa, lưu lượng hút khoảng 500 m³/h.

+ *Đối với mùi phát sinh từ kho tập kết rác thải sinh hoạt*: Tại kho chứa, Công ty đã bố trí các khe thông gió tự nhiên, kích thước 200 × 400 (mm), nhằm đảm bảo cho nhà kho được thông thoáng, toàn bộ rác thải sinh hoạt được lưu trữ trong các túi nilon đựng chất thải chuyên dụng, được đặt lót bên trong mỗi thùng chứa, các loại thùng được trang bị tại Công ty là loại bền, nắp kín. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ phối hợp với đơn vị vận chuyển xử lý rác thải sinh hoạt với tần suất là 02 ngày/lần để đảm bảo rác thải chưa bị phân hủy, gây ảnh hưởng đến môi trường không khí

+ *Đối với mùi từ khu vực nhà bếp*: Để giảm thiểu mùi từ khí gas và mùi trong quá trình đun nấu, Công ty đã lắp đặt hệ thống hút mùi (gồm 1 hệ thống quạt hút) nhằm hút toàn bộ lượng mùi và khí phát sinh ra bên ngoài, tránh gây ô nhiễm cục bộ trong nhà bếp. Hiện tại, hệ thống hút mùi này vẫn đáp ứng được nhu cầu sử dụng trong hiện tại và sẽ được tiếp tục sử dụng trong giai đoạn tới.

Chụp hút mùi được làm bằng vật liệu Inox 304, kích thước 3500 × 200 × 500 (mm), quạt hút có công suất Q = 5000 m³/h, được lắp đặt cách trần 30 cm.



Hình 3.5. Hệ thống hút mùi nhà bếp đã lắp đặt tại Công ty

3.2.5. Hệ thống thông gió, điều hòa không khí

+ *Mặt bằng tầng 1*: Công ty đã bố trí các đường thông gió dạng hộp ống xung quanh nhà xưởng và sử dụng 15 quạt hút với công suất 0,18 kW với lưu lượng hút

10100 m³/h, HS = 800 × 650mm, V=8 m/s, tại các chụp hút được mở 100% với lưu lượng hút đạt 2500 m³/h.

+ Mặt bằng tầng 2: Áp dụng phương pháp thông gió bằng máy điều hòa không khí. Mỗi phòng được lắp đặt 01 máy điều hòa có công suất đạt 9.000 BTU/h, tổng cộng có 07 máy điều hòa đã được lắp đặt và sử dụng. Tại đây, không khí được lưu thông bằng các đường thông gió hình hộp chính với kích cỡ 400 × 400mm, đường nhánh có kích cỡ 300 × 300mm, hút thông qua các van cửa gió kích thước 150mm.

3.2.6. Giảm thiểu tác động từ hơi nhựa, hơi dung môi

Để kiểm soát và hạn chế lượng hơi nhựa, hơi dung môi phát sinh từ nhà xưởng 1, 2, 3 công ty đã lắp đặt hệ thống quạt thông gió tại khu vực nhà xưởng. Cụ thể như sau:

Tại Các phân xưởng sản xuất đều được lắp đặt hệ thống thông gió và điều hòa nhằm thông thoáng nhà xưởng và tạo điều kiện làm việc tốt cho công nhân trực tiếp sản xuất. Cụ thể: tại mặt bằng xưởng 1: Công ty đã bố trí các đường thông gió dạng hộp ống xung quanh nhà xưởng và sử dụng 15 quạt hút với công suất 0,18 kW với lưu lượng 10.100 m³/h, HS = 800 × 650mm, V=8 m/s, tại các chụp hút được mở 100% với lưu lượng tại miệng hút là 2500 m³/h và mặt bằng xưởng 2: Áp dụng phương pháp thông gió bằng máy điều hòa không khí. Mỗi phòng được lắp đặt 01 máy điều hòa có công suất đạt 9.000 BTU/h, tổng cộng có 07 máy điều hòa đã được lắp đặt và sử dụng. Tại đây, không khí được lưu thông bằng các đường thông gió hình hộp chính với kích cỡ 400 × 400mm, đường nhánh có kích cỡ 300 × 300mm, hút thông qua các van điều chỉnh D150.

3.2.7. Đối với bụi kim loại

- Tại các công đoạn dập, cán, cắt đều có máng hứng các kim loại thừa, công nhân trực tiếp đứng máy tại công đoạn này được trang bị kính, khẩu trang, quần áo bảo hộ và mũ. Ngoài ra, cuối mỗi giờ giải lao hoặc khi máng có hiện tượng đầy, công nhân đều phải dừng máy quét khu vực xung quanh máy và đổ kim loại thừa vào thùng đựng phế liệu ngay bên cạnh máy. Cuối mỗi ca hoặc ngày đem tập kết tại kho lưu trữ chất thải rắn thông thường của Công ty.

- Bụi kim loại phát sinh từ quá trình gia công bằng máy mài được hút bởi máy hút bụi tích hợp trong máy mài. Sau đó, bụi được lắng xuống bồn chứa có dung tích 200 lít trong ngăn nước tuần hoàn của máy dưới dạng bùn với khối lượng bùn thu được là 180 kg/năm, tương đương với 15 kg/tháng. Bùn thải từ quá trình này không chứa dầu, sẽ được thu gom vào 01 thùng đựng có dung tích là 120l đặt tại khu vực lưu trữ chất thải thông thường. Tùy thuộc vào mức độ phát sinh bùn thải trong thực tế sản xuất, Công ty sẽ có phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Sông Công vận chuyển,

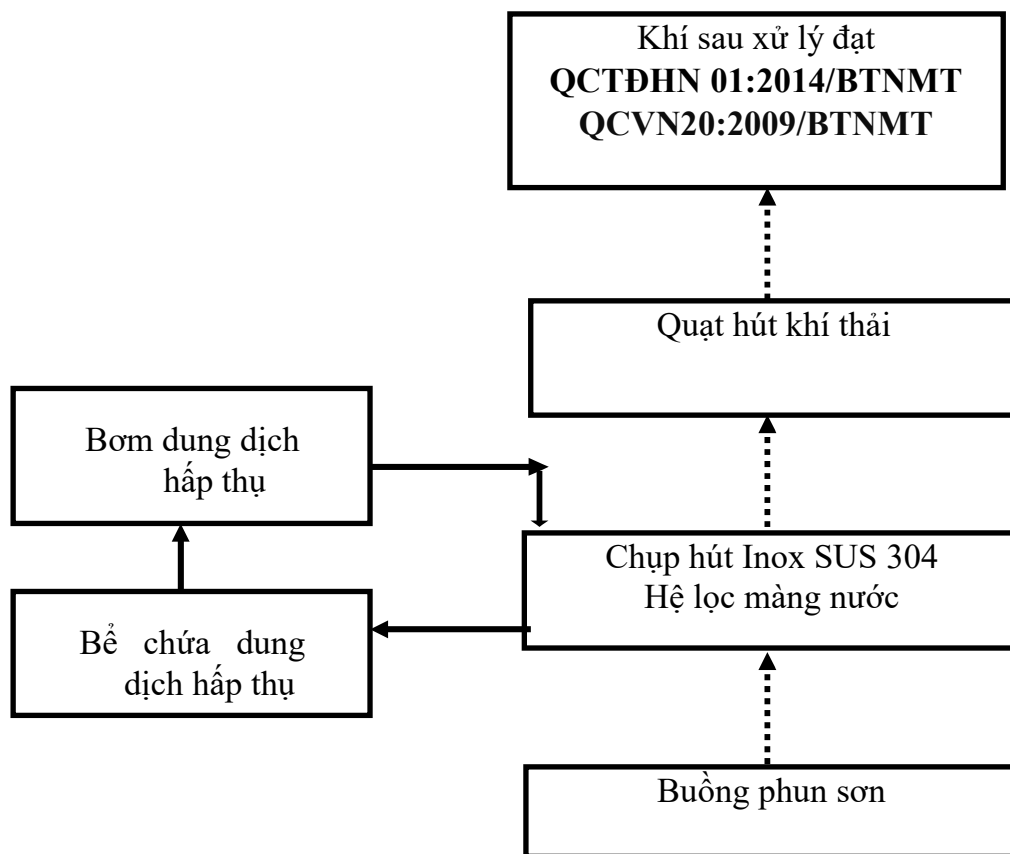
xử lý theo đúng quy định.

3.2.8. Đối với khí thải hàn điểm

Công đoạn này được sử dụng rất ít và máy thực hiện tự động, thao tác rất nhanh, lượng khí hàn phát sinh không đáng kể. Để đảm bảo không khí đạt yêu cầu về độ ẩm và nhiệt độ trong phòng sạch có điều hòa, khí phát sinh từ quá trình hàn điểm sẽ được đi qua các ống chụp hút, làm bằng Inox với kích thước miệng ống là 300×200 mm ra bên ngoài bằng 01 quạt hút ly tâm có công suất đạt $1.200 \text{ m}^3/\text{h}$, vận tốc tại miệng hút là $0,5 \text{ m/s}$. Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất, công ty vẫn thực hiện trang bị khẩu trang phòng độc, kính, quần áo bảo hộ và mũ cho công nhân giám sát máy. Định kỳ 01 lần/năm, Công ty đều tổ chức kiểm tra, khám sức khỏe định kỳ cho công nhân và tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện về an toàn lao động cho công nhân viên trong nhà máy.

3.2.9. Giảm thiểu bụi sơn

Khí thải của khu vực sơn của công ty phát sinh từ 02 buồng phun sơn tay và 01 buồng phun sơn tự động. Trong quá trình sơn và pha sơn sẽ làm phát sinh ra các loại hạt sơn dạng sol giống như bụi. Bụi sơn ở dạng hạt lơ lửng tại khu vực buồng sơn. Thành phần của bụi sơn dạng sol gồm có bụi sơn và dung môi hữu cơ (n-Butyl axetat, Xylen, n-Propanol, Cyclohexanone, Etyl acetate, Vinyl chloride).



Hình 3.6. Sơ đồ thu gom khí thải buồng phun sơn

Thuyết minh hệ thống xử lý

Buồng sơn màng nước là một hệ thống được thiết kế để thu hồi và xử lý bụi sơn, giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường và cải thiện chất lượng không khí trong nhà xưởng. Thiết bị này hoạt động dựa trên nguyên lý lọc bụi bằng nước, trong đó bụi sơn được giữ lại trong màng nước, ngăn chặn sự phát tán ra không khí. Khí thải sau khi qua tháp xử lý sẽ được đẩy lên ống thoát khí vượt mái, khí sạch thoát ra ngoài đạt **QCTĐHN 01:2014/BTNMT** – “*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí công nghiệp đối với bụi và các chất vô trên địa bàn thủ đô Hà Nội*” và **QCVN 20:2009/BTNMT** – *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ*.

❖ **Cấu tạo của buồng sơn màng nước**

Buồng sơn màng nước gồm các thành phần chính sau:

- **Thân buồng sơn:** Làm từ thép không gỉ chống ăn mòn, đảm bảo độ bền cao và khả năng chịu được các tác động của hóa chất trong quá trình sơn. Buồng sơn phun nước thủ công kích thước 6,5 x 3,1m; buồng phun sơn nước bằng tay kích thước 3,5 x 4,1 m.

- **Bể nước:** Được thiết kế ở phía dưới buồng sơn, chứa nước dùng để lọc bụi sơn.

- **Hệ thống bơm và phun nước:** Đảm bảo cung cấp nước liên tục và đồng đều để tạo màng nước, bơm trực ngang công suất 1,5kW.

- **Hệ thống lọc:** Bao gồm các lớp lọc cơ học và hóa học giúp loại bỏ bụi sơn và tạp chất trong nước.

- **Quạt hút:** Tạo lực hút để kéo không khí và bụi sơn vào buồng sơn, giúp quá trình lọc hiệu quả hơn, khí thải sau xử lý đẩy lên ống thoát vượt mái. Công suất 7,5 kW x 380V/quạt (tổng có 3 quạt).

❖ **Nguyên lý hoạt động của buồng sơn màng nước**

Quá trình hoạt động của buồng sơn màng nước diễn ra qua các bước sau:

Hút bụi sơn: Khi quá trình phun sơn diễn ra, bụi sơn và các hạt nhỏ li ti sẽ bị quạt hút kéo vào buồng sơn. Không khí chứa bụi sơn này sẽ đi qua màng nước được tạo bởi hệ thống bơm và phun nước.

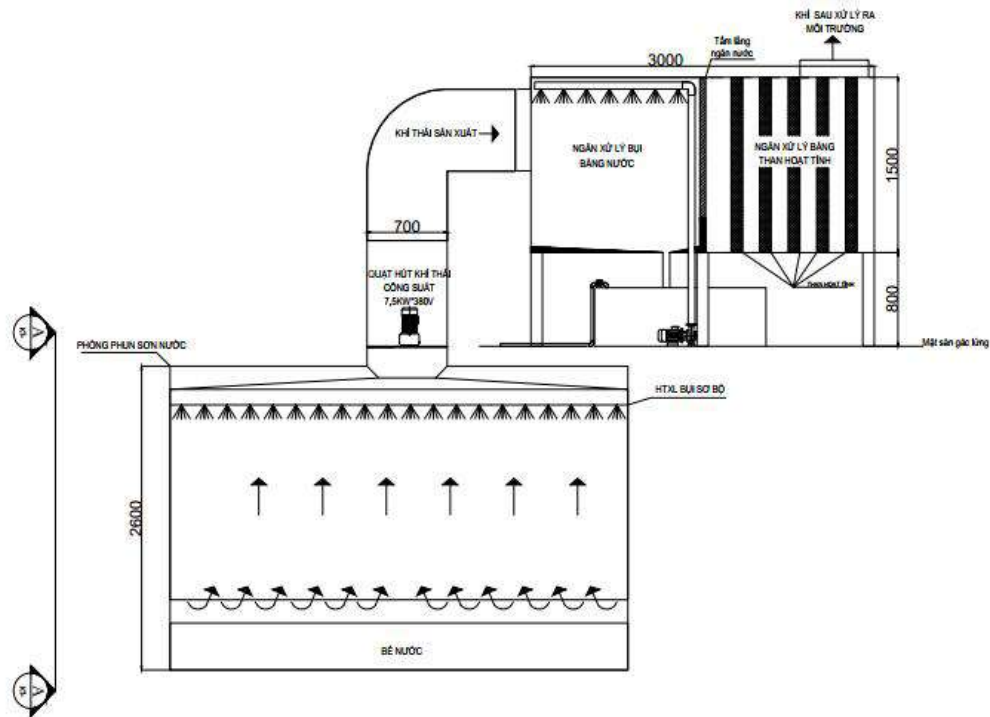
Lọc bụi sơn bằng màng nước: Không khí chứa bụi sơn khi đi qua màng nước sẽ bị nước giữ lại. Các hạt bụi sơn sẽ bị dính vào các giọt nước và rơi xuống bể nước bên dưới.

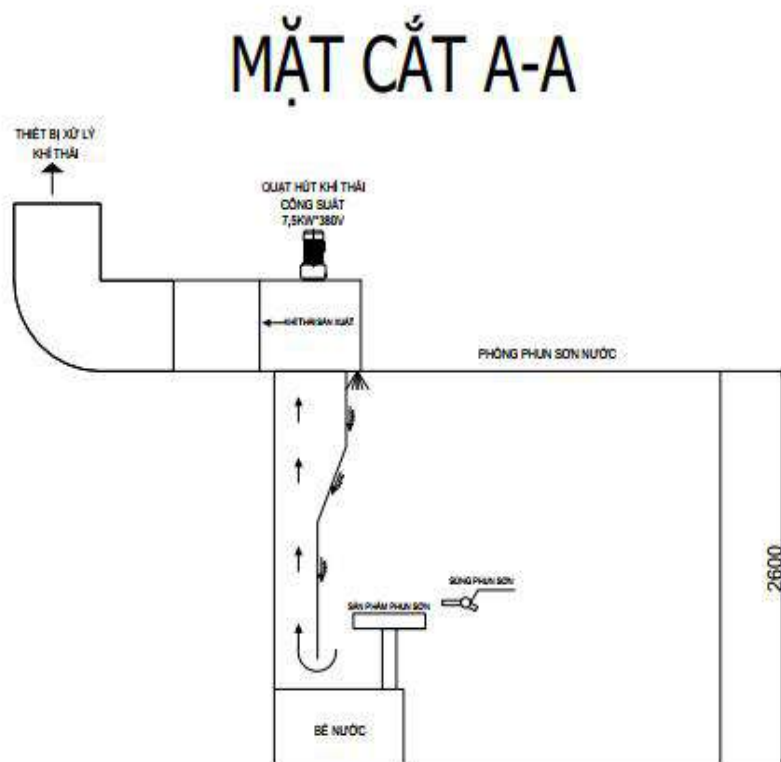
Xử lý nước: Nước chứa bụi sơn sau khi lọc sẽ được đưa qua hệ thống lọc để loại bỏ các tạp chất và bụi sơn. Nước sau khi lọc sẽ được tái sử dụng, giảm thiểu lượng

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

nước thải ra môi trường. Hàng năm, lượng đơn đặt hàng nhiều, đơn vị thu gom đến thu gom tần suất 2 lần/năm.

Thải khí sạch: Không khí sau khi qua màng nước và được lọc bụi sẽ trở nên sạch hơn và được thải ra ngoài thông qua hệ thống quạt hút, đẩy lên ống thoát khí vượt mái.





Hình 3.7. Mặt cắt buồng phun sơn

Bảng 3.4. Các thông số kỹ thuật của tháp hấp phụ than hoạt tính

TT	Hạng mục	Kích thước	Vật liệu	Số lượng
1	Đường ống vào	ØD700	PP	3
2	Đường ống xả	D970	PP	2
3	Cửa xả	Ø500x100	PVC	2
4	Thang leo	(Ø500, 420) x H3500	PP	1
5	Màng than hoạt tính	4 ~ 7 mm/1,4 m ²	Vỏ dừa	5

3.2.10. Các biện pháp khác

- + Xây dựng và bố trí các phòng thông thoáng.
- + Các phòng vệ sinh được bố trí các quạt thông gió để đảm bảo sự thông thoáng.
- + Cơ sở thường xuyên tưới nước, làm ẩm phần đường phía trước vào các ngày nắng nóng và hanh khô để giảm thiểu lượng bụi phát sinh vào không khí.
- + Thường xuyên dọn vệ sinh sạch sẽ khu vực đường đi và các khu vệ sinh trong cơ sở.
- + Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị mà cơ sở sử dụng.

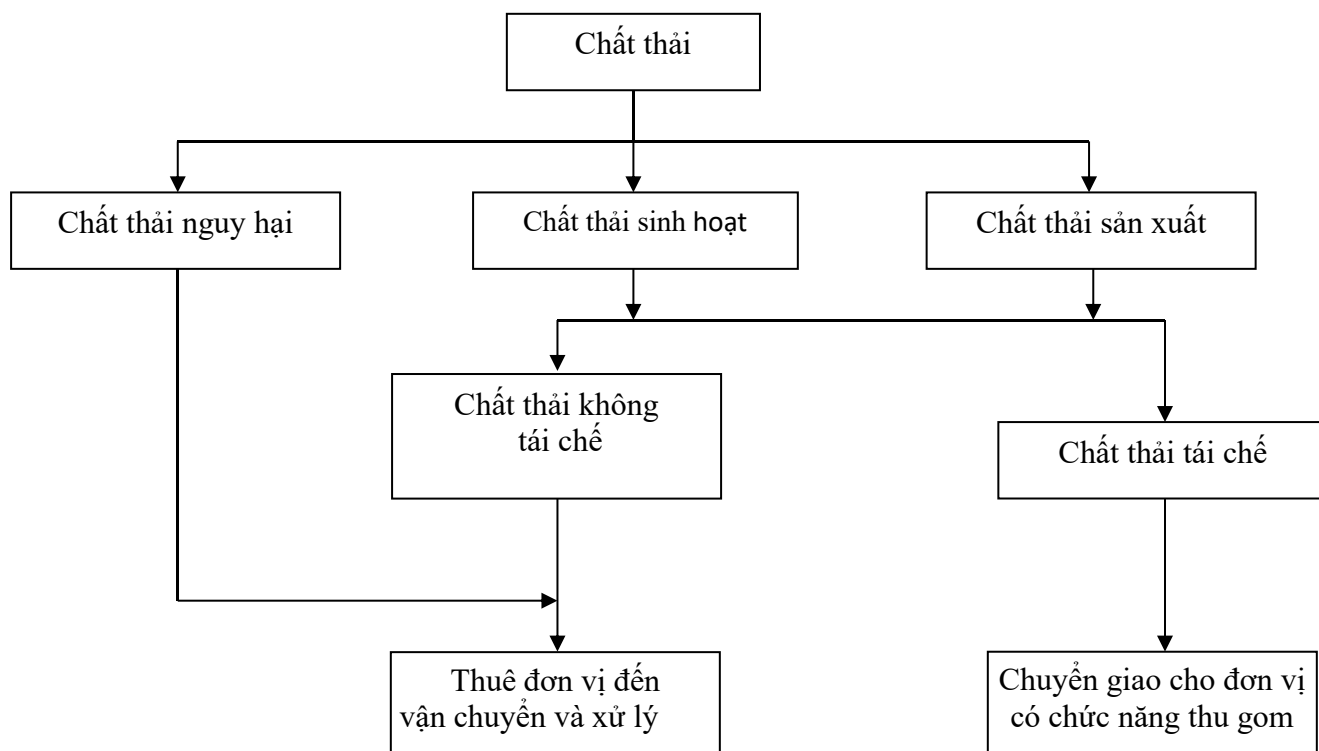
dụng đảm bảo cho các loại máy móc, thiết bị luôn hoạt động tốt, ít phát sinh các loại khí thải ra môi trường.

+ Cơ sở không lưu tồn rác thải quá lâu, đặc biệt là các loại chất thải hữu cơ, tránh sự phát sinh mùi từ các quá trình phân hủy chất hữu cơ trong rác thải gây khó chịu cho nhân viên, khách hàng và thu hút các loại côn trùng.

+ Chủ cơ sở đã bố trí 01 nhân viên để quét dọn, tẩy rửa, lau chùi, vệ sinh cơ sở hàng ngày tại khu vực thu gom rác thải, khu nhà vệ sinh, tầng hầm để hạn chế ô nhiễm tại các khu vực này.

+ Bố trí một cách hợp lý cảnh quan cây xanh, trong và xung quanh cơ sở để cải thiện môi trường không khí, mang lại không gian làm việc tiện tích cho các đơn vị.

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải



Hình 3.9. Sơ đồ phân loại, thu gom và xử lý chất thải tại Công ty

Quản lý chất thải theo đúng quy chế quản lý chất thải ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên có thành phần chủ yếu là: giấy, bao bì, vỏ chai,... được thu gom vào các thùng chứa loại 20 lít đặt tại cuối xưởng sản xuất, khu văn phòng. Mỗi khu vực sẽ được bố trí 02 thùng chứa. Đối với các loại CTR có thành phần hữu cơ: thức ăn thừa, vỏ hoa quả... được thu gom vào

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

01 thùng chứa loại 30 lít đặt tại khu vực nhà ăn. Cuối ngày, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom toàn bộ rác thải phát sinh về 02 thùng chứa dung tích 120 lít trong khu vực lưu trữ chất thải thông thường của kho chứa.

Khối lượng rác thải sinh hoạt tại cơ sở trung bình phát sinh 3.727 kg/tháng tương đương 3,7 tấn/tháng.

3.3.2. Chất thải rắn sản xuất

+ CTR công nghiệp (gồm phoi sắt, bùn mài kim loại không có dầu, tem nhãn, bìa carton,...) được phân loại ngay tại nguồn phát sinh và thu gom về khu vực lưu trữ. Đối với những loại chất thải rắn có khả năng tái chế (như giấy, bìa, phoi sắt), Công ty thuê Công ty TNHH Môi trường Sông Công có chức năng thu gom và đem đi xử lý..

+ Các loại chất thải rắn công nghiệp không có khả năng tái chế và chất thải rắn sinh hoạt được định kỳ thu gom tại Nhà máy tùy thuộc theo lượng phát sinh. Đối với chất thải nguy hại được định kỳ thu gom tối thiểu là 1 lần/năm. Định kỳ hàng năm, Công ty sẽ báo cáo lên cơ quan quản lý về tình hình thu gom và số lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy.

Bảng 3.5. Bảng thống kê chất thải rắn sản xuất

STT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Nhựa phế liệu	32.504,7
2	Sắt thép vụn	146.957,3
3	Đồng phế liệu	7,5
4	Inox phế liệu	2.545,3
5	Nhôm phế liệu	344,5
	Tổng	182.359,3

Năm 2024, công suất sản xuất của công ty đạt 82 – 94% quy mô. Do đó số lượng chất thải rắn sản xuất dự kiến trong những năm tiếp theo như sau:

Bảng 3.6. Bảng thống kê chất thải rắn sản xuất dự kiến

STT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Nhựa phế liệu	65.000
2	Sắt thép vụn	300.000
3	Đồng	500
4	Inox	12.000
5	Nhôm	1.000
	Tổng	378.500

3.3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm 2024 được thống kê như sau:

Bảng 3.7. Khối lượng CTNH phát sinh năm 2024

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Đơn vị	Khối lượng
1	Bao bì cứng bằng kim loại thải	Rắn	18 01 02	kg/năm	550
2	Găng tay, giẻ lau dính dầu	Rắn	18 02 01	kg/năm	840
3	Sơn, cặn sơn thải chứa dung môi hữu cơ	Rắn	08 01 01	kg/năm	40
4	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	kg/năm	590
5	Bao bì cứng bằng nhựa thải	Rắn	18 01 03	kg/năm	120
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	kg/năm	23
7	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	kg/năm	2
8	Dầu thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	kg/năm	390
	Tổng số			kg/năm	2.555

Nguồn: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision.

Năm 2024, công suất sản xuất của công ty đạt 82 – 94% quy mô. Do đó số lượng chất thải nguy hại dự kiến trong những năm tiếp theo như sau:

Bảng 3.8. Khối lượng CTNH dự kiến phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Đơn vị	Khối lượng
1	Bao bì cứng bằng kim loại thải	Rắn	18 01 02	kg/năm	1.300
2	Găng tay, giẻ lau dính dầu	Rắn	18 02 01	kg/năm	1.300
3	Sơn, cặn sơn thải chứa dung môi hữu cơ	Rắn	08 01 01	kg/năm	500
4	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	kg/năm	950
5	Bao bì cứng bằng nhựa thải	Rắn	18 01 03	kg/năm	350

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

6	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	kg/năm	25
7	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	kg/năm	6
8	Dầu thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	kg/năm	1.500
9	Huyền phù nước thải lẫn sơn có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại	Lỏng	08 01 04	kg/năm	15.000
10	Phế liệu kim loại nhiễm dầu	Rắn	11 04 01	kg/năm	300
11	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	kg/năm	10
	Tổng số			kg/năm	21.241

Nguồn: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision.

Công ty đã bố trí 07 thùng gom, có nắp đậy dung tích 200 lít, đối với các thùng đựng dầu mỡ thải, giẻ lau găng tay có dính dầu và hộp dầu mỡ được đựng trong thùng kim loại. Mỗi thùng đều được dán nhãn chất thải nguy hại và nhãn cảnh báo theo đúng TCVN 6707:2009 và được lưu trữ tại kho lưu trữ chất thải nguy hại tại kho phía Đông Nam của Công ty.

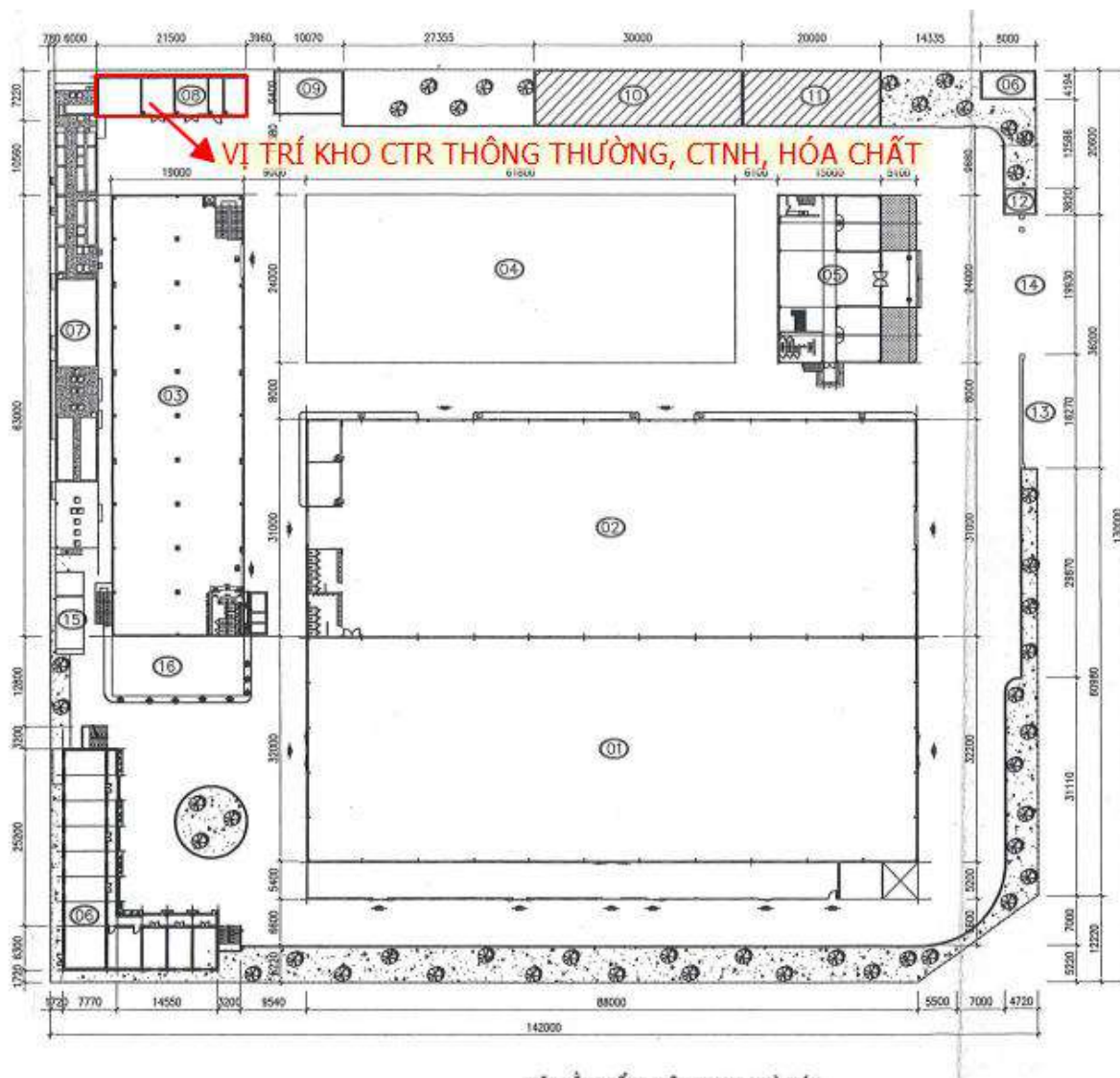
+ Kho lưu trữ chất thải nguy hại của Công ty có diện tích 50 m², xung quanh được xây dựng bằng tôn, có mái che kín, phía trước được bao bằng thép lưới và có cửa khóa. Trước cửa kho được dán biển kho và biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

+ Định kỳ Công ty TNHH Môi trường Sông Công sẽ đến thu gom và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

+ Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có mã số QLCTNH: 01.001339.T, cấp đăng ký thay đổi lần 2 ngày 04/04/2014.



Hình 3.10. Kho chứa chất thải nguy hại



Hình 3.11. Vị trí các công trình bảo vệ môi trường tại Cơ sở

3.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

3.4.1. Tiếng ồn do các phương tiện giao thông

Để hạn chế tiếng ồn từ các phương tiện giao thông khi dự án đi vào hoạt động được không chế bằng các phương pháp sau:

- Tăng diện tích cây xanh, thảm cỏ dùng chung cho cả nhà máy (chiếm trên 20% tổng diện tích mặt bằng). Cây xanh, thảm cỏ có tác dụng che nắng, hút bớt bức xạ mặt trời, hút và giữ bụi, lọc sạch không khí, hút tiếng ồn và che chắn tiếng ồn. Mặt khác, nó còn tạo thẩm mỹ cảnh quan, tạo cảm giác êm dịu về màu sắc cho môi trường;
- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ dự án;
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết

hư hỏng cho các phương tiện giao thông.

3.4.2. Tiếng ồn, rung động trong khu vực sản xuất:

- Để giảm thiểu tối đa tiếng ồn và độ rung trong quá trình sản xuất tại Nhà máy, Chủ đầu tư thực hiện các biện pháp sau:

- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có độ rung lớn;
- Máy phát điện đặt ở khu vực cách ly, xa văn phòng và vị trí làm việc của công nhân nhà xưởng. Máy được đặt trong phòng riêng, có tường cách âm chống ồn.
- Lắp đệm chống ồn cho quạt, động cơ gây ồn cao.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và bôi trơn các chi tiết chuyển động của hệ thống máy để đảm bảo an toàn trong sản xuất và giảm tiếng ồn khu vực làm việc.
- Các máy điều hòa thường xuyên được bảo trì để giảm thiểu tiếng ồn.
- Chủ cơ sở đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

3.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.5.1. Phương án phòng chống và ứng phó sự cố cháy, nổ

+ Hệ thống chữa cháy cục bộ

Ngoài hệ thống cứu hỏa bằng nước là các họng cứu hỏa, còn đặt các bình bọt cứu hỏa, bình khí CO₂.

- Nước chữa cháy ngoài nhà: Theo tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy hiện hành TCVN 26622-1995: công trình khu nhà tổng hợp được xây dựng các trụ chữa cháy xung quanh khuôn viên, luôn luôn được giữ mức cao hơn mặt đường từ 0,5-1m đủ điều kiện thuận tiện cho xe chữa cháy hút nước khi có cháy và không phải tạo điểm hút nước.

Bảng 3.9. Phương tiện chữa cháy

TT	Loại phương tiện, hệ thống PCCC	Ký/ mã hiệu	Số lượng	Đơn vị	Tình trạng kỹ thuật
1	Bình bột chữa cháy BC	MFZ8	47	bình	Bình thường
2	Bình bột chữa cháy ABC	MFZ8	20	Bình	Bình thường
3	Bình khí chữa cháy	MT5	23	Bình	Bình thường
4	Máy bơm điện		01	Cái	Bình thường
5	Máy bơm dầu		01	Cái	Bình thường
6	Bơm bù áp loại 5 kw		01	Cái	Bình thường
7	Bình khí chữa cháy	MT3	25	Bình	Bình thường
8	Hạng nước vách tường		12	Hạng	Bình thường
9	Trụ nước		08	Trụ	Bình thường

- Thành lập tổ an toàn PCCC gồm:

+ Chịu trách nhiệm về quản lý chỉ đạo, quản lý chung: 25 người.

+ Đội ứng phó nhanh khi có sự cố: Các nhân viên làm việc cho mỗi tòa nhà sẽ được tập huấn, chịu trách nhiệm thông báo khi có sự cố kịp thời cho đơn vị cảnh sát chữa cháy, tham gia chữa cháy, khởi động hệ thống thông báo và chữa cháy, hướng dẫn thoát hiểm,...

- Phương án thoát hiểm cho người: Định kỳ diễn tập phòng cháy chữa cháy tại tòa nhà, để nâng cao ý thức của nhân viên và người dân, hướng dẫn kỹ năng thoát hiểm cho mọi người.

Ví dụ khi xảy ra cháy, nổ (Xe chữa cháy của lực lượng chuyên nghiệp chưa đến) thì Ban chỉ huy chữa cháy của cơ sở là người tổ chức, chỉ huy chữa cháy.

Thực hiện nhiệm vụ:

- Nhân viên bảo vệ cơ sở nhanh chóng hô hoán, thông báo cho mọi người đang có mặt trong cơ sở để cùng tham gia chữa cháy.

- Báo ngay cho lãnh đạo cơ sở, cho lực lượng cảnh sát PC&CC và các đơn vị có liên quan.

- Tổ cắt điện nhanh chóng cắt điện toàn bộ khu vực cháy

- Triển khai các bình chữa cháy để dập tắt đám cháy

- Di chuyển tài sản chống cháy lan và cử người bảo vệ

- Vận hành các hệ thống kỹ thuật phục vụ công tác chữa cháy.

Lãnh đạo cơ sở

- Chịu trách nhiệm chính trong công việc chỉ huy các lực lượng của cơ sở tổ chức chữa cháy trước khi lực lượng Cảnh sát PC&CC có mặt.

- Cử người đón xe của lực lượng Cảnh sát PC&CC chuyên nghiệp

- Ban chỉ huy chữa cháy nhanh chóng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đội viên của đội PC&CC.

Lực lượng PCCC cơ sở

*** Tổ thông tin**

- Gọi điện đến lực lượng Cảnh sát PC&CC theo số 114 hoặc Phòng Cảnh sát PC&CC số 9 theo số 024 338824311 hoặc đội chữa cháy chuyên nghiệp Chương Mỹ theo số 024 33716626

- Gọi điện thoại cho lãnh đạo

- Cử người thường xuyên giữ liên lạc, đảm bảo thông tin liên tục

*** Tổ bảo vệ, kỹ thuật gồm 02 người có nhiệm vụ như sau:**

- Nhân viên kỹ thuật kiểm tra điện khu vực xảy ra cháy nổ ngắt chưa, theo tình trạng hoạt động của hệ thống kỹ thuật như: Điện chiếu sáng, hệ thống đường thoát nạn...

- Bộ phận kỹ thuật: đảm bảo ánh sáng dự phòng cho thoát nạn, hướng dẫn mọi người thoát hiểm một cách có trật tự, an toàn và tổ chức

- Bảo vệ hiện trường cháy khi đám cháy đó được dập tắt.

*** Tổ hướng dẫn thoát nạn gồm 04 người có nhiệm vụ như sau:**

- Hướng dẫn thoát nạn cho cán bộ nhân viên trong cơ sở.

- Các khu vực bị nhiễm khói nặng phải sử dụng khẩu trang, khăn ướt, mắt tròng, mặt nạ phân phát cho mọi người và hướng dẫn cách sử dụng để thoát ra khỏi vùng khói khí độc.

- Bộ phận hướng dẫn thoát nạn: dùng loa pin, hô hòa hướng dẫn mọi người thoát nạn theo các hướng ra của cửa thoát hiểm, tập trung tại các vị trí an toàn tổ chức điểm danh phụ vụ công tác tìm kiếm người bị nạn.

- Trường hợp ánh sáng ở các lối thoát nạn không đảm bảo phải dùng đèn chiếu sáng và loa pin để hướng dẫn mọi người đến các cửa và lối thoát nạn.

*** Tổ chữa cháy gồm 10 người có trách nhiệm như sau:**

- Vận hành hệ thống chữa cháy tự động

- Sử dụng các bình chữa cháy xách tay, các phương tiện chữa cháy có trong cơ sở phun nước bảo vệ kết cấu xây dựng làm mát khu vực cháy, sau khi lực lượng chuyên nghiệp triển khai xong thì phối hợp chữa cháy.

- Sử dụng lăng vòi từ các trụ nước vách tường có tại cơ sở phun nước làm mát chống cháy lan, đồng thời chữa cháy các khu vực xảy ra cháy.
- Nhanh chóng di chuyển tài sản ra nơi an toàn, ngăn chặn cháy lan.
- Thực hiện các biện pháp ngăn chặn cháy lan, nhanh chóng di chuyển tài sản ra nơi an toàn, ngăn chặn cháy lan.
- Cử cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm của cơ sở tham gia và tổ trình sát và các mũi chiến đấu của lực lượng Cảnh sát PC&CC.
- Tham gia chữa cháy trong các giai đoạn tiếp theo dưới sự chỉ huy của Cảnh sát PC&CC.

- Thực hiện các công việc theo mệnh lệnh của chỉ huy chữa cháy

*** Tổ cứu thương gồm 04 người có nhiệm vụ như nhau**

Chuẩn bị sẵn các dụng cụ cứu thương để làm nhiệm vụ cấp cứu khi có yêu cầu

*** Tổ hậu cần gồm 04 người có nhiệm vụ như sau**

Đảm bảo công tác hậu cần nếu thời gian chữa cháy kéo dài và có biện pháp khắc phục hậu quả khi đám cháy được dập tắt.

Nhiệm vụ của người chỉ huy chữa cháy tại chỗ khi lực lượng Cảnh sát PCCC có mặt để chữa cháy

- Khi lực lượng chuyên nghiệp đến, đồng chí chỉ huy đội PCCC cơ sở báo cáo tình hình diễn biến của đám cháy, đường giao thông, nguồn nước trong khu vực cháy, trao quyền chỉ huy cho lực lượng chuyên nghiệp, tiếp tục tổ chức lực lượng của cơ sở cùng tham gia chữa cháy

- Hỗ trợ cho lực lượng Cảnh sát PCCC theo sự phân công của chỉ huy chữa cháy thành phố, hướng dẫn nguồn nước chữa cháy, hỗ trợ triển khai đường vòi

3.5.2. Biện pháp phòng ngừa tai nạn giao thông

Dự án tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó rủi ro tai nạn lao động tương tự như Nhà máy hiện nay. Cụ thể như sau:

- Ban hành các quy định và quy trình về an toàn lao động cho các công đoạn sản xuất, vận hành các máy móc, thiết bị.
- Lắp đặt hoặc bổ sung những công cụ cần thiết ở những khu vực tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động để ngăn ngừa tai nạn lao động xảy ra.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân như quần áo, găng tay, khẩu trang, giày, kính... và giám sát việc sử dụng bảo hộ lao động trong quá trình làm việc.
- Đảm bảo 100% công nhân viên của Nhà máy có bảo hiểm y tế và tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm cho công nhân.

- Các phương tiện vận chuyển hàng không được chở quá trọng tải, chiều cao cho phép. Người điều khiển phương tiện phải được đào tạo và vận hành đúng quy trình.
- Phải sử dụng nệm gỗ để chèn các thùng hàng dễ lún, trượt khi lưu kho. Trường hợp xếp hàng cao ≥ 2 lớp, phải kê chèn tất cả các kiện hàng ở lớp dưới cùng.

3.5.3. Hệ thống chống sét

- Nhà xưởng của công ty đã được lắp đặt hệ thống chống sét ở các khu vực cao và dễ bị sét đánh. Hệ thống chống sét được lắp đặt bằng dây dẫn nối với hệ thống tiếp địa chung. Hệ thống thu sét, thu tĩnh điện tích tụ, được cải tiến theo công nghệ mới nhằm đạt độ an toàn cao cho nhà máy.
- Thiết kế hệ thống chống sét dựa trên tiêu chuẩn 20 TCN -46-84 TCVN
- Sử dụng kim thu sét phát tiên đạo PULSAR cấp bảo vệ là cấp 3, có bán kính tác dụng trên $R=75m$, bảo vệ cho toàn bộ nhà xưởng.
- Cáp thoát sét bằng đồng trần, tiết diện $70mm^2$.
- Sử dụng 01 hố nối đất, hố nối đất dùng 06 cọc thép mạ đồng $d14$ dài $2,4m$ đóng cách nhau $3m$ và cách nền hoàn thiện $1m$.
- Cáp thoát sét đi trên mái nhà cách mái $60mm$, các sứ đỡ dây cách nhau từ $1,5$ đến $2m$.
- Cáp thoát sét không được uốn cong đột ngột, nếu cần thiết bán kính cong $\geq 20cm$.
- Các thiết bị chống sét cũng như thi công lắp đặt hệ thống chống sét hoàn toàn đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn nhất cho công trình. Lắp đặt đầy đủ hệ thống chống sét đánh thẳng cho nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà ăn tập thể. Định kỳ hàng năm tiến hành đo kiểm tra điện trở tiếp đất của hệ thống chống sét cho nhà xưởng, văn phòng làm việc theo quy định tại Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN9835:2012 Chống sét cho công trình xây dựng
- Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

3.5.4. An toàn lao động

An toàn lao động và bảo vệ sức khỏe trong sản xuất là vấn đề rất cần thiết đối với doanh nghiệp và người lao động. Những biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động, các biện pháp bảo vệ sức khỏe và bệnh nghề nghiệp luôn được phổ biến rộng rãi cho toàn thể các cán bộ, nhân viên trong công ty.

Để đảm bảo an toàn lao động cho nhà máy, Công ty đã đặc biệt quan tâm đến công tác an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe cho công nhân viên:

Bảng 3.10. Tổng hợp an toàn lao động

TT	Trang bị	Xuất xứ	Số lượng hiện tại	Số lượng khi nhà máy nâng công suất	Tính năng/trường hợp, điều kiện cần sử dụng	
1	Khẩu trang BHLĐ	Việt Nam	13.400 cái/năm	15.912 cái/năm	Chống bụi, khí thải, tránh tiếp xúc trực tiếp với chất thải	Sử dụng khi vận hành các máy móc thiết bị
2	Quần áo BHLĐ	Việt Nam	410 bộ/năm	487 bộ/năm	Bảo hộ cho người, tránh tiếp xúc trực tiếp với hóa chất	Sử dụng khi vận hành các máy móc thiết bị
3	Áo mưa	Việt Nam	120 bộ/năm	142 bộ/năm		
4	Giày BHLĐ	Việt Nam	820 đôi/năm	973 đôi/năm	Tránh tiếp xúc hóa chất qua da chân	Sử dụng khi vận hành hệ thống xử lý nước thải.
5	Ủng cao su	Việt Nam	150 đôi/năm	178 đôi/năm	Tránh tiếp xúc hóa chất qua da chân	Sử dụng khi vận hành hệ thống xử lý nước thải.
6	Mũ cứng (mũ cối, mũ nhựa)	Việt Nam	40 cái/năm	47 cái/năm	Bảo hộ cho đầu trong quá trình làm việc	Sử dụng khi vận hành máy móc thiết bị
7	Mũ vải lưới trai	Việt Nam	380 cái/năm	451 cái/năm	Bảo hộ cho đầu trong quá trình làm việc	Sử dụng khi vận hành máy móc thiết bị
8	Nón lá, mũ lá	Việt Nam	100 cái/năm	118 cái/năm	Bảo hộ cho đầu trong quá trình làm việc	Sử dụng khi vận hành máy móc thiết bị
9	Găng tay vải BHLĐ + găng tay	Việt Nam	6.000 đôi/năm	7125 đôi/năm	Tránh tiếp xúc hóa chất, kim loại qua da tay và hồng sản phẩm	Sử dụng khi vận hành các máy móc thiết bị

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

TT	Trang bị	Xuất xứ	Số lượng hiện tại	Số lượng khi nhà máy nâng công xuất	Tính năng/trường hợp, điều kiện cần sử dụng	
	sợi					
10	Găng tay cao su BHLĐ (loại móng)	Việt Nam	2.100 đôi/năm	2493 đôi/năm	Tránh tiếp xúc hóa chất, kim loại qua da tay và hồng sản phẩm	Sử dụng khi vận hành các máy móc thiết bị
11	Găng tay cao su BHLĐ (loại dày)	Việt Nam	1.700 đôi/năm	2018 đôi/năm	Tránh tiếp xúc hóa chất, kim loại qua da tay và hồng sản phẩm	Sử dụng khi vận hành các máy móc thiết bị
12	Mặt nạ hàn điện	Việt Nam	5 cái/năm	6 cái/năm	Tránh tiếp xúc tia lửa điện	Sử dụng khi hàn

Kế hoạch vệ sinh công nghiệp

- Thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động tại các khu vực sản xuất.

- Bộ phận thu gom vệ sinh công nghiệp có 5 người phụ trách. Hàng ngày làm việc 8 tiếng có nhiệm vụ thu gom, phân loại chất thải, vận chuyển chất thải thông thường và chất thải nguy hại vào đúng nơi quy định của công ty.

Kế hoạch đào tạo nhân viên và kiểm tra sức khỏe định kỳ

- Thường xuyên tổ chức các lớp học định kỳ về đào tạo và hướng dẫn về an toàn, sức khỏe môi trường và cách vận hành an toàn hệ thống máy móc thiết bị, quy trình xử lý, các biện pháp phòng tránh khi có sự cố xảy ra.

- Huấn luyện quản lý thiết bị, an toàn lao động, quản lý và sử dụng hóa chất độc hại 1 lần/năm.

- Huấn luyện an toàn cho người lao động 1 lần/năm

- Tiến hành khám sức khỏe và bệnh nghề nghiệp 1 lần/năm

Các biện pháp bảo vệ sức khỏe khác

- Nội quy an toàn lao động được phổ biến cho người lao động, treo niêm yết tại nơi làm việc

- Trang bị tủ thuốc y tế tại nơi làm việc (bông, băng, thuốc sát trùng,...)
- Khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân viên
- Bồi dưỡng hiện vật công nhân nghề nặng nhọc
- Điều dưỡng, phục hồi chức năng

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động Công ty sẽ cố gắng thường xuyên:

- Bố trí chế độ làm việc, nghỉ ngơi và ăn uống hợp lý
- Thường xuyên sử dụng thiết bị bảo hộ lao động khi nhà máy sản xuất
- Thu gom chất thải gọn gàng và bố trí hợp lý.

Để phòng ngừa khả năng cháy nổ và chống sét, Nhà máy sẽ hết sức quan tâm và áp dụng đồng bộ các biện pháp về kỹ thuật, tổ chức huấn luyện, tuyên truyền giáo dục, pháp chế. Các biện pháp áp dụng bao gồm:

- Đường nội bộ trong khu vực công trường xây dựng phải đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể khống chế được lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào.

- Sắp xếp, bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng và tạo khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây ra tia lửa điện phải được bố trí thật an toàn.

- Bố trí các bình cứu hỏa cầm tay ở những vị trí thích hợp nhất để tiện sử dụng, các phương tiện chữa cháy cần được kiểm tra thường xuyên và đảm bảo luôn trong tình trạng sẵn sàng.

- Tổ chức giáo dục ý thức phòng cháy, chống cháy tốt cho toàn thể cán bộ, công nhân thông qua các lớp huấn luyện PCCC.

- Lắp đặt hệ thống thu lôi và chống sét bảo vệ công trình quy định phải thiết kế đảm bảo theo “Tiêu chuẩn ngành 20 TCN 46-84 chống sét cho các công trình xây dựng” quy định.

a. Kế hoạch ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải, vệ sinh bể nước hấp thụ định kỳ nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

+ Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như quạt hút.

+ Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý sẽ được kiểm tra định kỳ để đảm bảo

ràng hệ thống luôn hoạt động trong tình trạng tốt nhất có thể. Có thiết bị dự trữ thay thế khi xảy ra sự cố.

- + Tuyển dụng cán bộ vận hành hệ thống xử lý có chuyên môn về môi trường nhằm theo dõi trong suốt quá trình vận hành của HTXL để tránh những sự cố về chất lượng khí thải đầu ra không đạt tiêu chuẩn.

- + Kết hợp với cơ quan chuyên môn về môi trường nhằm theo dõi và khắc phục khi có sự cố xảy ra đối với HTXL khí thải.

- + Ngưng hoạt động sản xuất phát sinh ô nhiễm khi xảy ra sự cố phát thải vượt quy chuẩn cho phép.

3.5.5. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất

3.5.5.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất

- Kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ xảy ra sự cố: Kế hoạch kiểm tra thường xuyên, đột xuất; quy định thành phần kiểm tra, trách nhiệm của người kiểm tra, nội dung kiểm tra, giám sát; quy định lưu giữ hồ sơ kiểm tra.

- Các biện pháp kỹ thuật an toàn:

- + Hạn chế hoặc thay thế hóa chất ít độc hại

- + Bao che hoặc cách ly nguồn phát sinh hóa chất nguy hiểm

- + Tồn trữ các thiết bị, bồn chứa an toàn

- + Vệ sinh cá nhân ngay sau khi sử dụng

- + Bố trí đầy đủ thiết bị ứng phó sự cố trong Công ty (vòi rửa hóa chất, túi sơ cấp cứu, thuốc men, thiết bị ứng cứu)

- + Thiết lập chương trình kiểm tra giám sát và biện pháp ứng phó sự cố hóa chất.

- Biện pháp giám sát sửa chữa, vận hành. Công ty thành lập Ban chỉ huy ứng cứu khẩn cấp sự cố hóa chất Công ty, có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp giữa bên trong Văn phòng công ty và kho chứa hóa chất với các tổ chức bên ngoài thực hiện công tác ứng cứu các sự cố rò rỉ, phát tán hóa chất của Công ty; thành lập Đội ứng cứu khẩn cấp sự cố hóa chất của Nhà máy, có nhiệm vụ thực hiện công tác ứng cứu khẩn cấp các sự cố tại Văn phòng Công ty và kho chứa hóa chất khi xảy ra sự cố rò rỉ, phát tán hóa chất, trực tiếp cứu hộ, xử lý sự cố hóa chất.

Bảng 3. 11. Danh mục các thiết bị ứng phó sự cố hóa chất Nhà máy

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng thiết bị	Ghi chú
I	Nhà phụ trợ và kỹ thuật				
1	Khẩu trang chống bụi	Chiếc	5	Sẵn sàng cho sử dụng	Định kỳ bảo dưỡng, 6 tháng/lần
2	Mặt nạ lọc khí axít	Bộ	2	Sẵn sàng cho sử dụng	
3	Mặt chắn	Chiếc	2	Sẵn sàng cho sử dụng	
4	Găng tay chịu axít, kiềm	Đôi	2	Sẵn sàng cho sử dụng	
5	Tạp dề chịu axít, kiềm	Chiếc	2	Sẵn sàng cho sử dụng	
6	Giày/ ủng chịu axít/ kiềm	Chiếc	2	Sẵn sàng cho sử dụng	
II	Kho hóa chất phụ trợ và chất thải văn phòng				
1	Khẩu trang chống bụi	Chiếc	5	Sẵn sàng cho sử dụng	Định kỳ bảo dưỡng, 6 tháng/lần
2	Mặt nạ lọc axít	Bộ	2	Sẵn sàng cho sử dụng	
3	Mặt chắn	Chiếc	2	Sẵn sàng cho sử dụng	
4	Găng tay chịu axít, kiềm	Đôi	2	Sẵn sàng cho sử dụng	
5	Tạp dề chịu axít, kiềm	Chiếc	2	Sẵn sàng cho sử dụng	
6	Giày/ ủng chịu axít, kiềm	Chiếc	2	Sẵn sàng cho sử dụng	
III	Phòng kỹ thuật				
1	Mặt nạ lọc khí NH3	Bộ	4	Sẵn sàng cho sử dụng	Loại 3M, hộp lọc màu xanh Green, cho thoát hiểm với nồng độ khí NH3 trên 5.000ppm
2	Mặt chắn	Chiếc	2	Sẵn sàng cho sử dụng	Định kỳ bảo dưỡng, 6 tháng/lần
3	Găng tay chịu axít, kiềm	Đôi	2	Sẵn sàng cho sử dụng	
4	Tạp dề chịu axít, kiềm	Chiếc	2	Sẵn sàng cho sử dụng	
5	Giày/ ủng chịu axít, kiềm	Chiếc	2	Sẵn sàng cho sử dụng	
IV	Đội ứng cứu khẩn cấp của Công ty				

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

1	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	50	Sẵn sàng cho sử dụng	Định kỳ bảo dưỡng, 6 tháng/lần
2	Găng tay	Đôi	50	Sẵn sàng cho sử dụng	
3	Khẩu trang/kính	Chiếc	25	Sẵn sàng cho sử dụng	
4	Giày/ ủng	Đôi	50	Sẵn sàng cho sử dụng	
5	Hệ thống xử lý tràn đổ hóa chất	Hệ thống	2	Hoạt động tốt	Bố trí các khay chống tràn khi vận chuyển, các chất chống bay hơi hóa chất, chất thấm hút,...
6	Thiết bị sơ cấp cứu (tủ sơ cứu)	Chiếc	4	Hoạt động tốt	Bố trí tại các xưởng sản xuất

3.5.5.2. Biện pháp ứng phó sự cố hóa chất

1. Xử lý tràn đổ hóa chất mang tính bazơ

- Trang bị bảo hộ lao động cá nhân tối thiểu: ủng cao su, quần áo chống hóa chất, găng tay chịu axit, kiềm, khẩu trang, mũ bảo hộ bằng nhựa cứng có mặt chắn.

- Quy tắc: không bao giờ cho bazo vào axit và ngược lại khi không biết rõ đặc tính của hóa chất.

- Những người đứng gần khu vực tràn đổ, nếu đảm bảo an toàn khi làm việc thì dùng vật liệu xử lý tràn đổ bằng nhựa PP (polypropylen) để vây xung quanh và tại khu vực tràn đổ. Các vây chống tràn được đặt để ngăn được sự lan rộng của hóa chất, cảnh báo khu vực và che phủ bề mặt để giảm sự bốc hơi.

- Sau đó, lượng kiềm lỏng sẽ được hút bằng các tấm hút PP, lượng kiềm dư còn lại của khu vực có thể được trung hòa bằng cách cho thêm nhiều chất trung hòa xút. Cặn bã sau khi trung hòa được thu gom và quản lý như quản lý chất thải nguy hại. Sau khi việc trung hòa hoàn tất, tiến hành rửa sạch khu vực bị tràn đổ.

2. Sơ cứu khẩn cấp

- Chuyển nạn nhân đến khu vực không khí sạch.
- Gọi xe cấp cứu.
- Hô hấp nhân tạo ngay nếu nạn nhân ngừng thở.
- Không sử dụng phương pháp hút bằng mồm nếu như nạn nhân đã nuốt hóa chất vào và phải dùng thiết bị thở khác.
- Cho thở oxi nếu thấy nạn nhân khó thở.
- Tháo quần áo, giày dép, ủng ra khỏi nạn nhân.

- Trong trường hợp da của nạn nhân bị tiếp xúc với hóa chất thì phải dùng nước sạch rửa ngay ít nhất là 20 phút. Những chỗ không bị tiếp xúc thì không phải rửa.
- Lấy ngay các vật liệu nóng chảy có trên da nạn nhân và sử dụng thuốc hỗ trợ da.
- Giữ cho nạn nhân ấm và yên tĩnh.
- Trông coi nạn nhân

3.5.6. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trong khuôn viên cơ sở

- Định kỳ 1 tháng/lần, kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn bên trong khu vực nhà xưởng để đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín an toàn nhất.
- Tiến hành hút bể phốt 3 - 6 tháng/lần hoặc tùy thuộc vào hiệu quả xử lý của bể tự hoại, lượng lao động sử dụng.
- Nghiêm cấm các trường hợp vứt rác có kích thước lớn vào hệ thống thu gom nước thải; Cấm các trường hợp đổ hóa chất, chất tẩy rửa vào hệ thống thu gom nước thải,...
- Khi có các sự cố xảy ra:
 - + Hệ thống thu gom và thoát nước bị vỡ, rò rỉ: Báo cáo lãnh đạo và khắc phục kịp thời bằng việc sửa chữa hoặc thay thế đường ống mới.
 - + Hệ thống thoát nước bị tràn, đầy, ứ đọng: Đánh giá nguyên nhân và đề xuất giải pháp khắc phục như thông hút cống thoát nước thải, bể tự hoại, hố ga,...
 - + Hiệu quả bể phốt không cao, chất lượng nước thải vượt quá giới hạn cho phép: Đánh giá nguyên nhân và khắc phục kịp thời bằng việc hút bể phốt, bổ sung chế phẩm vi sinh,...

3.5.7. Biện pháp phòng ngừa sự cố và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

3.5.7.1. Phương pháp phòng ngừa sự cố

- Để phòng ngừa sự cố, ngay từ khâu nhập thiết bị Chủ đầu tư sẽ kiểm tra nghiêm ngặt chất lượng thiết bị.
- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng và kiểm tra các mối hàn, các điểm tiếp nối.
- Tuân thủ nghiêm ngặt hướng dẫn vận hành của hệ thống.
- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như: luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như quạt hút,...
- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật

- Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.
- Các máy móc, thiết bị phải được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật, đặc biệt là các thiết bị điện tử.
- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ 1 tháng/lần, sửa chữa khi có hỏng hóc

3.5.7.2. Phương pháp ứng phó sự cố

- Nếu xảy ra sự cố với quạt hút, các đơn nguyên xử lý công ty sẽ dừng hoạt động của nhà máy.
- Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.
- Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.
- Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố. Chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.
- Nhân viên vận hành hệ thống phải thường xuyên theo dõi hoạt động của thiết bị, kịp thời báo cáo khi hư hỏng.

3.6. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bảng 3.12. Các nội dung thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo ĐTM

TT	Hạng mục theo báo cáo ĐTM	Công trình bảo vệ môi trường đã hoàn thiện	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Giải trình sự thay đổi
I	Công trình xử lý nước thải			
	- Nước thải sản xuất được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung công suất 600 m ³ /ngày.đêm	- Nước thải sản xuất được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung công suất 600 m ³ /ngày.đêm	Tháo dỡ toàn bộ thiết bị tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Công ty từ năm 2022	Do Công ty dừng thực hiện công đoạn mạ trong quá trình sản xuất
II	Công trình xử lý khí thải			
1	Hệ thống xử lý khí thải xưởng mạ công suất 9.000 m ³ /h	Hệ thống xử lý khí thải xưởng mạ công suất 9.000 m ³ /h	Tháo dỡ toàn bộ thiết bị tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Công ty từ năm 2022	Do Công ty dừng thực hiện công đoạn mạ trong quá trình sản xuất

CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà xưởng được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải công suất 6.000 m³/ngày của của Khu công nghiệp Quang Minh).

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải

+ Nguồn thải số 01: khí thải phát sinh từ bụi sơn tại buồng phun sơn bằng tay (súng phun tay 1)

+ Nguồn thải số 02: khí thải phát sinh từ bụi sơn tại buồng phun sơn bằng tay (súng phun tay 2)

+ Nguồn thải số 03: khí thải phát sinh từ bụi sơn tại buồng phun sơn tự động

- Lưu lượng xả khí thải

+ Nguồn thải số 01: Lưu lượng xả khí thải tối đa 15.300 m³/h

+ Nguồn thải số 02: Lưu lượng xả khí thải tối đa 15.300 m³/h

+ Nguồn thải số 03: Lưu lượng xả khí thải tối đa 15.300 m³/h

- Dòng thải: 02 dòng

+ Dòng thải 01: Dòng khí thải từ hệ thống xử lý buồng phun sơn bằng tay

+ Dòng thải 02: Dòng khí thải từ hệ thống xử lý buồng phun sơn tự động

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCTĐHN 01:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội; QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải xin cấp phép được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm trong khí thải tại cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị	QCTĐHN 01:2014/BTNMT (Kp = 1, Kv = 0,9)	QCTĐHN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-		Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ bụi, khí thải (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Bụi tổng	°C	200			
6	Bezen	mg/Nm ³	-	5		
8	Toluen	mg/Nm ³	-	750		
9	Styren	mg/Nm ³	-	100		
10	Xylen	mg/Nm ³	-	870		

- Vị trí, phương thức xả khí thải:

+ Vị trí xả khí thải: Hai (02) vị trí trong ống xả khí thải buồng sơn, có tọa độ (VN 2000 kinh tuyến 105⁰, múi chiều 3⁰):

Vị trí xả khí thải dòng thải 01: X= 2 343 863, Y= 579 544.

Vị trí xả khí thải dòng thải 02: X= 2 343 851, Y= 579 560.

+ Phương thức xả khí thải: Gián đoạn (theo ca sản xuất).

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực sản xuất nhà xưởng

+ Nguồn số 01 : Từ khu vực sản xuất (tại khu vực sản xuất nhà xưởng 1).

+ Nguồn số 02: Từ khu vực sản xuất (tại khu vực sản xuất nhà xưởng 2).

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

+ Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiều 3⁰):

+ Nguồn số 01 có tọa độ : X = 2 343 888 ; Y = 579 549

+ Nguồn số 02 có tọa độ : X = 2 343 863 ; Y = 579 528

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn

Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ	
1	70	55	Khu vực thông thường

+ Độ rung

Bảng 4.3. Giới hạn tối đa cho phép về độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với quản lý chất thải rắn

1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Bảng 4.4. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Đơn vị	Khối lượng
1	Bao bì cứng bằng kim loại thải	Rắn	18 01 02	kg/năm	1.300
2	Găng tay, giẻ lau dính dầu	Rắn	18 02 01	kg/năm	1.300
3	Sơn, cặn sơn thải chứa dung môi hữu cơ	Rắn	08 01 01	kg/năm	500
4	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	kg/năm	950
5	Bao bì cứng bằng nhựa thải	Rắn	18 01 03	kg/năm	350
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	kg/năm	25
7	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	kg/năm	6
8	Dầu thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	kg/năm	1.500
9	Huyền phù nước thải lẫn sơn có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại	Lỏng	08 01 04	kg/năm	15.000
10	Phế liệu kim loại nhiễm dầu	Rắn	11 04 01	kg/năm	300

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

11	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	kg/năm	10
	Tổng số			kg/năm	21.241

2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Khoảng 378.500 kg/năm, chủ yếu gồm: nhựa phế liệu, sắt thép vụn, đồng phế liệu, nhôm phế liệu, inox phế liệu.

CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

5.1.1. Tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Cơ sở đã thực hiện lập và được phê duyệt báo cáo ĐTM theo quy định.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm

- Hệ thống xử lý nước thải: Nước thải phát sinh tại cơ sở được đưa về bể tự hoại 3 ngăn và đạt QCVN 14:2008/BTNMT.

- Chương trình quản lý chất thải rắn: các loại chất thải sinh hoạt, nguy hại được phân loại, thu gom và chuyển giao đến đơn vị chứng nhận hợp pháp.

- Kiểm tra, quan trắc môi trường: định kỳ thực hiện quan trắc chất lượng nước thải sinh hoạt, nước xả bể bơi theo đúng quy định.

5.1.2. Các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường nộp Sở Tài nguyên và Môi trường cũ (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường); Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Mê Linh cũ (nay là Phòng Nông nghiệp và môi trường huyện Mê Linh).

- Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

5.2.1. Tổng lưu lượng nước thải của cơ sở

Bảng 5. 1. Tổng lưu lượng nước thải của cơ sở (m³/tháng)

Tháng	Tiêu thụ (m³/tháng)
Tháng 08/2024	1.104
Tháng 09/2024	995
Tháng 10/2024	1055
Tháng 11/2024	1211
Tháng 12/2024	873
Tháng 01/2025	858
Tháng 02/2025	606
Tháng 03/2025	961
Trung bình 8 tháng (m³)	957,87
Trung bình ngày (m³) (26 ngày làm việc)	36,8 m³

5.2.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải năm 2023, 2024

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả nước thải								QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
			Năm 2023				Năm 2024				
			13/05		20/08		08/03		28/05		
			NT1	NT2	NT1	NT2	NT1	NT2	NT1	NT2	
1.	pH	-	7,2	7,6	8,7	8,55	7,6	7,9	7,1	7,2	5,5 - 9
2.	Nhiệt độ	°C	27,6	27,9	29,5	30	22,6	23	30	31	-
3.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30,5	23,5	32,4	25,7	28,5	29,6	23,6	25,8	50
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	70,4	51,2	76,8	57,6	64	70,4	51,2	64	-
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	67,4	57,9	70,5	62,8	63,7	68,2	58,1	63,5	100
6.	Tổng Photpho	mg/l	0,924	0,772	0,886	0,825	0,726	0,719	0,825	0,658	-
7.	Tổng Nito	mg/l	18,6	20,8	17,31	19,72	15,9	17,5	14,8	16,9	-

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

8.	Tổng coliform	MPN/100ml	4.100	4.000	4.300	4.600	4.300	4.100	4.600	4.700	5.000
9.	Crom (VI)	mg/l	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	-
10.	Cu	mg/l	<0,09	<0,09	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	-
11.	Ni	mg/l	<0,0008	<0,0008	<0,005	<0,005	0,0229	0,0231	<0,005	<0,005	-
12.	Fe	mg/l	<0,03	<0,03	<0,03	<0,03	<0,03	<0,03	<0,03	<0,03	-
13.	Dầu mỡ	mg/l	2,5	0,7	2,1	0,9	2,2	0,9	2,5	1,4	-

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
- NT1: Mẫu nước thải sinh hoạt tại cống thoát nước thải sinh hoạt
- NT2: Nước thải tại hố ga

*** Đánh giá kết quả quan trắc:**

Cơ sở đã đảm bảo vận hành xử lý nước thải đạt hiệu quả, giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường. Kết quả quan trắc tại các thời điểm phân tích trong năm 2023, 2024 các thông số cho thấy đa số đều đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

5.2.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Cơ sở không thực hiện nội dung này

5.2.4. Kết quả phân tích môi trường lao động năm 2023, 2024

Bảng 5.3. Kết quả phân tích không khí môi trường lao động của cơ sở trong năm 2023, 2024 liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

S T T	Thô ng số	Đơ n vị	Kết quả không khí môi trường lao động															TCVN/ QCVN
			13/05/2023			19/08/2023				07/03/2024				28/05/2024				
			K2	K3	K4	K1	K2	K3	K4	K1	K2	K3	K4	K1	K2	K3	K4	
1.	Nhi ệt độ	°C	26,4	25,9	26	31,3	31,6	31,8	31,9	24,1	24,6	24,8	24,5	28,9	29	29,4	30,6	18 – 32 ^a
2.	Độ ẩm	%	65,9	66,9	66,5	66,1	64,4	62,5	62,1	56,8	56,6	56,5	56,6	75,6	71,5	74,1	70,1	40 – 80 ^a
3.	Tốc độ gió	m/s	0,2	0,2	0,2	0,4	0,4	0,4	0,4	0,5	0,5	0,5	0,5	0,4	0,4	0,4	0,4	0,2 – 1,5 ^a
4.	Tiền g òn (Lae q)	dB A	60,6	70,1	65,2	65,9	69,4	81,1	70,5	60,5	62,2	77,8	63	68,5	62,5	81,6	72,8	85 ^b
5.	Hợp chất hữu cơ bay hơi (VO Cs) (Be zen, Tol uen,	mg/ m³	<0,0 08	<0,0 08	<0,0 08	<0,00 8	<0,00 8	<0,00 8	<0,00 8	<0,00 8	<0,00 8	<0,008	<0,008	<0,008	<0,008	<0,008	<0,008	-

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

	Xyl en, Styr en)																	
6.	Tôn g bụi lơ lửng (TS P)	mg/ m ³	0,258	0,363	0,271	0,283	0,27	0,473	0,29	0,281	0,275	0,432	0,294	0,281	0,294	0,469	0,336	8°
7.	Bụi nhô m	mg/ m ³	<0,0 012	<0,0 012	<0,0 012	<0,00 12	<0,00 12	<0,00 12	<0,00 12	<0,00 12	<0,00 12	<0,0012	<0,0012	<0,0012	<0,0012	<0,0012	<0,0012	-
8.	CO ₂	mg/ m ³	572	573	553	598	591	586	578	611	560	586	573	605	573	579	548	18.000 ^d
9.	SO ₂	mg/ m ³	572	573	553	0,045	0,062	0,047	0,047	0,063	0,054	0,061	0,057	0,068	0,05	0,057	0,061	10 ^d
10.	Đồ n g hơi, khói , bụi và các hợp chất	mg/ m ³	<0,0 1	<0,0 1	<0,0 1	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	- ^d

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”

11.	Ni	mg/ m ³	<0,0 0002	<0,0 0002	<0,0 0002	<0,00 0015	<0,00 0015	<0,00 0015	<0,00 0015	<0,00 0015	<0,00 0015	<0,00 0015	<0,00 0015	<0,00 0015	<0,00 0015	<0,00 0015	<0,00 0015	0,25
12.	H ₂ S	mg/ m ³	<0,0 05	<0,0 05	<0,0 05	<0,00 5	<0,00 5	<0,00 5	<0,00 5	<0,00 5	<0,00 5	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	15 ^d
13.	NH ₃	mg/ m ³	<0,0 075	<0,0 075	<0,0 075	<0,00 75	<0,00 75	<0,00 75	<0,00 75	<0,00 75	<0,00 75	<0,0075	<0,0075	<0,0075	<0,0075	<0,0075	<0,0075	25 ^d
14.	CH ₄	mg/ m ³	<0,0 05	<0,0 05	<0,0 05	<0,00 5	<0,00 5	<0,00 5	<0,00 5	<0,00 5	<0,00 5	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	-

Ghi chú:

- TCVSLĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- (c) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- (d) QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- K1: Khu vực xưởng NP
- K2: Khu vực xưởng lắp ráp tầng 2 (khu vực in)
- K3: Khu vực xưởng đột dập
- K4: Khu vực xưởng phun ép nhựa hiện tại

Nhận xét:

Theo TCVSLĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Nồng độ Ni có trong các mẫu không khí đều nằm trong giới hạn cho phép.

Theo QCVN 02:2019/BYT: Nồng độ tổng bụi lơ lửng (TSP) có trong các mẫu không khí đều nằm trong giới hạn cho phép.

Theo QCVN 03:2019/BYT: Nồng độ khí SO₂, CO₂, NH₃ và H₂S có trong các mẫu không khí đều nằm trong giới hạn cho phép.

5.2.5. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải)

Cơ sở không thực hiện nội dung này

5.2.6. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất)

Cơ sở không thực hiện nội dung này

5.2.7. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

Khối lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt: 44,4 tấn/năm

Khối lượng chất thải rắn sản xuất: 182.359,3 kg/năm

Khối lượng phát sinh chất thải nguy hại: 2.555 kg/năm

5.2.8. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Trong hai năm 2023 – 2024, Cơ sở chưa có đoàn thanh tra, kiểm tra đến kiểm tra.

CHƯƠNG 6. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở

6.1.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà xưởng được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải công suất 6.000 m³/ngày của của Khu công nghiệp Quang Minh).

6.1.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải đã có Giấy xác nhận số 123/STNMT-CCMT ngày 17/8/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp về việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành Dự án “Đầu tư xây dựng nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại” của Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision.

6.1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp với Chủ dự án để thực hiện

- Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Môi trường Hà Nội
- Địa chỉ: C21-20 khu C, KĐT Geleximco, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 02466832969
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 253 theo Quyết định số 2413/QĐ-BTNMT ngày 19 tháng 09 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình giám sát nước thải định kỳ

Cơ sở không thuộc đối tượng giám sát nước thải định kỳ

6.2.2. Chương trình giám sát khí thải định kỳ

Dự án có tổng lưu lượng xả thải dưới 50.000 m³/h, theo quy định tại điều 98, nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ khí thải.

6.2.3. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục chất thải

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục chất thải.

❖ Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Giám sát khối lượng, chủng loại phát sinh và công tác quản lý, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn.

- Tần suất: thường xuyên.

- Quy định giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

❖ Giám sát các vấn đề môi trường khác

+ Kiểm tra việc thực hiện các biện pháp an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

+ Kiểm tra công tác quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

CHƯƠNG 7. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

7.1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Chủ Cơ sở cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái, Chủ Cơ sở cam kết sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

Thực hiện tất cả các biện pháp giảm thiểu tác động xấu (ô nhiễm do khí, bụi, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn, nước thải,...), phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đã được nêu trong Chương 3. Cam kết thực hiện việc giám sát định kỳ chất lượng nước thải như đã đề cập trong Chương 6 của Báo cáo. Trong đó lưu ý các cam kết với chính quyền địa phương, các đơn vị chức năng quản lý nhà nước về môi trường bao gồm:

- Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ cơ sở cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam về môi trường đối với cơ sở, các tiêu chuẩn khác có liên quan.

7.2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

Chủ Cơ sở xin cam kết:

Sẽ nghiêm túc thực hiện các công trình xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động của cơ sở theo đúng các phương án kỹ thuật để khống chế các nguồn gây ô nhiễm như đã nêu trong báo cáo đề xuất giấy phép môi trường. Các tác động này sẽ được Chủ cơ sở cam kết thực hiện như sau:

Cam kết xử lý nước thải phát sinh từ cơ sở đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, k = 1,2) trước khi thải vào hệ thống thoát nước KCN Quang Minh.

Cam kết xử lý khí thải phát sinh từ buồng sơn đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT.

Cam kết tiếng ồn và độ rung trong quá trình vận hành của cơ sở phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN

26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 - khu vực thông thường) về độ rung

Cam kết thu gom và thuê đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý CTR và CTNH theo đúng định kỳ đã quy định.

Chủ cơ sở sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình vận hành nhà máy không chế ô nhiễm môi trường nhằm đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Môi trường và Tiêu chuẩn môi trường theo quy định và phòng chống sự cố môi trường khi xảy ra.

- Các cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra

Phòng chống các sự cố và rủi ro môi trường: Thực hiện nghiêm chỉnh các chương trình phòng chống sự cố.

- Cam kết đền bù thiệt hại những thiệt hại môi trường do cơ sở gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Cam kết thực hiện việc lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm của cơ sở theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, gửi Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm đến Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo để theo dõi, quản lý. Thực hiện Báo cáo công tác bảo vệ môi trường đột xuất của cơ sở theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 2500234842

Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 11 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 23 tháng 08 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FIT ACTIVE VIETNAM PRECISION CO.,LTD

Tên công ty viết tắt: FAV

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô 20, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 043.8182223/043.5860134

Fax:

Email: fitactive@fav.com.vn/hr01@fav.com.vn

Website:

3. Vốn điều lệ : 158.839.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm năm mươi tám tỷ tám trăm ba mươi chín triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	CÔNG TY PROSPER PLASTIC FACTORY LIMITED	Trung Quốc (Hong Kong)	Phòng 814, Tòa tháp B, New Mandarin Plaza, Số 14 Đường Science Museum, TST East, Kowloon, Trung Quốc (Hong Kong)	138.414.000.000	87,140	444106	

2	CÔNG TY PROSPER PLASTIC FACTORY (SAMOA) LIMITED	Samoa	Văn phòng Công ty TNHH Pacific Fiduciaries, địa chỉ tại Khu tổ hợp Le Sanalele, tầng trệt, đường Vaea, Seleufi, Hộp thư 1868, Apia, Samoa	20.425.000.000	12,860	67992
---	--	-------	---	----------------	--------	-------

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HU SHIANG-CHI

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Sinh ngày: 13/03/1961 Dân tộc: Quốc tịch: Trung Quốc
(Đài Loan)

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 306560930

Ngày cấp: 29/06/2022 Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Đài Loan (Trung Quốc)

Địa chỉ thường trú: 13F-1, No 27, Lane 169 Kangning Street Xizhi District, New Taipei City 221, Trung Quốc

Địa chỉ liên lạc: Lô 20 Khu Công nghiệp Quang Minh, Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



Đỗ Văn Linh

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ



SỐ:.....012223000125.....

NGÀY CẤP:.....24/5/2015.....



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 012023000186

Chứng nhận lần đầu: ngày 15 tháng 11 năm 2007

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: ngày 25 tháng 12 năm 2007

Chứng nhận thay đổi lần thứ 6: ngày 24 tháng 6 năm 2015

- Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn chi tiết thi hành một số Điều của Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 quy định về Khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

- Căn cứ Quyết định số 1463/2008/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

- Căn cứ Giấy Chứng nhận Đầu tư số 192043000053 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Vĩnh Phúc chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 25/12/2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 012043000186 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 05 tháng 2 năm 2015;

- Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo do Nhà đầu tư Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision nộp ngày 19 tháng 9 năm 2015; Xét báo cáo của Trưởng phòng Đầu tư tại Văn bản số 22QM/BC-ĐT ngày 23/6/2015,

TRƯỞNG BAN

Chứng nhận các Nhà đầu tư:

1. Nhà đầu tư thứ nhất: CÔNG TY PROSPER PLASTIC FACTORY LIMITED

- Đăng ký kinh doanh số 444106 cấp ngày 17/8/1993 tại Hồng Kông

- Địa chỉ trụ sở: Phòng 814, Tòa tháp B, New Mandarin Plaza, Số 14 Đường Science Museum, TST East, Kowloon, Hong Kong (Room 814, Tower B, New Mandarin Plaza, No 14 Science Museum Road, Tst East, Kowloon, Hong Kong)

- Người đại diện: Ông HU SHIANG-CHI

+ Sinh ngày 13/03/1961

+ Quốc tịch: Đài Loan;

- + Hộ chiếu số: 306886824 do Bộ Ngoại giao Đài Loan cấp ngày 06/02/2013;
- + Địa chỉ đăng ký thường trú: 13F-1, No 27, Lane 169 Kangning Street Xizhi District, New Taipei City 221, Taiwan;
- + Chỗ ở hiện tại: 13F-1, No 27, Lane 169 Kangning Street Xizhi District, New Taipei City 221, Taiwan;
- + Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nhà đầu tư thứ hai: CÔNG TY PROSPER PLASTIC FACTORY (SAMOA) LIMITED

- Đăng ký kinh doanh số 67992 cấp ngày 30/01/2015, sửa đổi ngày 03/03/2015 tại Samoa;
- Địa chỉ trụ sở: Văn phòng Công ty TNHH PACIFIC FIDUCIARIES, địa chỉ tại Khu tổ hợp Le Sanalele, tầng trệt, đường Vaea, Seleufi, Hộp thư 1868, Apia, Samoa.
- Người đại diện: Ông HU SHIANG-CHI

- + Sinh ngày 13/03/1961
- + Quốc tịch: Đài Loan;
- + Hộ chiếu số: 306886824 do Bộ Ngoại giao Đài Loan cấp ngày 06/02/2013;
- + Địa chỉ đăng ký thường trú: 13F-1, No 27, Lane 169 Kangning Street Xizhi District, New Taipei City 221, Taiwan;
- + Chỗ ở hiện tại: 13F-1, No 27, Lane 169 Kangning Street Xizhi District, New Taipei City 221, Taiwan;

Đăng ký thành lập doanh nghiệp và thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung đăng ký kinh doanh:

1. Tên doanh nghiệp:

- Tên bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION
- Tên tiếng Anh: FIT ACTIVE VIETNAM PRECISION CO.,LTD
- Tên giao dịch: FAV

2. Địa chỉ trụ sở chính: Lô 20, Khu Công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Điện thoại: 043.8182223 Fax: 043.8182225

3. Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

4. Người đại diện theo pháp luật: Ông HU SHIANG-CHI

- + Sinh ngày 13/03/1961;
- + Quốc tịch: Đài Loan;
- + Hộ chiếu số: 306886824 do Bộ Ngoại giao Đài Loan cấp ngày 06/02/2013;
- + Địa chỉ đăng ký thường trú: 13F-1, No 27, Lane 169 Kangning Street Xizhi District, New Taipei City 221, Taiwan;
- + Chỗ ở hiện tại: 13F-1, No 27, Lane 169 Kangning Street Xizhi District, New Taipei City 221, Taiwan;
- + Chức vụ: Chủ tịch Công ty.

5. Ngành nghề kinh doanh:

TT	Mã ngành	Ngành nghề	Phạm vi kinh doanh
1		Gia công, chế tạo các sản phẩm nhựa phun	- Gia công, chế tạo các sản phẩm nhựa phun; gia công, chế tạo các loại khuôn thép, khuôn nhôm, khuôn đồng, khuôn Inox; Chế tạo và gia công khai thác các sản phẩm đột dập đồng nhôm; Chế tạo linh kiện máy văn phòng; Gia công vật trang trí máy văn phòng; Gia công, chế tạo linh kiện điện tử; Gia công, chế tạo linh kiện vỏ ngoài máy vi tính; Gia công, chế tạo linh kiện điện tử quang học, vật trang trí thấu kính quang học; Gia công, chế tạo linh kiện ống kính cơ và vật trang sức; Gia công chế tạo linh kiện đầu máy tàu và ô tô, trang trí vỏ ngoài và âm thanh dùng cho ô tô; Gia công, chế tạo linh kiện dụng cụ điện; Gia công, chế tạo các loại linh kiện kim khí nhựa dùng lắp máy in; - Kinh doanh thương mại Quốc tế; - Cho thuê nhà xưởng dư thừa; - Xử lý bề mặt các linh kiện kim khí, nhựa dùng cho xe máy, linh kiện máy điện thoại di động, các loại máy văn phòng và đồ gia dụng.
2	25999	Gia công, chế tạo các loại khuôn thép, khuôn nhôm, khuôn đồng, khuôn Inox; chế tạo và gia công khai thác các sản phẩm đột dập đồng, nhôm.	
3	261	Chế tạo linh kiện máy văn phòng, gia công vật trang trí máy văn phòng; gia công chế tạo linh kiện điện tử;	
4	26200	Gia công, chế tạo linh kiện vỏ ngoài máy tính vi tính.	
5	26700	Gia công, chế tạo linh kiện điện tử quang học; vật trang trí thấu kính quang học	
6		Gia công, chế tạo linh kiện ống kính cơ và vật trang sức;	
7		Gia công, chế tạo linh kiện đầu máy tàu và ô tô, trang trí vỏ ngoài và âm thanh dùng cho ô tô.	
8	26	Gia công, chế tạo các loại linh kiện kim khí nhựa dùng lắp máy in.	
9	27	Gia công, chế tạo linh kiện dụng cụ điện	
10		Kinh doanh thương mại quốc tế	
11		Cho thuê nhà xưởng dư thừa	
12	25920	Gia công cơ khí, xử lý và tráng kim loại	

Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành (nếu có), Công ty chỉ được phép thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định của pháp luật.

6. Vốn Điều lệ: 9.450.000 USD (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đô la Mỹ), tương đương với 158.839.000.000 VND (Một trăm năm mươi tám tỷ tám trăm ba mươi chín triệu đồng) do các Nhà đầu tư đóng góp như sau:

- CÔNG TY PROSPER PLASTIC FACTORY LIMITED (Hong Kong) đã góp số vốn 8.500.000 USD, tương đương 138.414.000.000 đồng chiếm 89,95% vốn điều lệ;

- CÔNG TY PROSPER PLASTIC FACTORY (SAMOA) LIMITED đăng ký góp 950.000 USD, tương đương 20.425.000.000 đồng chiếm 10,05% vốn điều lệ; tiền độ đăng ký góp: trong vòng 90 ngày, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 6.

Điều 2. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN GIA CÔNG, CHẾ TẠO CÁC SẢN PHẨM NHỰA PHUN, LINH KIỆN MÁY VĂN PHÒNG, LINH KIỆN ĐIỆN TỬ, CÁC KHUÔN MẪU KIM LOẠI VÀ SẢN PHẨM ĐỘT DẬP ĐỒNG NHÔM.

2. Mục tiêu và quy mô của dự án: Gia công, chế tạo các sản phẩm nhựa phun; Gia công, chế tạo các loại khuôn thép, khuôn nhôm, khuôn đồng, khuôn inox; Chế tạo và gia công khai thác các sản phẩm đột dập đồng nhôm; Chế tạo linh kiện máy văn phòng; Gia công vật trang trí máy văn phòng; Gia công, chế tạo linh kiện điện tử; Gia công, chế tạo linh kiện vỏ ngoài máy tính; Gia công, chế tạo linh kiện điện tử quang học; vật trang trí thấu kính quang học; Gia công, chế tạo linh kiện ống kính cơ và vật trang sức; Gia công, chế tạo linh kiện đầu máy tàu và ô tô, trang trí vỏ ngoài và âm thanh dùng cho ô tô; Gia công, chế tạo linh kiện dụng cụ điện; Gia công, chế tạo các loại linh kiện kim khí nhựa dùng lắp máy in; Kinh doanh thương mại Quốc tế;

- Cho thuê nhà xưởng dư thừa.

- Xử lý bề mặt các linh kiện kim khí, nhựa dùng cho xe máy, linh kiện máy điện thoại di động, các loại máy văn phòng và đồ gia dụng.

b) Quy mô sản xuất của dự án: 120.000.000 sản phẩm trở lên/năm. Trong đó: Xuất khẩu 80% sản phẩm.

Doanh nghiệp chỉ được phép cho thuê nhà xưởng dư thừa khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật Đất đai, Luật Kinh doanh bất động sản và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô 20, Khu Công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Diện tích đất dự kiến sử dụng là: 18.780 m².

4. Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 12.500.000 USD (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đô la Mỹ*), tương đương với 219.429.965.034,56 VND. Trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án: 9.450.000 USD, tương đương với 158.839.000.000 VND. Hiện nay đã góp 8.500.000 USD, tương đương 138.414.000.000 VND; Phần vốn góp đăng ký tăng thêm 950.000 USD, tương đương 20.425.000.000 đồng được nhà đầu tư cam kết góp đủ trong 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 6.

- Vốn vay: 3.050.000 USD.

Nhà đầu tư phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn vốn đăng ký đầu tư thực hiện dự án.

5. Thời gian hoạt động: 49 năm, kể từ 06 tháng 01 năm 2005.

6. Tiến độ thực hiện dự án: Doanh nghiệp đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh

7. Các ưu đãi đối với dự án:

a) Đối với quy mô của dự án đã đăng ký thực hiện theo Giấy chứng nhận đầu tư số 192043000053 do Ban Quản lý các KCN Vĩnh Phúc chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 25/12/2007 (quy mô sản xuất cũ: 2.000.000 sản phẩm/năm), tương ứng với tổng vốn đầu tư đăng ký 8 triệu USD (*Tám triệu đô la Mỹ*): Được thực hiện căn cứ theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và các ưu đãi đầu tư ghi tại Giấy chứng nhận đầu tư số 192043000053 do Ban Quản lý các KCN Vĩnh Phúc chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 25/12/2007 như sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm là 15% lợi nhuận thu được áp dụng trong 12 năm và sau đó là 28% trong những năm tiếp theo. Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo;

- Doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo qui định tại Điều 16, nghị định số 149/2005/ND-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

- Đối với hoạt động cho thuê nhà xưởng dư thừa: thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật;

- + Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu thiết bị, máy móc đã qua sử dụng phải tuân thủ các qui định có liên quan của pháp luật Việt Nam.

b) Đối với phần vốn đầu tư và quy mô sản xuất tăng thêm (quy mô sản xuất mới: 120.000.000 sản phẩm/năm), tương ứng với giá trị vốn đầu tư đăng ký tăng thêm 500.000 USD (*Năm trăm nghìn đô la Mỹ*) được Ban Quản lý các KCN và chế xuất Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh thay đổi lần thứ ba (ngày 21/11/2012): Công ty phải hạch toán độc lập và được áp dụng theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

a) Trả tiền thuê đất hàng năm kể từ ngày được UBND tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định cho Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision thuê đất tại lô 20, khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh với mức giá là 0,09 USD (*Không phải không chín*) đô la Mỹ/m²/năm và được miễn trong thời hạn 13 năm. Sau thời hạn được miễn, mức tiền thuê đất được điều chỉnh lại sau mỗi chu kỳ 5 (Năm) năm và có tỷ lệ gia tăng không vượt quá 15% (*Mười lăm phần trăm*) so với lần công bố trước;

Doanh nghiệp có nghĩa vụ trả tiền thuê mặt bằng, phí sử dụng hạ tầng kỹ thuật và phí quản lý khu công nghiệp Quang Minh cho Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh theo Hợp đồng ký kết giữa các bên.

Trong quá trình thực hiện dự án, doanh nghiệp phải chấp hành đầy đủ các quy định của Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật bảo vệ môi trường, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp,.. và các quy định khác có liên quan của UBND thành phố Hà Nội.

b) Các nhà đầu tư phải tự chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ đăng ký điều chỉnh đầu tư, hợp đồng chuyển nhượng vốn và việc hoàn tất các thủ tục của hợp đồng chuyển nhượng vốn đã ký giữa các bên theo đúng quy định của pháp luật Việt

Nam; Thực hiện đầy đủ việc kê khai và nộp thuế đầy đủ theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam;

c) Trong quá trình thực hiện dự án doanh nghiệp phải chấp hành đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

d) Doanh nghiệp phải chấp hành đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật về lao động;

e) Hàng tháng và hàng quý doanh nghiệp phải có báo cáo về tình hình đầu tư thực hiện dự án, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, chính sách đối với người lao động gửi về Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội và các cơ quan có liên quan để theo dõi và thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp.

Điều 4. Giấy chứng nhận đầu tư này thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 012023000186 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 05 tháng 02 năm 2015; Đồng thời được lập thành 02 (hai) bản gốc: 01 bản cấp cho Chủ đầu tư và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu Công nghiệp và chế xuất Hà Nội./.

TRƯỞNG BAN

Phạm Khắc Tuấn

BAN SAU

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số 2/CS...../QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Về việc : Phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Quang Minh, tỉnh Vĩnh Phúc

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Điều 18 Luật Bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;

Căn cứ Nghị định số 175/CP ngày 18 tháng 10 năm 1994 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Đơn xin thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 06 tháng 8 năm 2003 của Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Quang Minh, tỉnh Vĩnh Phúc họp ngày 21 tháng 10 năm 2003,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Quang Minh, tỉnh Vĩnh Phúc đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 21 tháng 10 năm 2003 và những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu tại Công văn số 898/TCT-ĐT ngày 09 tháng 12 năm 2003 của Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp (dưới đây gọi là Chủ dự án). Việc phê chuẩn này không bao gồm nội dung khai thác đất, cát phục vụ san lấp mặt bằng và khai thác, xử lý nước ngầm phục vụ nhu cầu cấp nước của Khu công nghiệp Quang Minh (dưới đây gọi tắt là Khu công nghiệp).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc sau đây:



1. Chỉ được tiếp nhận vào Khu công nghiệp các dự án đầu tư thuộc những ngành công nghiệp như đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp muốn thu hút các dự án thuộc những ngành công nghiệp khác với đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường vào Khu công nghiệp, Chủ dự án phải báo cáo các cơ quan hữu quan, trong đó có Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường xem xét, quyết định.

2. Thực hiện phân khu chức năng trong Khu công nghiệp như đã được phê duyệt và bố trí các cụm công nghiệp theo yếu tố đặc trưng về khả năng gây ô nhiễm môi trường, nhằm tránh những tác động tương tác theo chiều hướng bất lợi giữa các cụm công nghiệp trong Khu công nghiệp với nhau và của Khu công nghiệp đối với khu vực dân cư; Diện tích đất trồng cây xanh phải được quy hoạch hợp lý và đảm bảo đạt ít nhất 15% diện tích đất của Khu chế xuất.

3. Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn trong quá trình thi công xây dựng cơ sở hạ tầng và giai đoạn hoạt động của Khu công nghiệp, bảo đảm các Tiêu chuẩn Việt Nam về Môi trường TCVN 5945-1995, cột A và TCVN 6984:2001 ứng với $Q = 50-200 \text{ m}^3/\text{s}$, cột F3 trước khi thải vào sông Cà Lồ.

4. Trong quá trình thi công xây dựng cơ sở hạ tầng và vận hành Khu công nghiệp phải đảm bảo các Tiêu chuẩn Việt Nam về Môi trường liên quan đến chất lượng không khí: TCVN 5939-1995; 5940-1995; 6991-2001 và 6994-2001.

5. Thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp và rác thải sinh hoạt trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng và vận hành Khu công nghiệp, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường; Thu gom, vận chuyển, bảo quản và xử lý các loại chất thải nguy hại theo các quy định tại Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý chất thải nguy hại.

6. Thực hiện Chương trình giám sát môi trường như được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và lưu giữ số liệu để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra.

7. Thực hiện nghiêm túc Quy chế bảo vệ môi trường khu công nghiệp được ban hành kèm theo Quyết định số 62/2002/QĐ-BKHCNMT ngày 09 tháng 8 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ).

8. Báo cáo bằng văn bản về những thay đổi so với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý bằng văn bản của các cơ quan liên quan, trong đó có sự đồng ý của Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Định kỳ 06 tháng kể từ khi Quyết định này có hiệu lực và sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, Chủ dự án phải có báo cáo bằng văn bản gửi Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để theo dõi, kiểm tra.

Điều 5. Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc theo dõi, giám sát và kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường này; Xem xét và xác nhận Dự án đủ điều kiện được đi vào hoạt động chính thức.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp,
- UBND tỉnh Vĩnh Phúc (để chỉ đạo),
- Sở TN&MT tỉnh Vĩnh Phúc (để phối hợp),
- Lưu VT, HS, Vụ TĐ.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THỨ TRƯỞNG

CHỨNG NHẬN
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 20-10-2005
Số C.C.....quyền.....TP/CC-SCC
445...03

Phạm Khôi Nguyên



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Ngọc Bích



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh Yên, ngày 29 tháng 4 năm 2008



QUYẾT ĐỊNH

V/việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh giai đoạn 2
của Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển hạ tầng Nam Đức

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26-11-2003;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 29-11-2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09-8-2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 08/TT- BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Tài nguyên & Môi trường, hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên & Môi trường tại Tờ trình số 266/TT-HĐTD ngày 23-4-2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) - Dự án đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh giai đoạn 2 của Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển hạ tầng Nam Đức.
(Có nội dung báo cáo ĐTM chi tiết kèm theo quyết định này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh giai đoạn 2 của Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển hạ tầng Nam Đức là cơ sở để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường của đơn vị trong quá trình xây dựng và hoạt động sau này.

2. Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển hạ tầng Nam Đức chịu trách nhiệm:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã trình bày trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại điều 1.
- Tổ chức thực hiện kiểm soát ô nhiễm môi trường, số liệu kiểm soát phải được cập nhật thường xuyên, lưu trữ và định kỳ báo cáo về Sở Tài nguyên & Môi trường theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Mọi thay đổi so với nội dung đã phê duyệt tại quyết định này phải được Sở Tài nguyên & Môi trường cùng các cơ quan chức năng của tỉnh cho phép trước khi tổ chức thực hiện.

3. Giao cho Sở Tài nguyên & Môi trường, phối hợp với các Ngành liên quan tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra giám sát và đôn đốc thực hiện quyết định này. Đồng thời chịu tác nhiệm trước UBND tỉnh nếu để xảy ra tình trạng ô nhiễm và sự cố môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở: TN&MT, Xây dựng, Công nghiệp, Y tế, Khoa học & Công nghệ, Chủ tịch UBND huyện Mê Linh; Chủ tịch UBND Quang Minh; Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển hạ tầng Nam Đức, các Thành viên Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- CPCT, CPVP;
- Như điều 3;
- CV: NN1, NN2;
- Lưu VT(K- 20b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

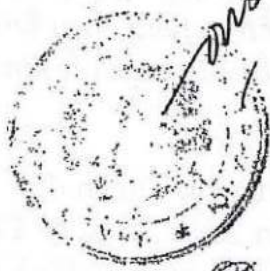
[Signature]

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 02 -06- 2009

SỐ CTS.110. QUYỀN: 02 TPX/CT - SCT

Phùng Quang Hùng



H. CHỦ TỊCH

Dương Thị Hương

土地合約 (正本)



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG NAM ĐỨC
Số 26 /HĐTD-ND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT

- Căn cứ Nghị định số 85/CP ngày 17 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất;
- Căn cứ Nghị định số 36/CP ngày 24/04/1997 của Chính phủ về ban hành Quy chế Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức số: 1902000406 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 19 tháng 08 năm 2003;
- Căn cứ Quyết định số 3742/QĐ-UB ngày 04 tháng 09 năm 2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc thành lập và phê duyệt Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức làm chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Quang Minh tỉnh Vĩnh Phúc;
- Căn cứ các văn bản pháp luật có liên quan khác của Việt Nam;
- Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai Bên;

Hôm nay, ngày 27 tháng 12 năm 2004, tại Văn phòng Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức, chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

II. CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC (gọi tắt là Bên A)

Đại diện: Ông Trần Hữu Kiêm Chức vụ: Giám đốc Công ty
Trụ sở: Khu Công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc
Số điện thoại: 84-0211 834514/84-4 562 2713 Số Fax: 84-4 562 2715
Tài khoản số: USD 111 101 37964 025 VND: 111 101 37964 017
Tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank), 15 phố Đào Duy Từ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

III. CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE (VIỆT NAM) PRECISION (gọi tắt là Bên B)

Đại diện: Ông YEH SHUI – TARN Chức vụ: Tổng Giám đốc
Trụ sở: Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc
Số điện thoại: Số Fax:

Hai Bên thoả thuận ký Hợp đồng thuê lại đất với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Vị trí, diện tích và mục đích khu đất thuê:

1.1./ Bên A đồng ý cho Bên B thuê lại 18.780 m² (Bằng chữ: mười tám nghìn bảy trăm tám mươi mét vuông) đất tại Khu công nghiệp Quang Minh, tỉnh Vĩnh Phúc để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà máy sản xuất linh, phụ kiện máy in, máy văn phòng. Diện tích đất được xác định khi bàn giao đất thực tế thể hiện trên Biên bản bàn giao.

1.2./ Vị trí khu đất Bên B thuê lại được xác định theo bản đồ phân lô sử dụng đất đính kèm, cụ thể tại lô đất L20

Điều 2:

Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê lại phải phù hợp với mục đích sử dụng quy định trong Điều 1 của Hợp đồng thuê lại đất này và nội dung của Giấy phép đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho Bên B.

Điều 3: Thời hạn thuê lại đất

Thời hạn thuê lại đất được tính từ ngày Bên A bàn giao đất đã san nền cho Bên B thể hiện trên Biên bản bàn giao đất và sẽ hết hạn vào 2053.

Điều 4: Giá tiền thuê lại đất và chi phí khác

4.1./ Giá tiền thuê lại đất đã có cơ sở hạ tầng áp dụng trong suốt thời gian thuê là: 18,6USD/ m². Tổng tiền thuê lại đất là: 18,6 USD x 18.780 m² = 349.308 USD (Bằng chữ: ba trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm linh tám đô la Mỹ chẵn). Giá tiền thuê lại đất trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Thuế VAT sẽ được áp dụng theo quy định của Chính phủ Việt Nam tại từng thời điểm thanh toán.

4.2./ Ngoài tiền thuê lại đất, Bên B còn phải trả cho Bên A các chi phí quản lý và dịch vụ Khu công nghiệp là 0.10USD/m²/năm (chưa bao gồm thuế VAT). Chi phí này sẽ được Bên B trả cho Bên A hàng năm và vào tháng đầu tiên của mỗi năm và bắt đầu từ ngày 01/01/2005.

4.3./ Bên B nộp tiền thuê đất thô cho tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của tỉnh Vĩnh Phúc với giá là: 0.09 USD /m²/năm. Tiền thuê đất này Bên B được miễn trong 13 năm đầu tiên.

Điều 5: Đặt cọc và phương thức thanh toán:

5.1./ Để đảm bảo cho việc ký và thực hiện Hợp đồng thuê lại đất này, Bên B đã đặt cọc cho Bên A số tiền cụ thể là 71.250 USD (Bằng chữ: bảy mươi một nghìn hai trăm năm mươi nghìn đô la Mỹ). Số tiền này sẽ được khấu trừ vào tiền thuê lại đất.

- 5.2./ Tiền thuê lại đất bắt đầu được tính từ ngày Bên A bàn giao đất đã san nền cho Bên B thể hiện trên Biên bản bàn giao đất.
- 5.3./ Ngày 30/11/2004, Bên B đã thanh toán tiếp cho Bên A số tiền thuê lại đất, cụ thể là: **69.860 USD** (*Bằng chữ: sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi đô la Mỹ*).
- 5.4./ Bên A sẽ bàn giao lô đất cho Bên B vào ngày 27/12/2004, cùng ngày bàn giao lô đất Bên B sẽ thanh toán tiếp cho Bên A 20% tổng số tiền thuê lại đất, cụ thể là: **69.861,6 USD** (*Bằng chữ: sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi một đô la Mỹ và sáu mươi xen*).
- 5.5./ Ngày 31/01/2005, Bên B thanh toán tiếp cho Bên A số tiền thuê lại đất, cụ thể là: **69.861,6 USD** (*Bằng chữ: sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi một đô la Mỹ và sáu mươi xen*).
- 5.6./ Bên B sẽ thanh toán tiếp cho Bên A số tiền còn lại của tổng số tiền thuê lại đất, cụ thể là: **68.474,8 USD** (*Bằng chữ: Sáu mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi tư đô la Mỹ và tám mươi xen*) tại thời điểm Bên A bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ) cho Bên B.
- 5.7./ Bên A có trách nhiệm làm các thủ tục pháp lý xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ) cho Bên B. Bên B chỉ được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ) sau khi đã thanh toán đủ 100% tổng số tiền thuê lại đất cho Bên A.
- 5.8./ Nếu Bên B không thực hiện đúng theo khoản 5.4; 5.5; 5.6 của điều này thì Bên B phải chịu lãi suất là 1,5% một tháng tính trên toàn bộ số tiền chậm thanh toán. Thời gian chậm thanh toán tối đa là 02 (hai) tháng. Nếu quá thời hạn này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, thì Bên A có quyền thu hồi lại lô đất đã cho Bên B thuê và Bên B coi như từ bỏ hết quyền lợi của mình kể cả những số tiền đã nộp cho Bên A.
- 5.9./ Địa điểm nộp tiền thuê lại đất:
- Tại Văn phòng đại diện Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức tại Hà Nội: Phòng 406 Toà nhà Thăng Long, 105 Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
 - Hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Bên A tại: Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam(Techcombank), 15 Phố Đào Duy Từ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Số tài khoản: USD: 111 101 37964 025 VND: 111 101 37964 017

Điều 6: Quyền lợi và trách nhiệm của Bên A:

- 6.1./ Yêu cầu Bên B thực hiện đúng và đủ nội dung của bản Hợp đồng thuê lại đất này.
- 6.2/ Bàn giao đất đã san nền cho Bên B theo đúng thoả thuận tại Hợp đồng thuê lại đất này.
- 6.3/ Bên A có trách nhiệm cấp điện và điểm đấu đến tường rào khu đất thuê của Bên B. Bên B thanh toán tiền điện với đơn vị quản lý ngành điện mà Bên B trực tiếp ký Hợp đồng cung ứng sử dụng điện.
- 6.4/ Bên A cấp nước kèm đồng hồ và điểm đấu đến tường rào khu đất mà Bên B thuê lại của Bên A. Giá sử dụng nước tại thời điểm hiện tại là: 3.000 đồng/m³ (chưa bao gồm thuế VAT) và Bên B sẽ thanh toán phí sử dụng nước hàng tháng cho Bên A hoặc đơn vị cung cấp nước sạch mà bên B trực tiếp ký Hợp đồng sử dụng nước. Khối lượng nước sạch Bên B sử dụng hàng tháng được tính theo đồng hồ đo nước.
- 6.5/ Xử lý nước thải: Toàn bộ nước thải của Bên B phải xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn mức nước C trước khi xả ra hệ thống đường nước thải chung của Khu công nghiệp. Bên A tiếp tục xử lý nước thải đạt mức tiêu chuẩn theo quy định trước khi xả ra ngoài Khu công nghiệp. Bên B phải thanh toán tiền xử lý nước thải tại thời điểm hiện tại cho Bên A hàng tháng là 3.000 đồng/m³ (chưa bao gồm thuế VAT). Khối lượng nước thải tính bằng 80% khối lượng nước sạch Bên B sử dụng hàng tháng.
- 6.6/ Giao thông: Bên A có trách nhiệm hoàn thiện hệ thống giao thông trong Khu công nghiệp Quang Minh. Các trục đường chính, đường nhánh và hệ thống đèn chiếu sáng sẽ được lắp đặt theo đúng thiết kế đã được phê duyệt của Khu công nghiệp Quang Minh. Bên A có trách nhiệm duy tu đường xá nhằm đảm bảo chúng được sử dụng bình thường cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- 6.7/ Thoát nước: Bên A có trách nhiệm xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải để đảm bảo rằng không ngập úng, lụt trong Khu công nghiệp Quang Minh, không gây độc hại, ô nhiễm môi trường.
- 6.8/ Bên A có trách nhiệm nộp hồ sơ xin cấp Giấy phép đầu tư cho Bên B ngay sau khi Bên B cung cấp đầy đủ tài liệu cho Bên A. Bên A sẽ lấy Giấy phép đầu tư cho Bên B trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ xin cấp Giấy phép đầu tư lên cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Vĩnh Phúc.
- 6.9/ Bên A cam kết thực hiện nghiêm chỉnh nội dung của bản Hợp đồng này.

Điều 7: Quyền lợi và nghĩa vụ của Bên B

- 7.1./ Yêu cầu Bên A bàn giao đất đã san nền đúng tiến độ và đảm bảo các hạng mục cơ sở hạ tầng hoàn thiện theo đúng Hợp đồng này.
- 7.2./ Thanh toán cho Bên A hoặc các Bên khác đầy đủ các khoản tiền đã thỏa thuận theo đúng Hợp đồng như: tiền thuê lại đất, phí quản lý, tiền điện, nước, phí xử lý nước thải...
- 7.3./ Bên B có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích, tuân thủ đúng theo nội dung của Giấy phép đầu tư, những quy định của Khu công nghiệp và địa phương về an ninh trật tự, môi trường, phòng cháy chữa cháy và không được làm tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất xung quanh.
- 7.4./ Thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

Điều 8: Các cam kết khác:

- 8.1. Trong trường hợp Bên B bị chia tách, sáp nhập hoặc chuyển nhượng tài sản, hợp đồng cho tổ chức cá nhân khác tạo nên pháp nhân mới thì chủ đầu tư mới phải làm lại thủ tục thuê đất trên cơ sở thừa kế mọi quyền lợi, nghĩa vụ của Bên B tại Hợp đồng thuê lại đất này.
- 8.2. Hợp đồng thuê lại đất hết hiệu lực thực hiện trong các trường hợp sau đây:
- a./ Hết thời hạn thuê lại đất theo qui định theo điều 3 của Hợp đồng này.
 - b./ Bên B bị giải thể trước thời hạn hoặc bị phá sản.
 - c./ Theo thỏa thuận của các Bên.
- 8.3. Những nội dung không được ghi trong Hợp đồng này sẽ được thực thi theo qui định hiện hành của Pháp luật.

Điều 9: Tranh chấp

Hai Bên A và B cam kết thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có phát sinh tranh chấp hai Bên A và B sẽ cùng nhau hoà giải và giải quyết trên tinh thần cùng hợp tác và hai Bên cùng có lợi. Trường hợp, hoà giải không thành thì quyết định của Trung tâm trọng tài quốc tế sẽ là quyết định cuối cùng hai Bên phải tuân theo. Chi phí giải quyết vụ kiện sẽ do Bên thua kiện chịu.

Hợp đồng thuê lại đất này được lập thành 07 (bảy) bản bằng tiếng Việt và tiếng Trung, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản, các bản còn lại gửi các cơ quan chức năng liên quan.

Hợp đồng thuê lại đất này có hiệu lực kể từ ngày ký.

BÊN B



YEH SHUI - TARN.

BÊN A



TRẦN HỮU KIỂM

CHỨNG NHẬN CỦA BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V- Sơ đồ thửa đất

ỦY BAN NHÂN DÂN

Tỉnh Vĩnh Phúc

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Công ty TNHH FIT ACTIVE Việt Nam PRECISION

Giấy phép đầu tư số: 70/GP-VP

Do ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 06-01-2005

Địa chỉ: Lô số 20 - Khu CN Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: Lô số 20
2. Tờ bản đồ số: KCN Quang Minh
3. Địa chỉ thửa đất: Lô số 20 - Khu CN Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Tỉnh Vĩnh Phúc.
4. Diện tích: 18780 m²
Bằng chữ: Mười tám ngàn bảy trăm tám mươi mét vuông.
5. Hình thức sử dụng:
 - + Sử dụng riêng: 18780 m²
 - + Sử dụng chung: Không m²
6. Mục đích sử dụng đất: Đất khu công nghiệp.
7. Thời hạn sử dụng: Đến ngày 20 tháng 03 năm 2052.
8. Nguồn gốc sử dụng đất: Thuê đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.

III- Tài sản gắn liền với đất

Bao gồm: Nhà điều hành, nhà xưởng sản xuất, nhà ăn, bãi đỗ xe,
Hệ thống đường giao thông nội bộ và các công trình phụ trợ khác.

IV- Ghi chú

Tỷ lệ:

Ngày 23.. tháng ...5.. năm 2006

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)



P. CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hòa



Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T000-72/02-SPD/1123/07-VB

Ngày 23 tháng 5 năm 2006

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
3428 17.9.10	Đăng ký thế chấp bằng QSD đất và Tài sản gắn liền với đất với Ngân hàng Thương mại TAIPEI FUBON - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất được Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội xác nhận ngày 10/9/2010	 GIÁM ĐỐC Nguyễn Trung Nhung
22.02.2016	Xóa đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo thông báo giải chấp ngày 17/02/2016 của Ngân hàng thương mại TAIPEI FUBON - Chi nhánh Hà Nội.	 PHÓ GIÁM ĐỐC Lê Thị Thu Hương

< Có trang hồ sơ kèm theo >

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý:

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số AB 933604

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT



Thửa đất: Lô số 20; Tờ bản đồ: KCN Quang Minh;

Số phát hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: AB 933604; 補充地上建物認

Số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: T00072/QSĐĐ/1123/QĐ-UB

VI- Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Những thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
11/04/2016	Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu đối với công trình: Nhà máy Fit Active (Việt Nam), gồm các hạng mục công trình: Nhà điều hành (diện tích xây dựng 360 m², quy mô 03 tầng); Nhà xưởng số 01 (diện tích xây dựng 2.743,5 m², quy mô 01 tầng); Nhà xưởng số 02 (diện tích xây dựng 3.398,4 m², quy mô 01 tầng); Nhà xưởng số 03 (diện tích xây dựng 1.387 m², quy mô 02 tầng); Nhà ăn (diện tích xây dựng 294,06 m², quy mô 02 tầng); Khu xử lý nước thải (diện tích xây dựng 393 m², quy mô 01 tầng); Kho (diện tích xây dựng 118,25 m², quy mô 01 tầng); Trạm điện (diện tích xây dựng 70,8 m², quy mô 01 tầng); Nhà bảo vệ (diện tích xây dựng 20 m², quy mô 01 tầng). Hình thức sở hữu: sở hữu riêng. Cấp công trình: -/-. Thời hạn sở hữu: đến ngày 20/3/2052./.	PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Hòa Nghĩa





ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 3413/QĐ-UBND

VS 環評報告 批文 1/2
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án: Đầu tư nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại tại Khu công nghiệp
Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội
Chủ đầu tư: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại tại Khu công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của Hội đồng thẩm định;

Xét nội dung đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 1992/TTr-TNMT-CCMT ngày 25/6/2009 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Đầu tư nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại" tại Khu công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: Đầu tư nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại của Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision (Chủ Dự án).

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

2.1. Chủ Dự án phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường trong suốt quá trình đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động của Dự án, đặc biệt lưu ý các vấn đề sau đây:

- Quá trình thi công xây dựng và phá dỡ các công trình phải thực hiện đúng quy định về đảm bảo trật tự an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại Thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 55/2009/QĐ-UBND ngày 17/3/2009 và các biện pháp giảm bụi theo quy định tại Quyết định số 02/2005/QĐ-UB ngày 10/01/2005 của UBND Thành phố Hà Nội (cũ).

- Tiếng ồn và rung động trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đạt tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định về quản lý rác thải của Thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số 3093/QĐ-UB ngày 21/09/1996 của UBND Thành phố Hà Nội (cũ);



- Nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng của Dự án đều phải được thu gom và xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 14: 2008/BTNMT trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung trong khu vực thực hiện Dự án.

2.2. Chủ Dự án phải thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động đến đời sống của nhân dân trong quá trình triển khai, thực hiện Dự án;

2.3. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, Chủ Dự án phải gửi văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, để tiến hành kiểm tra, giám sát các chỉ tiêu về môi trường. Dự án chỉ được phép đi vào hoạt động chính thức khi các chỉ tiêu nêu trên đạt TCMT VN hiện hành;

2.4. Chủ Dự án phải thực hiện chương trình giám sát môi trường hàng năm đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Quá trình lấy mẫu quan trắc chất lượng môi trường phải có sự giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường, kết quả giám sát môi trường định kỳ phải gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra và giám sát;

2.5. Chủ dự án phải đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ Môi trường và Nghị định 81/2006/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bảo vệ Môi trường;

2.6. Chủ dự án phải đảm bảo nguồn kinh phí cho công trình xử lý môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

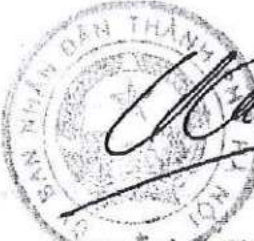
Điều 5. Ủy nhiệm Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận vào trang phụ bìa của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM và các yêu cầu nêu tại điều Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Mê Linh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan và Chủ dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Chủ tịch UBND TP (để báo cáo)
- PCT Vũ Hồng Khanh
- VP: CVP, PVP Phạm Chí Công;
- TH, TNMT (c, b);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Vũ Hồng Khanh

CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

HÀNG NAM ĐỨC

Số: 41/BB-ND



Hà nội, ngày 15 tháng 7 năm 2011

BIÊN BẢN THỎA THUẬN ĐẦU NỐI

"Vlv: thoát nước mặt, nước thải KCN Quang Minh 1"

- Căn cứ luật Bảo vệ môi trường, ngày 29 tháng 11 năm 2005
- Căn cứ vào Điều 44, Chương V, Nghị định số 88/2007/NĐ - CP ngày 28/05/2007 của Chính Phủ và thoát nước đô thị và Khu công nghiệp
- Căn cứ vào nhu cầu xả nước thải của Công ty T.N.H.H. FIT ACTIVE

(VIỆT NAM) PRECISION

Hôm nay, vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 7 năm 2011. Tại văn phòng Công ty TNHH Đầu tư và PTHT Nam Đức, chúng tôi gồm có:

I. Đại diện bên A: Công ty TNHH đầu tư và PTHT Nam Đức

Ông/Bà: Nguyễn Khắc Sơn

Chức vụ: P.Giám đốc

Ông/Bà: La Quang Hiệp

Chức vụ: CB giám sát Đ.T. 03 120 9 40 1

II. Đại diện bên B: Công ty T.N.H.H. FIT ACTIVE (VIỆT NAM) PRECISION

Ông/Bà: LIN TO

Chức vụ: Chủ tịch Giám đốc

Ông/Bà: NGUYỄN VĂN HUÂN

Chức vụ: Chủ nhiệm kỹ thuật

Nội dung biên bản:

Cùng nhau xác nhận biên bản thỏa thuận đầu nối hệ thống thoát nước mặt, nước thải của Công ty T.N.H.H. FIT ACTIVE (VIỆT NAM) PRECISION

Vào hệ thống thoát nước mặt, nước thải chung của KCN Quang Minh, cụ thể như sau:

- Vị trí đầu nối thoát nước mặt:

+ Điểm 1: Chạy bao quanh khu đất chờ P.T.S.X. vùng SX 3 vùng SX 1

+ Điểm 2: Vùng SX 2. Thả hệ thống khép kín đi về Rãnh T.N.M. D ÷ E

- Vị trí đầu nối thoát nước thải:

+ Điểm 1: Từ hệ xử lý nước thải ở vùng SX 3 đi giúp hạ lưu

+ Điểm 2: Về phía giáp công ty Đ.T. này liên phòng từ nhà ăn đến

Yêu cầu kỹ thuật: nối vào Rãnh Đai tại hồ sơ T.N.T. D ÷ E của Khu



1. thoát nước mặt

Yêu cầu của bên B trước khi đấu vào hệ thống chung của KCN phải có hố ga và trước cửa xả phải có lưới chắn rác, mắt lưới 5cm và không được lẫn nước thải. Sau khi đấu nối xong bên B phải hoàn trả lại mặt bằng hiện trạng đúng theo yêu cầu kỹ thuật ban đầu.

2. Thoát nước thải

Khi thi công bên B phải có hố ga và trước khi đấu phải có lưới chắn rác, mắt lưới 3cm. Cấp độ xả đăng ký $\leq$, khối lượng = 80% chỉ số nước đấu vào và không được lẫn nước mặt. Cống đi qua đường phải là cống trọng tải C, khi lắp đặt chú ý bảo vệ các cơ sở kỹ thuật khác có trên lề đường.

3. Cốt cao độ tại cửa xả

- Cốt dòng chảy thoát nước mặt

+ Điểm 1: 7.40 Met

+ Điểm 2: 7.40 Met

- Cốt dòng chảy thoát nước thải

+ Điểm 1: 7.35 Met

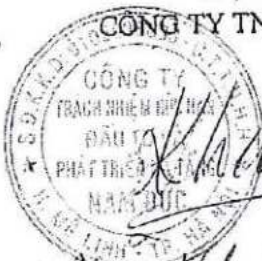
+ Điểm 2:

4. Bên B cam kết vị trí xả, số lượng cửa xả đúng theo Biên bản này đã ghi nhận. Nếu còn có cửa xả hoặc lối thoát nước thải khác trong phạm vi doanh nghiệp thì bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Biên bản kết thúc vào hồi 40 giờ 30 phút, cùng ngày. Biên bản này được lập thành 03 bản được đọc lại cho các bên cùng tham gia nghe, các bên không có gì thêm, bớt và cùng ký vào biên bản, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản gửi báo cáo BQL các KCN và CX Hà Nội.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY TNHH ĐT & PHÁT NAM ĐỨC



Ng Khắc Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B



CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LIN TO





UBND TỈNH VINH PHÚC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 22/TNMT - MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh Yên, ngày 25 tháng 11 năm 2005

PHIẾU XÁC NHẬN

BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

Dự án đầu tư Nhà xưởng sản xuất thuộc Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision tại Lô số 20 - Khu công nghiệp Quang Minh - huyện Mê Linh

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VINH PHÚC XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision đã trình nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Dự án đầu tư Nhà xưởng sản xuất tại Lô số 20 - Khu công nghiệp Quang Minh - huyện Mê Linh - tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 11 năm 2005.

Điều 2. Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

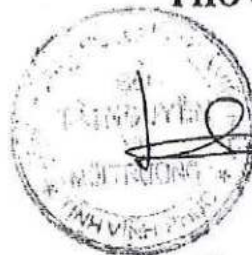
Điều 3. Nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của đơn vị.

Điều 4. Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision phải có báo cáo bằng văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Phúc để kiểm tra.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Lưu VP, MT. *K*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Chu Quốc Hải

KHOA ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
HÀ TANG NAM ĐỨC
Số 41/BĐ - ND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2013



BIÊN BẢN THỎA THUẬN ĐẦU NỐI

V/v: thoát nước mặt, nước thải KCN Quang Minh

(Bổ sung biên bản số 41 ngày 05-07-2011)

- Căn cứ luật Bảo vệ môi trường, ngày 29 tháng 11 năm 2005

- Căn cứ vào Điều 44, Chương V, Nghị định số 88/2007/NĐ - (P ngày

8/05/2007 của Chính Phủ và thoát nước đô thị và Khu công nghiệp

- Căn cứ vào nhu cầu xả nước thải của Công ty TNHH FIT ACTIVE

(Việt Nam) PRECISION

Hôm nay, vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 06 tháng 4 năm 2013. Tại văn phòng Công ty TNHH Đầu tư và PTHT Nam Đức, chúng tôi gồm có:

I. Đại diện bên A: Công ty TNHH đầu tư và PTHT Nam Đức

Ông/Bà: Nguyễn Khắc Sơn

Chức vụ: Giám đốc

Ông/Bà: La Quang Hiệp

Chức vụ: CB giám sát ĐTO3 1209401

II. Đại diện bên B: Công ty TNHH FIT ACTIVE

Ông/Bà: Yeh Chuan

Chức vụ: Tổng giám đốc

Ông/Bà: Dương Bình Văn

Chức vụ: Phó giám đốc hành chính

Nội dung biên bản:

Cùng nhau xác nhận biên bản thỏa thuận đầu nối hệ thống thoát nước mặt, nước thải của Công ty TNHH FIT ACTIVE (VIỆT NAM) PRECISION

Vào hệ thống thoát nước mặt, nước thải chung của KCN Quang Minh, cụ thể như sau:

Vị trí đầu nối thoát nước mặt:

+ Điểm 1: (Như bản vẽ ngày 05-07-2011)

+ Điểm 2:

Vị trí đầu nối thoát nước thải: (phần xây dựng vào đợt đầu)

+ Điểm 1: Từ xuyến số 3 (phần xây dựng) chảy qua

+ Điểm 2: hệ xử lý nước thải Ma đi riêng một đường độc lập

Yêu cầu kỹ thuật: Rõ vào hồ ga lọc thô nhà máy chảy ra hồ ga chung KCN để vào nhà máy xử lý nước thải.

1. Thoát nước mặt

Yêu cầu của bên B trước khi đầu vào hệ thống chung của KCN phải có hồ ga và cửa xả phải có lưới chắn rác, mắt lưới 5cm và không được lẫn nước thải. Sau khi đầu vào xong bên B phải hoàn trả lại mặt bằng hiện trạng đúng theo yêu cầu kỹ thuật ban đầu.

2. Thoát nước thải

Khi thi công bên B phải có hồ ga và trước khi đầu phải có lưới chắn rác, mắt lưới 5cm. Cấp độ xả đăng ký C, khối lượng = 80% chỉ số nước đầu vào và không được lẫn nước mặt. Công đi qua đường phải là cống trọng tải C, khi lắp đặt chú ý bảo vệ các cơ sở hạ tầng khác có trên lộ đường.

3. Cốt cao độ tại cửa xả

Cốt dòng chảy thoát nước mặt

+ Điểm 1: 7.40 mét

+ Điểm 2:

Cốt dòng chảy thoát nước thải

+ Điểm 1: 7.35 mét

+ Điểm 2:

Bên B cam kết vị trí xả, số lượng cửa xả đúng theo Biên bản này đã ghi nhận. Nếu còn cửa xả hoặc lối thoát nước thải khác trong phạm vi doanh nghiệp thì bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Biên bản kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút, cùng ngày. Biên bản này được lập thành 03 bản được đọc lại cho các bên cùng tham gia nghe, các bên không có gì thêm bởi và cùng ký vào biên bản, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản gửi báo cáo BQL các KCN và GVH Hà Nội.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY TNHH ĐT & PHTT NAM ĐỨC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khắc Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC

YEH SHUI-TARN

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



3 /STNMT-CCMT

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2015

GIẤY XÁC NHẬN

Việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ
giai đoạn vận hành Dự án “Đầu tư xây dựng nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim
loại” của Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision

Địa chỉ: Lô 20, Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

张明磊

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của UBND Thành phố Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3413/QĐ-STNMT ngày 09/7/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại” của Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision;

Căn cứ kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Đầu tư xây dựng nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại” thực hiện vào ngày 01 tháng 12 năm 2014;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 700 /TTr-CCMT ngày 17 tháng 8 năm 2015 về việc xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Đầu tư xây dựng nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại”

XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision (sau đây gọi là Công ty) đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Đầu tư xây dựng nhà xưởng xử lý và tráng phủ kim loại” như sau:

- Công ty đã xây dựng hệ thống thu gom nước mưa xung quanh nhà xưởng sản xuất, văn phòng, khuôn viên và lối đi tách biệt với hệ thống thu gom nước thải và đấu nối với hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp Quang Minh.

- Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung để xử lý nước thải sản xuất, bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt, bể bể để xử lý nước thải từ nhà bếp. Toàn bộ nước thải sản xuất sau khi xử lý và nước thải sinh hoạt của Công ty được đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp và được tiếp tục xử lý tại nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Công ty đã đầu tư lắp đặt 06 hệ thống xử lý khí thải hơi axit, hơi kiềm hoạt động theo cơ chế luân phiên. Lắp đặt buồng phun sơn và buồng tách bụi đồng bộ để xử lý bụi và hơi dung môi sơn phát sinh.

- Chất thải nguy hại đã được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại. Công ty đã được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 01.001339.T, cấp lần 2 ngày 04/4/2014 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

- Chất thải rắn thông thường được thu gom và xử lý theo đúng Quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn TP. Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND TP. Hà Nội.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ theo đúng yêu cầu nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Trang bị các phương tiện an toàn lao động, bảo hộ lao động cho công nhân.

- Lắp đặt biển báo, nội quy vận hành thiết bị, an toàn thiết bị và con người.

- Các biện pháp phòng chống cháy nổ và sự cố môi trường.

Điều 2. Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision và đơn vị tiếp nhận chuyển giao quản lý vận hành Dự án phải có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây :

1. Tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đã nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này, đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của pháp luật hiện hành.

2. Vận hành các công trình xử lý chất thải đã được nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này theo đúng thiết kế, đảm bảo các quy trình, quy phạm kỹ thuật.

3. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo nước thải sản xuất sau xử lý đạt Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột B), từ ngày 01/01/2017, phải tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B); khí thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) từ ngày 01/01/2017, Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội QCTĐHN 01:2014/BTNMT.

4. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành Dự án và

234842-
CÔNG TY
NHẬN HỮU
FIT ACTIVE
VIỆT NAM
PRECISION
NH-TPH

báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- PGĐ Sở Phạm Văn Khánh;
- Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision (để t.hiện);
- Lưu: VT, CCMT(2);

MSHS: 33072.CCMT

TUQ. UBND THÀNH PHỐ

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Khánh



毒害废弃物登记表 - 2014

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2014

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 01.001339.T
(Cấp lần: 2)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên: Công ty TNHH Fit Active (Việt Nam) Precision
Địa chỉ văn phòng: Lô 20, khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 043 8182223 Fax: 043 8182225
Tài khoản số: 23110007226 Tại: Ngân hàng Fubon Hà Nội
Giấy chứng nhận đầu tư số: 012023000186
Chứng nhận lần đầu ngày 15/11/2007 Chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 09/5/2013
Nơi cấp: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách chất thải nguy hại và chất thải thông thường theo phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm qui định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Các trách nhiệm khác:
 - Đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại khi có thay đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

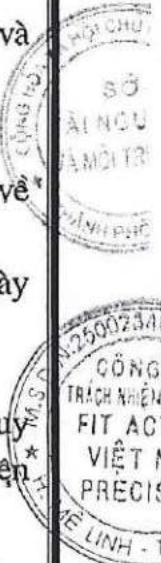
Nơi nhận:

- Như phần I;
- Lưu: CCMT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Khánh



PHỤ LỤC

(kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 01.001339.T
do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp lần 2, ngày 04 tháng 4 năm 2014)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

Tên: Xưởng sản xuất - Công ty TNHH Fit Active (Việt Nam) Precision

Địa chỉ: Lô 20, khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 043 8182223

Fax: 043 8182225

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/ Lỏng/Bùn)	Số lượng TB (kg/năm)	Mã CTNH
1	Son, cặn son thải chứa dung môi hữu cơ	Rắn	500	08 01 01
2	Hộp mực in thải	Rắn	10	08 02 04
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	24	16 01 06
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	30	19 06 01
5	Bao bì mềm thải	Rắn	200	18 01 01
6	Bao bì cứng bằng kim loại thải	Rắn	2.400	18 01 02
7	Bao bì cứng bằng nhựa thải	Rắn	2.000	18 01 03
8	Vật liệu lọc; giẻ lau, găng tay dính dầu, dính mực	Rắn	8.000	18 02 01
9	Bùn thải	Bùn	5.000	07 01 05
10	Phế liệu kim loại nhiễm dầu	Rắn	500	11 04 01
11	Dầu thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	1.000	07 03 05
12	Huỳnh phù nước thải lẫn sơn có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại	Lỏng	16.000	08 01 04
	Tổng số lượng		35.664	

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt, văn phòng, sản xuất thông thường (giấy, bìa, gỗ, nhựa, sắt, thép..)	Rắn	35.000
	Tổng số lượng		35.000

4. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký tự xử lý CTNH tại cơ sở: không có.**5. Bộ hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:**

Bộ Hồ sơ đăng ký được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.

Bản trả doanh nghiệp

南德废水处理合同 2018/12/5 ~ 2022/12/5



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 79 /2018/HĐ-XLNT

Được ký giữa:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
KCN Quang Minh – Huyện Mê Linh, TP Hà Nội
(Bên cung cấp dịch vụ)

Và:

CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION
(Bên sử dụng dịch vụ)

- Hà Nội, Tháng 12/2018 -

HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Số:/2018/HĐ-XLNT

*** Căn cứ vào:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/06/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Quyết định số 187- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

2/QĐ-UBND ngày 22/4/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành Điều lệ Khu công nghiệp Quang Minh;

- Căn cứ Quyết định số 3742/2004/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc thành lập, phê duyệt dự án và giao Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Yêu cầu đầu nối, cung cấp dịch vụ XLNT của Bên sử dụng dịch vụ và khả năng của Bên cung cấp dịch vụ:

Hôm nay, ngày 15/12/2018, tại Văn phòng Công ty TNHH đầu tư và PTHT Nam Đức, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I/. CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC:

Địa chỉ: KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 35860478

Mã số thuế: 2500222438

Số tài khoản VNĐ: 031 0101 0834036

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa.

Đại diện: Ông Nguyễn Khắc Sơn

- Chức vụ: Giám đốc

(Sau đây được gọi tắt là Bên A)

II/. CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION

Địa chỉ: Lô 20, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 3818 2223

Mã số thuế: 2500234842

Số tài khoản: 23110007226

Tại Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Hồ Chí Minh

Đại diện: Ông HUANG PO-PANG

- Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Sau đây được gọi tắt là Bên B)

*** Do vì:**

- Bên A là Chủ đầu tư KCN được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam với đầy đủ năng lực trong lĩnh vực xử lý nước thải, sẵn sàng cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải và các dịch vụ liên quan theo yêu cầu của Bên B.

- Bên B là doanh nghiệp hoạt động trong KCN Quang Minh có mong muốn được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải.

- Các Bên đều hiểu rõ các quy định của pháp luật và UBND thành phố Hà Nội về công tác Bảo vệ môi trường tại KCN Quang Minh và cam kết chấp hành, thực hiện.

Sau khi thoả thuận, Bên A và Bên B thống nhất ký, thực hiện Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải (XLNT) tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với các điều khoản và điều kiện cụ thể dưới đây:

ĐIỀU 1. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG:

1.1 Đối tượng của Hợp đồng: Bên A nhận cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải do Bên B xả vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Quang Minh, đảm bảo xả thải vào nguồn nước tiếp nhận với chất lượng nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép.

1.2 Phạm vi thực hiện: Hoạt động cung cấp dịch vụ XLNT và xả nước thải của các bên được giới hạn trong KCN Quang Minh thuộc huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

ĐIỀU 2. ĐIỂM ĐẦU NÓI NƯỚC THẢI:

2.1 Điểm đầu nối nước thải từ hệ thống thu gom XLNT của Bên B vào hệ thống thu gom, XLNT của KCN là vị trí hố ga (do Bên A chỉ định) mà tại đó đường ống thoát nước thải của Bên B được nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

2.2 Điểm đầu nối do Bên A chỉ định theo thiết kế kỹ thuật của hệ thống để đảm bảo sự an toàn và vận hành của hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

ĐIỀU 3. KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CỦA BÊN B XẢ VÀO HỆ THỐNG THU GOM, XLNT CỦA BÊN A:

3.1 Khối lượng nước thải: Khối lượng nước thải thu phí được tính bằng 80% khối lượng nước cấp mà Bên B sử dụng cho mục đích sinh hoạt và sản xuất.

- Trường hợp Bên B chỉ có nước thải sinh hoạt và dùng nước sạch tập trung thì lượng nước thải tính phí bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ. Trường hợp không dùng nước sạch tập trung thì Bên B phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải.

3.2 Chất lượng nước thải: Nước thải của Bên B chỉ được xả vào nguồn tiếp nhận của KCN Quang Minh khi Bên B đã tự xử lý sơ bộ/cục bộ đạt tiêu chuẩn cho phép tối thiểu đạt giá trị quy định tại Phụ lục I kèm theo Hợp đồng này.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B:

4.1 Được sử dụng dịch vụ thu gom, XLNT của Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.

4.2. Thanh toán kịp thời, đầy đủ các chi phí sử dụng dịch vụ theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này;

4.3. Chịu trách nhiệm lấy mẫu nước thải và chi phí kiểm định khi cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành; tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nước thải và cung cấp dịch vụ XLNT.

4.4. Thông báo cho Bên A bằng văn bản trong các trường hợp: thay đổi chất lượng nước thải, thay đổi công nghệ sản xuất, tăng công suất nhà máy,...

4.5. Cung cấp cho Bên A sơ đồ hệ thống thoát nước (gồm cả nước mưa và nước thải) trong nội bộ nhà máy của Bên B để Bên A kiểm tra giám sát; xây dựng tách biệt giữa hệ thống thoát nước mưa với nước thải và không được để Bên thứ 3 đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Bên B.

4.6. Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của KCN Quang Minh về công tác bảo vệ môi trường, việc đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải chung, sử dụng hạ tầng KCN và các quy định khác có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ XLNT.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A:

5.1 Kinh doanh dịch vụ thu gom và XLNT theo quy định của pháp luật.

5.2 Bảo đảm khả năng đáp ứng nhu cầu XLNT của Bên B, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng dịch vụ XLNT cho Bên B;

5.3 Đảm bảo chất lượng dịch vụ XLNT theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án KCN Quang Minh I.

5.4 Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của KCN về công tác Bảo vệ môi trường, về việc quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thu gom nước thải.

5.5 Yêu cầu Bên B thanh toán Phí xử lý nước thải và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về xử lý nước thải tại KCN Quang Minh I.

5.6 Khi nghi ngờ Bên B xả nước thải vượt quá quy chuẩn cho phép, Bên A có quyền lấy mẫu nước thải của Bên B tại bất kỳ thời điểm nào để xác định tính chính xác chất lượng nước thải của Bên B. Việc lấy mẫu nước thải được lập thành biên bản và kết quả được lấy làm cơ sở tính phí XLNT trong kỳ theo nội dung quy định trong Hợp đồng này.

5.7 Bên A có quyền kiểm tra giám sát hoạt động xả nước thải của Bên B vào hệ thống thu gom của KCN và yêu cầu Bên B xả nước thải đảm bảo chất lượng theo Hợp đồng XLNT đã ký.

ĐIỀU 6. PHÍ DỊCH VỤ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

6.1 Phí dịch vụ:

- Khối lượng nước thải để tính phí xác định theo khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng này.

- Trường hợp Bên B không sử dụng nước sạch do Nhà máy nước sạch Quang Minh cung cấp thì Bên B phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải của Bên B. Khối lượng nước thải thu phí tính theo đồng hồ đo nước thải.

- Bên B sẽ thanh toán cho Bên A phí dịch vụ hàng tháng được tính như sau:

Phí dịch vụ = Đơn giá x Khối lượng nước thải do Bên A xử lý hàng tháng.

* Đơn giá dịch vụ XLNT: **12.000VNĐ/m³**

+ Giá trên áp dụng đối với nước thải có giá trị thông số và nồng độ các chất ô nhiễm nhỏ hơn hoặc bằng giá trị quy định tại Phụ lục I kèm theo Hợp đồng này.

+ Giá trên chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng (thuế VAT).

- Đơn giá XLNT có thể được điều chỉnh căn cứ sự biến động giá cả thị trường (điện nước, hoá chất, tiền lương, chính sách tiền tệ của Nhà nước...) với mỗi lần điều chỉnh không quá 15% theo giá kỳ trước liền kề. Khi điều chỉnh đơn giá bên A sẽ thông báo trước cho bên B trong thời hạn 15 ngày. Thời gian điều chỉnh đơn giá tối thiểu là 1 năm và tối đa 2 năm.

- Cơ sở để xác định chất lượng nước thải áp dụng cho việc tính giá là Phiếu kết quả phân tích nước thải mới nhất của Bên B, bao gồm đủ các chỉ tiêu theo Phụ lục I của Hợp đồng (Bản sao Phiếu kết quả phân tích nước thải là Phụ lục II đính kèm hợp đồng này).

6.2 Phương thức thanh toán

(i) Bên B có trách nhiệm thanh toán phí dịch vụ cho Bên A trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn hàng tháng của Bên A (hoá đơn này được coi là thông báo thanh toán lần thứ nhất) vào tài khoản được chỉ định bởi Bên A hoặc tiền mặt tại Văn phòng của Bên A.

Nếu quá thời hạn năm (05) ngày nêu trên mà Bên B vẫn chưa thanh toán phí dịch vụ cho Bên A, Bên B có trách nhiệm thanh toán trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo lần 2 của Bên A;

(ii) Quá thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được giấy thông báo lần 2 của Bên A mà Bên B vẫn chưa thanh toán thì Bên A sẽ tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT và có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước tạm ngừng cung cấp nước sạch cho đến khi Bên B thanh toán đầy đủ phí sử dụng dịch vụ XLNT theo giấy báo;

(iii) Kể từ ngày Bên B thanh toán đầy đủ phí dịch vụ cho Bên A, Bên A sẽ mở van xả thải cho Bên B để Bên B được xả nước thải vào hệ thống XLNT của Bên A. Khi đó, Bên B sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A toàn bộ chi phí phát sinh từ về việc đóng/mở van cấp nước/thoát nước và các vật tư phát sinh sử dụng trong quá trình trên (nếu có) theo bảng chiết tính của Bên A cũng như tiền lãi tính trên số phí dịch vụ mà Bên B thanh toán chậm kể từ ngày quá thời hạn 03 ngày nêu tại mục (ii) ở trên với mức lãi suất quá hạn bằng 20%/năm cho toàn bộ thời gian chậm thanh toán.

ĐIỀU 7. CÁC TRƯỜNG HỢP NGỪNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THU GOM, XLNT:

7.1 Khi Bên B vi phạm các quy định về xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN nhưng chưa gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom xử lý nước thải của KCN, Bên A sẽ có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu Bên B khắc phục. Sau 05 ngày kể từ ngày phát hành thông báo lần thứ nhất mà Bên B không chấp hành thì Bên A sẽ ra thông báo nhắc nhở lần hai. Hết thời hạn 05 ngày của thông báo lần 2 mà Bên B vẫn không chấp hành thì Bên A được quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT theo thoả thuận đã được quy định trong Hợp đồng này.

7.2 Trường hợp nước thải của Bên B xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt mức nước quy định tại Phụ lục kèm theo Hợp đồng này ("**Phụ lục I**") , Bên A sẽ lập biên bản yêu cầu Bên B khắc phục để đảm bảo nước thải đạt mức nước quy định tại Phụ lục I và Bên B phải thanh toán chi phí phân tích mẫu nước thải và phí XLNT theo đơn giá 24.000đ/m³ đối với khối lượng nước thải xả vào hệ thống thu gom của KCN từ thời điểm chốt số kỳ trước đến thời điểm nước thải của Bên B đạt mức nước quy định tại Phụ lục I nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Bên A lập biên bản đối với hành vi vi phạm; đồng thời Bên B phải chịu phạt với mức phạt bằng 50% tổng số tiền Bên B thanh toán phí XLNT trong kỳ. Quá thời hạn trên, Bên A sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch và tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên B và Bên B có trách nhiệm cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) của Bên B với cơ quan chức năng cho Bên A.

7.3 Khi Bên B vi phạm các quy định về xả nước thải có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom và xử lý nước thải chung, Bên A tiến hành lập biên bản và

yêu cầu Bên B phải khắc phục ngay các sai phạm. Trường hợp Bên B không chấp hành yêu cầu của Bên A, Bên A sẽ ngừng ngay việc cung cấp dịch vụ XLNT và đề nghị đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch.

7.4 Trường hợp Bên B vi phạm các quy định về xả thải gây hậu quả nghiêm trọng thì tùy theo mức độ có thể bị truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7.5 Dịch vụ XLNT sẽ được khôi phục sau khi Bên B đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi phạm gây ra, và hoàn thành các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

7.6 Khi tiến hành xúc tiến các công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom và Nhà máy XLNT, Bên A sẽ có văn bản thông báo cho Bên B biết lý do, thời gian tiến hành các công tác trên; đồng thời Bên A sẽ có biện pháp thích hợp tạm thời nhằm hạn chế các tác động gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên B và ô nhiễm môi trường.

ĐIỀU 8. THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 15/12/2018 đến ngày 15/12/2022 và có thể được gia hạn theo thỏa thuận của các Bên.

ĐIỀU 9. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

9.1 Hợp đồng này có thể được các Bên sửa đổi/bổ sung bằng văn bản. Việc sửa đổi/bổ sung sẽ được tiến hành theo hình thức Hợp đồng sửa đổi/bổ sung hoặc phụ lục của Hợp đồng và là một phần không tách rời của Hợp đồng này;

9.2 Hợp đồng này sẽ hết hiệu lực trong những trường hợp sau:

- (i) Hết thời hạn của Hợp đồng mà không được gia hạn; hoặc
- (ii) Các Bên đồng ý bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng này.

ĐIỀU 10. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác giữa các Bên. Trong trường hợp các Bên không thể giải quyết thông qua hoà giải, một trong hai Bên có thể đưa tranh chấp ra Toà án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết tranh chấp. Quyết định của Toà án có hiệu lực thi hành đối với cả hai bên và án phí do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 11. CHỐNG GIAN LẬN VÀ HỐI LỘ:

11.1. Bên B cam kết và đảm bảo rằng bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho Bên B hoặc được Bên B chỉ định (gọi chung là "Người Của Bên B") liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A sẽ không (i) hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, giảm giá, trích thưởng, khoản tiền gây ảnh hưởng hoặc khoản báo đáp bất hợp pháp hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc lợi ích nào (gọi chung là "Hối Lộ"), cho bất kỳ đại diện nào của Bên A (gọi chung là "Người Của Bên A") hoặc thông qua bất kỳ Bên Thứ Ba nào để Hối Lộ Người Của Bên A nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký Hợp Đồng với Bên A một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng, và /hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác.

11.2. Bên A cam kết và đảm bảo rằng Người Của Bên A sẽ không đòi hỏi Hối Lộ hoặc có những hành vi chủ quan (cá nhân, cảm tính, vô trách nhiệm, ...) nhằm cản trở, gây khó khăn cho Người Của Bên B trong việc thực hiện Hợp Đồng (gọi chung là "Gian Lận").

11.3. Các hành vi Hối Lộ và Gian Lận theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp bất kỳ Người Của Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Của Bên A nào có biểu hiện, hành vi đòi Hối Lộ và/hoặc Gian Lận thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A theo địa chỉ email: thanhtra@tng-holdings.vn.

11.4. Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Hối Lộ của Bên B vi phạm pháp luật Việt Nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

ĐIỀU 12. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:

12.1. Các Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều quy định trong Hợp đồng này. Bên nào vi phạm sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;

12.2. Hợp đồng gồm sáu (06) trang, mười hai (12) điều, được lập thành ba (03) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản làm cơ sở thực hiện.

12.3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày các bên ký, đóng dấu xác lập.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B



Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2018

PHỤ LỤC I

THÔNG SỐ VÀ GIỚI HẠN TỐI ĐA CHẤT Ô NHIỄM TRONG NƯỚC THẢI
“Kèm theo Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ XLNT Số /2018/HĐ-XLNT”

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa
1	Nhiệt độ	oC	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5 đến 9
4	BOD5 (20oC)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,05
12	Crom (III)	mg/l	1
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,2
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng nitơ	mg/l	40
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	1000

	(không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)		
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,01
31	Coliform	vi khuẩn/100ml	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0





**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC**

FIT ACTIVE
VIỆT NAM
PRECISION

Số: 09/2020/CV-NĐ

Phúc đáp công văn số 01NĐ/CV-
FAV ngày 31/12/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2020

Kính gửi: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức (Công ty Nam Đức) xin gửi tới Quý Công ty lời chào trân trọng và hợp tác.

Công ty Nam Đức nhận được công văn số 01NĐ/CV-FAV ngày 31/12/2019 của Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision (Công ty Fit Active) “về việc xin ý kiến Mở rộng nâng công suất nhà máy sản xuất thuộc Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision”. Bằng công văn này, Công ty Nam Đức phúc đáp như sau:

- Căn cứ quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 31/07/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc “V/v Phê duyệt QHCT khu công nghiệp Quang Minh I tại huyện Mê Linh tỉnh Vĩnh Phúc tỷ lệ 1/2000” Công ty Fit Active có địa chỉ tại lô 20 thuộc quy hoạch hạ tầng của KCN Quang Minh;

- Nhà máy XLNT tập trung tại KCN Quang Minh có tổng công suất 6.000m³/ngày đêm, hoàn toàn đáp ứng được khối lượng nước thải của Công ty Fit Active sau khi nâng công suất.

Bên cạnh đó, Công ty Nam Đức đề nghị Công ty Fit Active kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu ra, tối thiểu đạt giá trị C, cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải vào hệ thống XLNT tập trung của KCN theo đúng hợp đồng dịch vụ XLNT số 79/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018 đã ký giữa hai bên.

Công ty Nam Đức phản hồi để Quý Công ty được biết và thực hiện.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VP, VT.



Nguyễn Khắc Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI**

Số: 201 /BQL-QLTNMT

V/v hướng dẫn thủ tục môi trường liên quan đến
việc mở rộng nâng công suất nhà máy của Công ty
TNHH Fit Active Việt Nam

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2020



Kính gửi: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam

Ban Quản lý các khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội (Ban Quản lý) nhận văn bản số 12/CV-FAV ngày 27/12/2019 của Công ty TNHH Fit Active Việt Nam (Công ty) về việc xin ý kiến hướng dẫn thủ tục về môi trường và chủ trương đầu tư trước khi mở rộng nâng công suất nhà máy.

Theo nội dung văn bản số 12/CV-FAV ngày 27/12/2019, công ty sẽ triển khai dự án đầu tư mở rộng, nâng công suất nhà máy tại lô 20 khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

Sau khi xem xét nội dung văn bản số 12/CV-FAV ngày 27/12/2019 của Công ty, căn cứ quy định của pháp luật liên quan, Ban Quản lý có ý kiến như sau:

1. Về chủ trương đầu tư: Ban Quản lý khuyến khích chủ trương đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty; tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế. Tuy nhiên, văn bản của Công ty chưa đề cập tới các nội dung liên quan đến việc đầu tư nâng công suất như: tăng vốn đầu tư, bổ sung máy móc thiết bị mới, Do vậy, Ban Quản lý yêu cầu Công ty có văn bản làm rõ những nội dung có liên quan nêu trên.

2. Về Công tác bảo vệ môi trường phải thực hiện trước khi triển khai dự án đầu tư mở rộng, nâng công suất nhà máy của Công ty:

Dự án đầu tư mở rộng, nâng công suất nhà máy của Công ty thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại phụ lục II, III Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

Sau khi Công ty thực hiện lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường trình và được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án là cơ sở để Ban Quản lý thực hiện việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp của Công ty.

Ban Quản lý thông báo để Công ty biết và thực hiện./. m

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Trưởng Ban Quản lý (để b/c);
- D/c Trần Anh Tuấn-PTB;
- Lưu: VT, QLTNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Trần Anh Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 90 /2020/HĐ-MTHN

- Căn cứ Bộ luật dân sự của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH 13 ngày 24/06/2015;
- Căn cứ Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính Phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ngày 24 tháng 4 năm 2015 về quản lý chất thải và phế liệu;
- Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng về quản lý chất thải rắn xây dựng;
- Căn cứ các quy định hiện hành của nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Giấy ủy quyền của Giám đốc Công ty CP xử lý chất thải xây dựng và đầu tư phát triển môi trường Hà Nội về việc ủy quyền cho ông Ngô Bá Quang - chức vụ Phó giám đốc ký hợp đồng dịch vụ;
- Căn cứ nhu cầu của bên A và khả năng cung cấp của bên B.

Hôm nay, ngày 16 tháng 3 năm 2020 tại văn phòng Công ty CP xử lý chất thải xây dựng và đầu tư phát triển môi trường Hà Nội.

Chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Fit Active Việt Nam Precision

Đại diện Ông : Huang Po Fang Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Địa chỉ : Lô 20 Khu Công Nghiệp Quang Minh, TT Quang Minh,
huyện Mê Linh , TP. Hà Nội , Việt Nam
Điện thoại : 024.3818.2223
Mã số thuế : 2500234842

Bên B: Công ty CP xử lý chất thải xây dựng và đầu tư phát triển môi trường HN

Đại diện Ông : Ngô Bá Quang - Chức vụ: Phó giám đốc
Địa chỉ : Tầng 01 nhà N03 khu DT Tây Nam đại học thương mại, P.
Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
Mã số thuế : 0105 117 534
Tài khoản : 002 1000 294 740
Mở tại : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hà Nội.

Sau khi bàn bạc, thảo luận hai bên thống nhất ký hợp đồng nguyên tắc với những nội dung sau:

Điều 1. Nội dung của hợp đồng

Bên B đồng ý về nguyên tắc việc tiếp nhận, xử lý chất thải xây dựng không nguy hại bao gồm: gạch trạc, cát, đá, sỏi, đất, bê tông xây dựng (không bao gồm các loại rác thải sinh hoạt, rác thải y tế, chất thải công nghiệp, lilon, cành cây, gỗ ván thải, vải, lốp...) từ công trình xây dựng nhà xưởng của công ty TNHH fit active Việt Nam precision, địa chỉ: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, Huyện Mê Linh, Hà Nội do bên A vận chuyển về bãi phế thải xây dựng Nguyên Khê, huyện Đông Anh.

Điều 2. Điều kiện kỹ thuật

- Loại chất thải: Là chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng từ công trình dự án đã nêu tại Điều 1 theo tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN 7209-2002 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số: QCVN07: 2009/BTNMT đủ điều kiện chôn lấp theo quy định.

- Xe vận chuyển đất thải, phế thải công trình đến bãi đổ phải đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định tại quyết định 02/2005/QĐ-UBND của UBND thành phố: Thùng kín khít, có nắp che đậy đảm bảo chất thải không rơi vãi ra đường.

Điều 3. Trách nhiệm của các bên

1. Trách nhiệm của bên A:

- Sử dụng hợp đồng này để Báo cáo Sở, ban ngành liên quan, UBND Thành phố khi thẩm định, trình duyệt báo cáo ĐTM và cấp phép xây dựng của Dự án nêu tại Điều 1. Trong trường hợp bên A sử dụng hợp đồng này thay cho hợp đồng kinh tế (thanh toán) với bên thứ 3 thì hợp đồng này đương nhiên chấm dứt hiệu lực và bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm.

- Đảm bảo thực hiện theo đúng, đầy đủ các điều kiện theo nội dung tại Điều 2 của hợp đồng này.

- Không sử dụng hợp đồng này cho công trình dự án khác ngoài công trình đã nêu tại Điều 1.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Cung cấp cho bên A các văn bản quản lý tại bãi xử lý PTXD (nội quy ra vào, quy trình kiểm tra khối lượng...) để bên A thực hiện.

- Đảm bảo đủ năng lực tiếp nhận, san gạt và xử lý khối lượng chất thải xây dựng do bên A đổ tại bãi theo đúng quy trình khi ký hợp đồng kinh tế.

- Ký hợp đồng kinh tế với bên A khi bên A thi công Dự án nêu trên.

Điều 4: Hiệu lực hợp đồng

05117534
CÔNG TY
CƠ PHÂN
TỬ CHẤT TH
DUNG VÀ ĐÁ
TRIỂN VỚI TRƯ
HÀ NỘI
GIẤY - T.P

0234842
CÔNG T
CH NHIỆM H
IT ACTI
VIỆT N
PRECIS
LINH - T

0523484
CÔNG T
CH NHIỆM H
IT ACTI
VIỆT N
PRECIS
LINH - T

- Từ ngày: 16/3/2020 đến 31/10/2020. Hợp đồng đương nhiên chấm dứt theo Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đóng bãi.

Điều 5: Đơn giá

- Thỏa thuận cụ thể tại thời điểm ký kết hợp đồng kinh tế và trước khi bên A chính thức vận chuyển đất, phế thải xây dựng vào bãi đổ của bên B.

Điều 6: Bảo lãnh và hoàn trả bảo lãnh

- Bên A nộp tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho bên B số tiền: 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng) ngay sau khi ký hợp đồng. Bên B xuất phiếu thu cho bên A theo quy định.

- Trong trường hợp bên A không thực hiện việc ký hợp đồng kinh tế với bên B khi thi công dự án nêu trên hoặc khi hợp đồng nguyên tắc hết hiệu lực bên B có quyền không hoàn trả số tiền bảo lãnh trên và đương nhiên hợp đồng được thanh lý.

Điều 7: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ những điều khoản trên, trong khi thực hiện có vấn đề gì vướng mắc, hai bên gặp nhau để bàn bạc giải quyết trên nguyên tắc thống nhất và không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên. Trong trường hợp không thể hòa giải được thì cả hai bên đều có quyền khiếu kiện ra tòa án nhân dân có thẩm quyền.

- Hợp đồng này có 03 trang và được lập thành 05 bản, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



**TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG**

ĐẠI DIỆN BÊN B



BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu PC4
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ đề nghị cấp "Giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC" của ông/ bà:

Lo Kai Chức vụ: Phó Giám đốc
đại diện cho: Cty FIT ACTIVE (Việt Nam) PRECISION CO., LTD
và biên bản kiểm tra các điều kiện về PCCC của PC23 - Công an tỉnh Vĩnh Phúc
lập ngày 19 tháng 5 năm 2005

(1) Công an tỉnh Vĩnh Phúc

CHUNG NHẬN:

(2) Cty FIT ACTIVE (Việt Nam) PRECISION CO., LTD

Thuộc:

Địa chỉ: Lô 20 - Khu Công nghiệp Quang Minh - MÈ LINH - Vĩnh Phúc - VN.

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận này có đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về:

Sản xuất theo giấy Đăng ký kinh doanh.

Đồng thời ông / bà: Lo Kai có trách nhiệm duy trì liên tục điều kiện về PCCC đã chứng nhận của PC23 - Công an tỉnh Vĩnh Phúc trong suốt quá trình hoạt động.

V.P. ngày 27 tháng 5 năm 2005

(3) T/L GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH



Thượng tá Nguyễn Văn Huệ

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.

(2) Tên cơ sở hoặc phương tiện giao thông cơ giới.

(3) Chức danh người ký giấy.

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

1911

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY
1911

1911

1911

1911

1911

1911

1911

1911

1911

1911

1911

1911

1911

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH VINH PHÚC
Số: 46/TĐ-PCCC (H. 1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004



GIẤY CHỨNG NHẬN

THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 175 ngày 01/8/2007 của Công ty Fit Active (Việt Nam) Precision Co., LTD

Người đại diện là ông / bà: LIN HUANG YING Chức danh: Đại diện tổng giám đốc
(1) PHÒNG CẢNH SÁT PCCC.

CHỨNG NHẬN:

(2) NHÀ MÁY FIT ACTIVE - (VIỆT NAM) PRECISION CO., LTD.

Địa điểm: Lô 20 - Khu Công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Vĩnh Phúc.

Chủ đầu tư / chủ phương tiện:

Đơn vị lập dự án / thiết kế:

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- 1) Giải pháp bố trí mặt bằng
- 2) Giải pháp bố trí mặt đứng
- 3) Giải pháp bố trí thiết bị
- 4) Giải pháp về phòng cháy chữa cháy

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

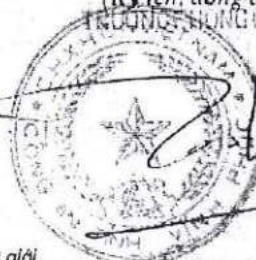
Các yêu cầu kèm theo: (3)

Thực hiện đầy đủ các quy định về phòng cháy chữa cháy trong thi công, nghiệm thu công trình trước khi đưa vào sử dụng

Vinh, ngày 08 tháng 8 năm 2007.

(4) TL GIÁM ĐỐC.

(Ký tên, đóng dấu)
TRƯỞNG PHÒNG CS.PCCC



Nơi nhận
+ C23 - BCA (B/C)
+ D.V. T. K.
+ E. Đầu tư
+ D. V. PCCC (LH).

- (1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.
- (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
- (3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.
- (4) Chức danh người ký giấy



DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ		KÝ HIỆU	GHI CHÚ
01.	Công văn đề nghị thẩm định.		
02	Bản vẽ kiến trúc		
03	Bản vẽ chống sét, cấp điện		
04	Bản vẽ về phòng cháy chữa cháy		
05	Các tài liệu khác có liên quan.		

KÝ HIỆU

GHI CHÚ

01. Công văn đề nghị thẩm định.

02 Bản nề' kiện' thuế

03 Bản vẽ tổng sết, cấp diện

04 Bàn về vệ phong cách, chuẩn mực

05 Các tài liệu khác có liên quan

[Handwritten signature]

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C24TTY
Số (Invoice No.): 00001895

Ngày (day) 19 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Mã của Cơ quan thuế: 00C4638000759D4772941F05268AA48FD5

Đơn vị bán (Seller): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
MST (Tax Code): 2500222438
Địa chỉ (Address): Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại (Tel.): 02435860478
STK (Account No.):

Người mua (Buyer):
Đơn vị (Co. name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Fit Active Việt Nam Precision
MST (Tax Code): 2500234842
Địa chỉ (Address): Lô 20, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
HTTT (Pay. method): Tiền mặt/Chuyển khoản
STK (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí dịch vụ thu gom xử lý nước thải kỳ tháng 12/2024	m3	698,4	14.300	9.987.120

Cộng tiền hàng (Sub total): 9.987.120

Thuế suất GTGT (Tax rate): 8% Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount): 798.970

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 10.786.090

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn không trăm chín mươi đồng chẵn./.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Ngày: 19/12/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C24TYY
Số (Invoice No.): 00001736

Ngày (day) 20 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Mã của Cơ quan thuế: 00AD4BE91916AB4EA0BFF984E72317DB4F

Đơn vị bán (Seller): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
MST (Tax Code): 2500222438
Địa chỉ (Address): Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại (Tel.): 02435860478
STK (Account No.):

Người mua (Buyer):
Đơn vị (Co. name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Fit Active Việt Nam Precision
MST (Tax Code): 2500234842
Địa chỉ (Address): Lô 20, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
HTTT (Pay. method): Tiền mặt/Chuyển khoản
STK (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí dịch vụ thu gom xử lý nước thải kỳ tháng 11/2024	m3	968,8	14.300	13.853.840

Cộng tiền hàng (Sub total): 13.853.840

Thuế suất GTGT (Tax rate): 8% Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.108.307

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 14.962.147

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười bốn triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng chẵn./.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Ngày: 20/11/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C24TTY
Số (Invoice No.): 00001540

Ngày (day) 21 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Mã của Cơ quan thuế: 009585646ABB1C448C89F24825BD9646E4

Đơn vị bán (Seller): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
MST (Tax Code): 2500222438
Địa chỉ (Address): Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại (Tel.): 02435860478
STK (Account No.):

Người mua (Buyer):
Đơn vị (Co. name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Fit Active Việt Nam Precision
MST (Tax Code): 2500234842
Địa chỉ (Address): Lô 20, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
HTTT (Pay. method): Tiền mặt/Chuyển khoản
STK (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí dịch vụ thu gom xử lý nước thải kỳ tháng 10/2024	m3	844	14.300	12.069.200

Cộng tiền hàng (Sub total): 12.069.200

Thuế suất GTGT (Tax rate): 8% Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount): 965.536

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 13.034.736

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười ba triệu không trăm ba mươi tư nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng chẵn./.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Ngày: 21/10/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C24TTY
Số (Invoice No.): 00001377

Ngày (day) 20 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Mã của Cơ quan thuế: 00C8768E73C7D54D1684B39151CABC1990

Đơn vị bán (Seller): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
MST (Tax Code): 2500222438
Địa chỉ (Address): Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại (Tel.): 02435860478
STK (Account No.):

Người mua (Buyer):
Đơn vị (Co. name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Fit Active Việt Nam Precision
MST (Tax Code): 2500234842
Địa chỉ (Address): Lô 20, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
HTTT (Pay. method): Tiền mặt/Chuyển khoản
STK (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí dịch vụ thu gom xử lý nước thải kỳ tháng 09/2024	m3	796	14.300	11.382.800

Cộng tiền hàng (Sub total): 11.382.800

Thuế suất GTGT (Tax rate): 8% Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount): 910.624

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 12.293.424

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười hai triệu hai trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi tư đồng chẵn./.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Ngày: 20/09/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C24TYY
Số (Invoice No.): 00001250

Ngày (day) 19 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Mã của Cơ quan thuế: 00E894294F4EA0458DB9C32545A928B382

Đơn vị bán (Seller): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
MST (Tax Code): 2500222438
Địa chỉ (Address): Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại (Tel.): 02435860478
STK (Account No.):

Người mua (Buyer):
Đơn vị (Co. name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Fit Active Việt Nam Precision
MST (Tax Code): 2500234842
Địa chỉ (Address): Lô 20, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
HTTT (Pay. method): Tiền mặt/Chuyển khoản
STK (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí dịch vụ thu gom xử lý nước thải kỳ tháng 08/2024	m3	883,2	14.300	12.629.760

Cộng tiền hàng (Sub total): 12.629.760

Thuế suất GTGT (Tax rate): 8% Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.010.381

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 13.640.141

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn một trăm bốn mươi một đồng chẵn./.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Ngày: 19/08/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C25TYT
Số (Invoice No.): 00000114

Ngày (day) 20 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Mã của Cơ quan thuế: 007234C556C766427EBF7DA0D304227168

Đơn vị bán (Seller): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
MST (Tax Code): 2500222438
Địa chỉ (Address): Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại (Tel.): 02435860478
STK (Account No.):

Người mua (Buyer):
Đơn vị (Co. name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Fit Active Việt Nam Precision
MST (Tax Code): 2500234842
Địa chỉ (Address): Lô 20, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
HTTT (Pay. method): Tiền mặt/Chuyển khoản
STK (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí dịch vụ thu gom xử lý nước thải kỳ tháng 01/2025	m3	686,4	14.300	9.815.520
Cộng tiền hàng (Sub total):					9.815.520
Thuế suất GTGT (Tax rate): 8%		Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount):			785.242
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					10.600.762
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười triệu sáu trăm nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng chẵn./.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
Ngày: 20/01/2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C25TYT
Số (Invoice No.): 00000292

Ngày (day) 19 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Mã của Cơ quan thuế: 0072A6E95EE1D14E9580FA44F47469352B

Đơn vị bán (Seller): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
MST (Tax Code): 2500222438
Địa chỉ (Address): Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại (Tel.): 02435860478
STK (Account No.):

Người mua (Buyer):
Đơn vị (Co. name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Fit Active Việt Nam Precision
MST (Tax Code): 2500234842
Địa chỉ (Address): Lô 20, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
HTTT (Pay. method): Tiền mặt/Chuyển khoản
STK (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí dịch vụ thu gom xử lý nước thải kỳ tháng 02/2025	m3	484,8	14.300	6.932.640

Cộng tiền hàng (Sub total): 6.932.640

Thuế suất GTGT (Tax rate): 8% Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount): 554.611

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 7.487.251

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Bảy triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi một đồng chẵn./.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Ngày: 19/02/2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C25TTY
Số (Invoice No.): 00000460

Ngày (day) 18 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Mã của Cơ quan thuế: 004B5ED50B2BEF4AD2BC1F1F46692B9EFE

Đơn vị bán (Seller): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
MST (Tax Code): 2500222438
Địa chỉ (Address): Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại (Tel.): 02435860478
STK (Account No.):

Người mua (Buyer):
Đơn vị (Co. name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Fit Active Việt Nam Precision
MST (Tax Code): 2500234842
Địa chỉ (Address): Lô 20, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
HTTT (Pay. method): Tiền mặt/Chuyển khoản
STK (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí dịch vụ thu gom xử lý nước thải kỳ tháng 03/2025	m3	768,8	14.300	10.993.840
Cộng tiền hàng (Sub total):					10.993.840
Thuế suất GTGT (Tax rate): 8%		Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount):			879.507
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					11.873.347
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười một triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng chẵn./.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Ngày: 18/03/2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C25TYT
Số (Invoice No.): 00000638

Ngày (day) 18 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Mã của Cơ quan thuế: 005F7FD0A582F2463EB7A1D7210C5F0756

Đơn vị bán (Seller): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
MST (Tax Code): 2500222438
Địa chỉ (Address): Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại (Tel.): 02435860478
STK (Account No.):

Người mua (Buyer):
Đơn vị (Co. name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Fit Active Việt Nam Precision
MST (Tax Code): 2500234842
Địa chỉ (Address): Lô 20, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
HTTT (Pay. method): Tiền mặt/Chuyển khoản
STK (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí dịch vụ thu gom xử lý nước thải kỳ tháng 04/2025	m3	998,4	14.300	14.277.120

Cộng tiền hàng (Sub total):		14.277.120
Thuế suất GTGT (Tax rate): 8%	Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount):	1.142.170
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		15.419.290
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười lăm triệu bốn trăm mười chín nghìn hai trăm chín mươi đồng chẵn./.		

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Ngày: 18/04/2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
Số: 28... /2024/ FIT-SH



1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION
Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.
Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223
ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668
ĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	0, 900	2x 221 37
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2024
BÊN GIAO
(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 8 năm 2024
BÊN NHẬN
(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Chức

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
Số: 29.../2024/ FIT-SH

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION
Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.
Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223
ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668
ĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	0,800	19C 049 36
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2024
BÊN GIAO
(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 8 năm 2024
BÊN NHẬN
(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Thúc

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
Số: 30 /2024/ FIT-SH

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION
Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.
Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223
ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668
ĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	0,990	19C 049 36
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2024
BÊN GIAO
(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 8 năm 2024
BÊN NHẬN
(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Chức

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
Số: 21 /2024/ FIT-SH

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION

Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223

Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công

Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668

Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	1,050	196 04936
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2024

BÊN GIAO

(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 8 năm 2024

BÊN NHẬN

(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Chức

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Số: 3.2.../2024/FIT-SH



Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION

Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223

Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công

Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668

Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	0,730	20C 22137
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÊN GIAO

(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÊN NHẬN

(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Thúc

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
Số: ... 3.3. /2024/ FIT-SH

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION
Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.
Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223
ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668
ĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	0,590	20H 01260
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2024

BÊN GIAO



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 9 năm 2024

BÊN NHẬN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Đức

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
Số: 34 /2024/ FIT-SH

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION
Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội. ĐT: 0243.8182223
Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội. ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên ĐT: 0989691668
Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên ĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	1,100	19C 049 36
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2024

BÊN GIAO
(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 7 năm 2024

BÊN NHẬN
(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Thúc

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
Số: 35 /2024/ FIT-SH

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION
Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội. ĐT: 0243.8182223
Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội. ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên ĐT: 0989691668
Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên ĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	1,050	19C 03508
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2024

BÊN GIAO

(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 9 năm 2024

BÊN NHẬN

(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Chức

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
Số: ...36... /2024/ FIT-SH

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION

Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223

Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công

Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668

Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	0,550	191 049 36
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2024

BÊN GIAO

(Ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 9 năm 2024

BÊN NHẬN

(Ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Chức

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
Số: 37/2024/FIT-SH

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION
Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.
Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223

ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668

ĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	0,900	19C 04936
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2024

BÊN GIAO
(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 10 năm 2024

BÊN NHẬN
(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Thúc

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
Số: 38 /2024/ FIT-SH

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION

Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223

Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công

Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668

Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	0,750	19C 04936
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2024

BÊN GIAO

(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 10 năm 2024

BÊN NHẬN

(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Thúc

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Số: ...39.../2024/ FIT-SH

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION

Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223

Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công

Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668

Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	0,550	19C 04936
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2024

BÊN GIAO

(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 10 năm 2024

BÊN NHẬN

(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Chức

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Số:....40/2024/ FIT-SH

Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION
Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.
Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223

ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668

ĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	1,400	20H 0030 2
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2024

BÊN GIAO

(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC

HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 10 năm 2024

BÊN NHẬN

(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Chí Thiệu

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
Số:...41/2024/FIT-SH

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION

Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223

Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công

Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668

Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	1,050	19C 04936
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2024

BÊN GIAO



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 11 năm 2024

BÊN NHẬN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Lành

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Số: .../2024/ FIT-SH

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION

Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223

Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công

Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668

Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	1,000	20 22137
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2024

BÊN GIAO

(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 11 năm 2024

BÊN NHẬN

(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Thúc

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
Số: ...4.3./2024/ FIT-SH

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION
Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.
Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223

ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668

ĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	0, 300	29 C 500 35
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2024

BÊN GIAO

(Ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC

HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 11 năm 2024

BÊN NHẬN

(Ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Chí Chúc

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
Số: ...44./2024/ FIT-SH

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION
Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.ĐT: 0243.8182223
Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái NguyênĐT: 0989691668
Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái NguyênĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	0,300	1X 0350 P
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2024
BÊN GIAO
(ký, ghi họ tên)
CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION
TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 11 năm 2024
BÊN NHẬN
(ký, ghi họ tên)
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Chức

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
Số: 45. /2024/ FIT-SH

1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION
Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.
Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

ĐT: 0243.8182223

ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0989691668

ĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	0,650	19C 09475
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 16 tháng 1 năm 2024

BÊN GIAO

(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC

HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 1 năm 2024

BÊN NHẬN

(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Chí Thúc

TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
Số: 46 /2024/ FIT-SH



1. Bên giao (chủ nguồn thải): CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION
Địa chỉ văn phòng: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội. ĐT: 0243.8182223
Địa chỉ cơ sở: Lô 20, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội. ĐT: 0243.8182223

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công
Địa chỉ văn phòng: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên ĐT: 0989691668
Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, T.p Sông Công, tỉnh Thái Nguyên ĐT: 0989691668

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (Tấn)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	0,900	19C 09475
2	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2024
BÊN GIAO
(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 11 năm 2024
BÊN NHẬN
(ký, ghi họ tên)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Chức



TỈNH/THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số:	43 /2024/1-2-3-4-5-6.134.VX/FIT				
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134.VX					
Địa chỉ văn phòng: 124 Tổ 4 – TT Đông Anh – Hà Nội		ĐT: 0989 691 668					
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Thôn Tân Mỹ 2 – Tân Quang – TP Sông Công – Thái Nguyên		ĐT: 0989 691 668					
2. Chủ CS DV XLCTNH 2 :..... Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):.....							
Địa chỉ văn phòng:.....		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:.....		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision		Mã số QLCTNH : 01.001339.T					
Địa chỉ văn phòng: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN		ĐT: 024.3818 2223					
Địa chỉ cơ sở: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN		ĐT: 024.3818 2223					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	20	TĐ
2	Dầu thải từ quá trình gia công tạo hình		x		07 03 05	40	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); HBD (Huỷ bóng đèn); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19C 09475							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển : Lê Văn Nam Ký <i>[Signature]</i> Ngày: 27/ 11/ 2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... :.....Ký:.....Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2024				Thái Nguyên, ngày 04 tháng 12 năm 2024			
 TỔNG GIÁM ĐỐC HUANG PO - FANG (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				 TỔNG GIÁM ĐỐC Hoàng Chí Chức (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□/							
Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							



TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 42 /2024/1-2-3-4-5-6.134.VX/FIT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134.VX

Địa chỉ văn phòng: 124 Tổ 4 – TT Đông Anh – Hà Nội

ĐT: 0989 691 668

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Tân Mỹ 2 – Tân Quang – TP Sông Công – Thái Nguyên

ĐT: 0989 691 668

2. Chủ CS DV XLCTNH 2 : Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):.....

Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:

Địa chỉ cơ sở:..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision

Mã số QLCTNH : 01.001339.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN

ĐT: 024.3818 2223

Địa chỉ cơ sở: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN

ĐT: 024.3818 2223

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý#
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu dính mực	x			18 02 01	20	TĐ
2	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	20	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); HBD(Huỷ bóng đèn); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19C 09475

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển : Lê Văn Nam Ký *[Signature]* Ngày: 16/ 11/ 2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... :..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC

HUANG PO - FANG

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 11 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Chí Khức

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)



TỈNH/THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN Số: 41 /2024/1-2-3-4-5-6.134.VX/FIT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG Mã số QLCTNH:1-2-3-4-5-6.134.VX
Địa chỉ văn phòng: 124 Tổ 4 – TT Đông Anh – Hà Nội ĐT: 0989 691 668
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Tân Mỹ 2 – Tân Quang – TP Sông Công – Thái Nguyên ĐT: 0989 691 668

2. Chủ CS DV XLCTNH 2 :..... Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):.....
Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:
Địa chỉ cơ sở:..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision Mã số QLCTNH : 01.001339.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN ĐT: 024.3818 2223
Địa chỉ cơ sở: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN ĐT: 024.3818 2223

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Vật liệu lọc,giẻ lau, găng tay dính dầu dính mực	x			18 02 01	20	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); HBĐ(Huỷ bóng đèn); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C 50035

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển : Lê Văn Nam Ký /..... Ngày: 07/ 11/ 2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... :.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2024

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 11 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Thức

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□/

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)



TỈNH/THÀNH PHỐ
THÁI NGUYÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 40 /2024/1-2-3-4-5-6.134.VX/FIT

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SỐNG CÔNG

Mã số QLCTNH:1-2-3-4-5-6.134.VX

Địa chỉ văn phòng: 124 Tổ 4 – TT Đông Anh – Hà Nội

ĐT: 0989 691 668

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Thôn Tân Mỹ 2 – Tân Quang – TP Sông Công – Thái Nguyên

ĐT: 0989 691 668

2. Chủ CS DV XLCTNH 2 :..... Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):.....

Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:

Địa chỉ cơ sở:..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision

Mã số QLCTNH : 01.001339.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh,H. Mê linh, TP Hà Nội, VN

ĐT: 024.3818 2223

Địa chỉ cơ sở: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh,H. Mê linh, TP Hà Nội, VN

ĐT: 024.3818 2223

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý#
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	100	TĐ
2	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			18 01 03	20	TĐ
3	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	60	TĐ
4	Dầu thải từ quá trình gia công tạo hình		x		07 03 05	80	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); HBD(Huỷ bóng đèn); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 20C 22137

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển : Hoàng Văn Trọng Ký:..... Ngày: 06/ 11/ 2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

HUANG PO - FANG

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 11 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Chí Chức

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)



TỈNH/THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: 39 /2024/1-2-3-4-5-6.134.VX/FIT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134.VX					
Địa chỉ văn phòng: 124 Tổ 4 – TT Đông Anh – Hà Nội		ĐT: 0989 691 668					
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Tân Mỹ 2 – Tân Quang – TP Sông Công – Thái Nguyên		ĐT: 0989 691 668					
2. Chủ CS DV XLCTNH 2 :.....		Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):.....					
Địa chỉ văn phòng:.....		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:.....		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision		Mã số QLCTNH : 01.001339.T					
Địa chỉ văn phòng: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN		ĐT: 024.3818 2223					
Địa chỉ cơ sở: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN		ĐT: 024.3818 2223					
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Vật liệu lọc,giẻ lau, găng tay dính dầu dính mực	x			18 02 01	20	TĐ
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	20	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); HBB(Huỷ bóng đèn); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19C 04936							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển : Trần Văn Quân Ký ... Ngày: 04/ 11/ 2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2024				Thái Nguyên, ngày 11 tháng 11 năm 2024			
 TỔNG GIÁM ĐỐC HUANG PO - FANG (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				 TỔNG GIÁM ĐỐC Hoàng Chí Chức (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							



TỈNH/THÀNH PHỐ **THÁI NGUYÊN NAM** **CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Số: 38 /2024/1-2-3-4-5-6.134.VX/FIT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134.VX

Địa chỉ văn phòng: 124 Tổ 4 – TT Đông Anh – Hà Nội

ĐT: 0989 691 668

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Thôn Tân Mỹ 2 – Tân Quang – TP Sông Công – Thái Nguyên

ĐT: 0989 691 668

2. Chủ CS DV XLCTNH 2 : Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision**

Mã số QLCTNH : 01.001339.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN

ĐT: 024.3818 2223

Địa chỉ cơ sở: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN

ĐT: 024.3818 2223

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	30	TĐ
2	Dầu thải từ quá trình gia công tạo hình		x		07 03 05	60	TĐ
3	Găng tay, giẻ lau dính dầu	x			18 02 01	30	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); HBB (Huỷ bóng đèn); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 20H 00302

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển : Lương Văn Thảo Ký

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ngày: 25/ 10/ 2024

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2024

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 10 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC

HUANG PO - FANG

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Chí Chức

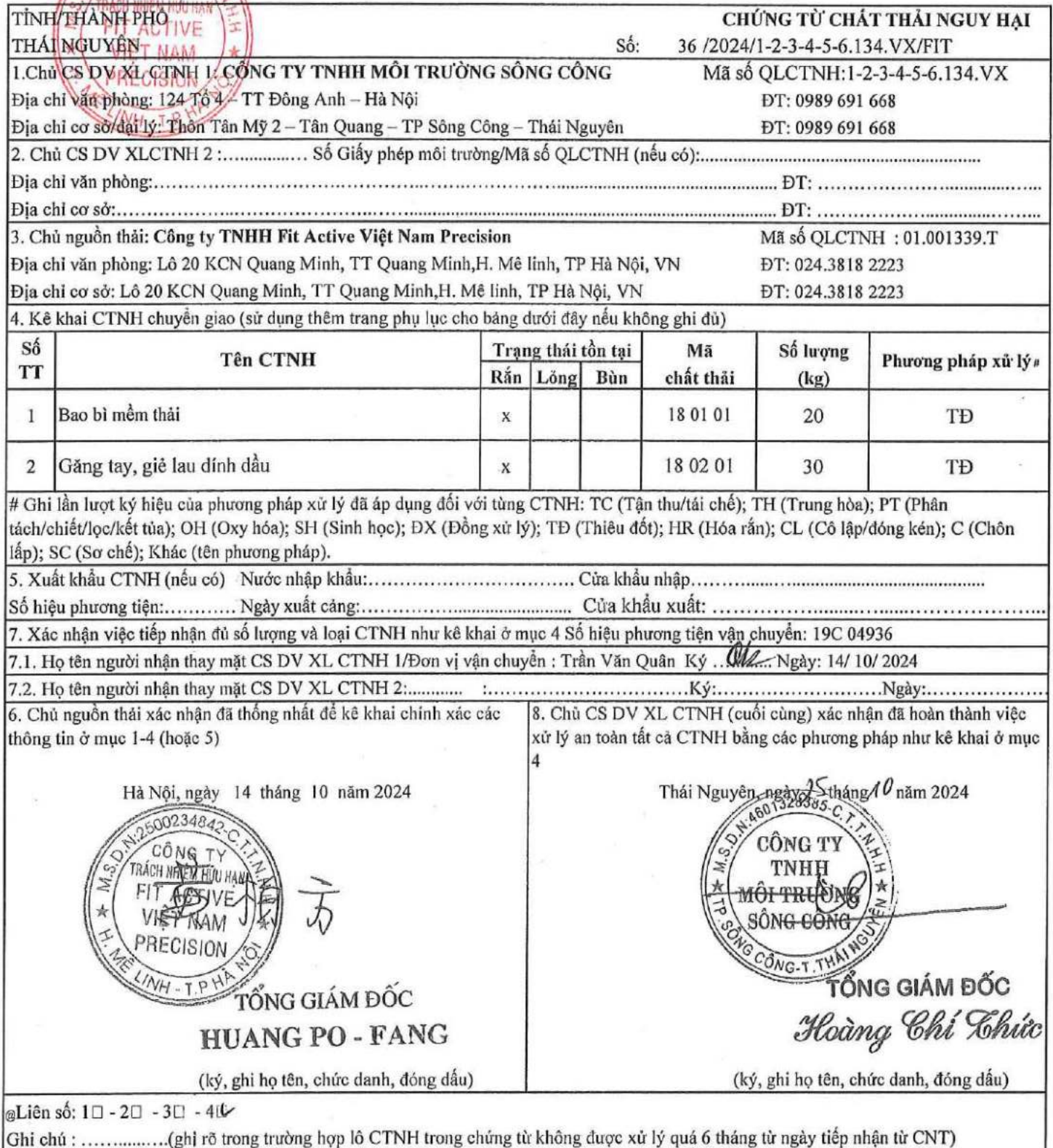
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)



TỈNH/THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: 37 /2024/1-2-3-4-5-6.134.VX/FIT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134.VX					
Địa chỉ văn phòng: 124 Tổ 4 – TT Đông Anh – Hà Nội		ĐT: 0989 691 668					
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Thôn Tân Mỹ 2 – Tân Quang – TP Sông Công – Thái Nguyên		ĐT: 0989 691 668					
2. Chủ CS DV XLCTNH 2 :.....		Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):.....					
Địa chỉ văn phòng:.....		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:.....		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision		Mã số QLCTNH : 01.001339.T					
Địa chỉ văn phòng: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN		ĐT: 024.3818 2223					
Địa chỉ cơ sở: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN		ĐT: 024.3818 2223					
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	45	TĐ
2	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	5	HBĐ
3	Găng tay, giẻ lau dính dầu	x			18 02 01	20	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); HBD(Huỷ bóng đèn); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....							
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19C 04936							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển : Trần Văn Quân Ký ... Ngày: 17/ 10/ 2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2024				Thái Nguyên, ngày 28 tháng 10 năm 2024			
 TỔNG GIÁM ĐỐC HUANG PO - FANG (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				 TỔNG GIÁM ĐỐC Hoàng Chí Chức (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							





TỈNH/THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: 35 /2024/1-2-3-4-5-6.134.VX/FIT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134.VX					
Địa chỉ văn phòng: 124 Tổ 4 – TT Đông Anh – Hà Nội		ĐT: 0989 691 668					
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Tân Mỹ 2 – Tân Quang – TP Sông Công – Thái Nguyên		ĐT: 0989 691 668					
2. Chủ CS DV XLCTNH 2 :.....		Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):.....					
Địa chỉ văn phòng:.....		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:.....		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision		Mã số QLCTNH : 01.001339.T					
Địa chỉ văn phòng: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN		ĐT: 024.3818 2223					
Địa chỉ cơ sở: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN		ĐT: 024.3818 2223					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	20	TĐ
2	Găng tay, giẻ lau dính dầu	x			18 02 01	20	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....							
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19C 04936							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển : Trần Văn Quân Ký .. Ngày: 05/ 10/ 2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2024				Thái Nguyên, ngày 12 tháng 10 năm 2024			
 TỔNG GIÁM ĐỐC HUANG PO - FANG (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				 TỔNG GIÁM ĐỐC Hoàng Chí Thúc (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑							
Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							



TỈNH/THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN **CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI**
Số: 34 /2024/1-2-3-4-5-6.134.VX/FIT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134.VX
Địa chỉ văn phòng: 124 Tổ 4 – TT Đông Anh – Hà Nội ĐT: 0989 691 668
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Tân Mỹ 2 – Tân Quang – TP Sông Công – Thái Nguyên ĐT: 0989 691 668

2. Chủ CS DV XLCTNH 2 :..... Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):.....
Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:
Địa chỉ cơ sở:..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision** Mã số QLCTNH : 01.001339.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN ĐT: 024.3818 2223
Địa chỉ cơ sở: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN ĐT: 024.3818 2223

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	30	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19C 04936

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển : Trần Văn Quân Ký *Ch* Ngày: 28/ 09/ 2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC

HUANG PO - FANG

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 10 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Chí Chức

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)



TỈNH/THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN **CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI**
Số: 33 /2024/1-2-3-4-5-6.134.VX/FIT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134.VX
Địa chỉ văn phòng: 124 Tổ 4 – TT Đông Anh – Hà Nội ĐT: 0989 691 668
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Thôn Tân Mỹ 2 – Tân Quang – TP Sông Công – Thái Nguyên ĐT: 0989 691 668

2. Chủ CS DV XLCTNH 2 :..... Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):.....
Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:
Địa chỉ cơ sở:..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision** Mã số QLCTNH : 01.001339.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN ĐT: 024.3818 2223
Địa chỉ cơ sở: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN ĐT: 024.3818 2223

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			18 01 03	20	TĐ
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	30	TĐ
3	Găng tay, giẻ lau dính dầu	x			18 02 01	30	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19C 03508

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển : Nguyễn Doãn Anh Ký ..*ah*... Ngày: 23 / 09/ 2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 23 tháng 09 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 10 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Chí Thúc

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)



TỈNH/THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 32 /2024/1-2-3-4-5-6.134.VX/FIT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134.VX

Địa chỉ văn phòng: 124 Tổ 4 – TT Đông Anh – Hà Nội ĐT: 0989 691 668

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Tân Mỹ 2 – Tân Quang – TP Sông Công – Thái Nguyên ĐT: 0989 691 668

2. Chủ CS DV XLCTNH 2 :..... Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):.....

Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:

Địa chỉ cơ sở:..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision Mã số QLCTNH : 01.001339.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN ĐT: 024.3818 2223

Địa chỉ cơ sở: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN ĐT: 024.3818 2223

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	20	TĐ
2	Găng tay, giẻ lau dính dầu	x			18 02 01	30	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19C 04936

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển : Trần Văn Quân Ký .. Ngày: 14 / 09/ 2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 14 tháng 09 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 9 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Thúc
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)



TỈNH/THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN **CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI**
Số: 31 /2024/1-2-3-4-5-6.134.VX/FIT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134.VX
Địa chỉ văn phòng: 124 Tổ 4 – TT Đông Anh – Hà Nội ĐT: 0989 691 668
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Tân Mỹ 2 – Tân Quang – TP Sông Công – Thái Nguyên ĐT: 0989 691 668

2. Chủ CS DV XLCTNH 2 : Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision Mã số QLCTNH : 01.001339.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN ĐT: 024.3818 2223
Địa chỉ cơ sở: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN ĐT: 024.3818 2223

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	20	TĐ
2	Găng tay, giẻ lau dính dầu	x			18 02 01	30	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 20C 22137

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển : Hoàng Văn Trọng Ký: *H. Văn Trọng* Ngày: 29 / 08/ 2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Thái Nguyên, ngày 04 tháng 9 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Chức
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□
Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)



TỈNH/THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN Số: 30 /2024/1-2-3-4-5-6.134.VX/FIT

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG Mã số QLCTNH:1-2-3-4-5-6.134.VX
Địa chỉ văn phòng: 124 Tổ 4 – TT Đông Anh – Hà Nội ĐT: 0989 691 668
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Tân Mỹ 2 – Tân Quang – TP Sông Công – Thái Nguyên ĐT: 0989 691 668

2. Chủ CS DV XLCTNH 2 :..... Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):.....
Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:
Địa chỉ cơ sở:..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision Mã số QLCTNH : 01.001339.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh,H. Mê linh, TP Hà Nội, VN ĐT: 024.3818 2223
Địa chỉ cơ sở: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh,H. Mê linh, TP Hà Nội, VN ĐT: 024.3818 2223

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dầu thải từ quá trình gia công tạo hình		x		07 03 05	150	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19C 04936

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển : Trần Văn Quân Ký ... Ngày: 24 / 08/ 2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC

HUANG PO - FANG

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 8 năm 2024



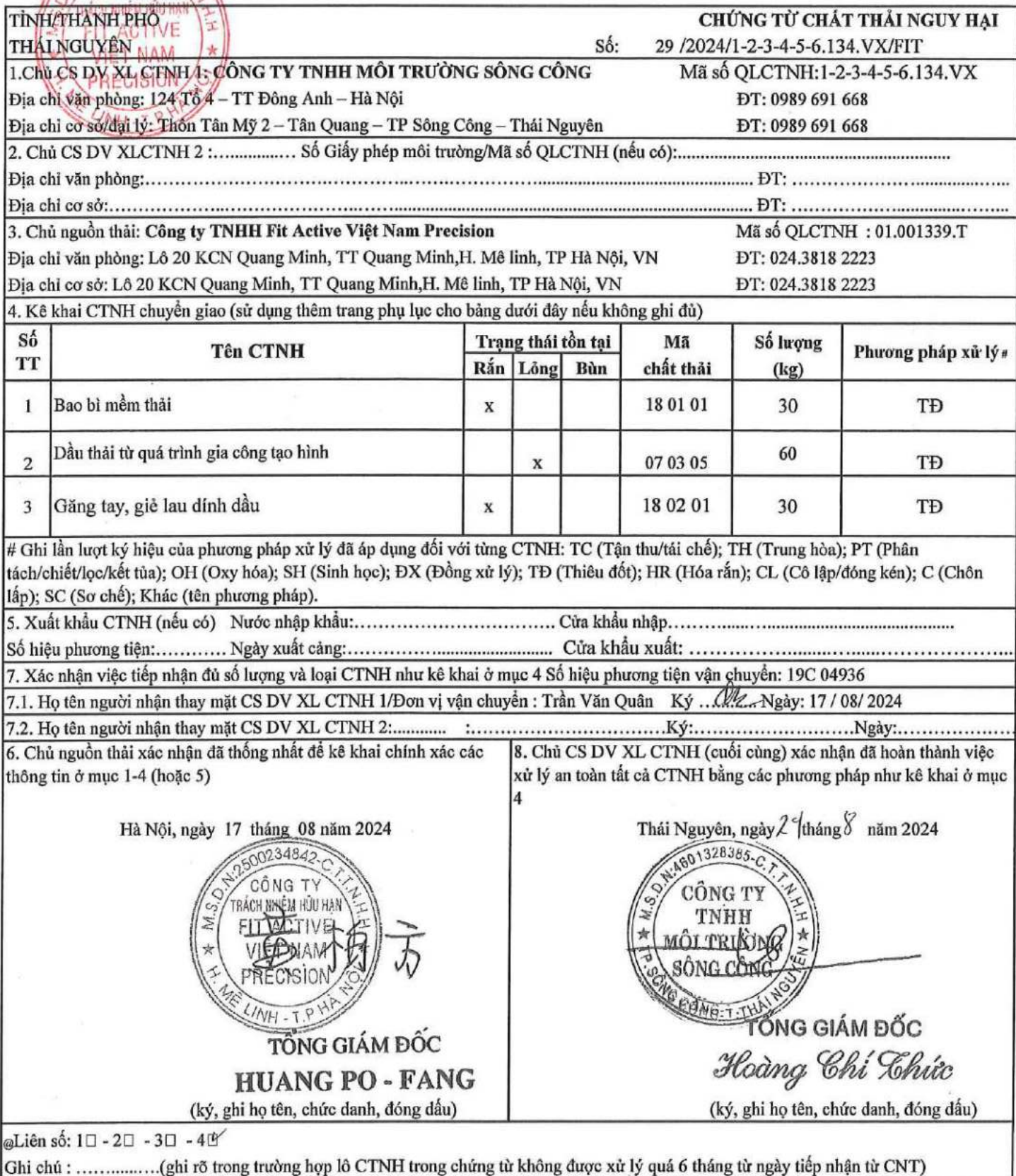
TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Chí Chức

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)





TỈNH/THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN **CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI**
Số: 28 /2024/1-2-3-4-5-6.134.VX/FIT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.134.VX
Địa chỉ văn phòng: 124 Tổ 4 – TT Đông Anh – Hà Nội ĐT: 0989 691 668
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Thôn Tân Mỹ 2 – Tân Quang – TP Sông Công – Thái Nguyên ĐT: 0989 691 668

2. Chủ CS DV XLCTNH 2 : Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision** Mã số QLCTNH : 01.001339.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN ĐT: 024.3818 2223
Địa chỉ cơ sở: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh, H. Mê linh, TP Hà Nội, VN ĐT: 024.3818 2223

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	30	TĐ
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	-	TĐ
3	Găng tay, giẻ lau dính dầu	x			18 02 01	-	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19C 04936

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển : Nguyễn Doãn Anh Ký: *Nguyễn Doãn Anh* Ngày: 10 / 08/ 2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Khiếu

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)



TỈNH/THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN **CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI**
Số: 27 /2024/1-2-3-4-5-6.134.VX/FIT

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG** Mã số QLCTNH:1-2-3-4-5-6.134.VX
Địa chỉ văn phòng: 124 Tổ 4 – TT Đông Anh – Hà Nội ĐT: 0989 691 668
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Thôn Tân Mỹ 2 – Tân Quang – TP Sông Công – Thái Nguyên ĐT: 0989 691 668

2. Chủ CS DV XLCTNH 2 :..... Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):.....
Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:
Địa chỉ cơ sở:..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision** Mã số QLCTNH : 01.001339.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh,H. Mê linh, TP Hà Nội, VN ĐT: 024.3818 2223
Địa chỉ cơ sở: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh,H. Mê linh, TP Hà Nội, VN ĐT: 024.3818 2223

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	—	TD
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	30	TD
3	Găng tay, giẻ lau dính dầu	x			18 02 01	20	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 20C 22137

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển : Hoàng Văn Trọng Ký: *[Signature]* Ngày: 03 / 08/ 2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 8 năm 2024

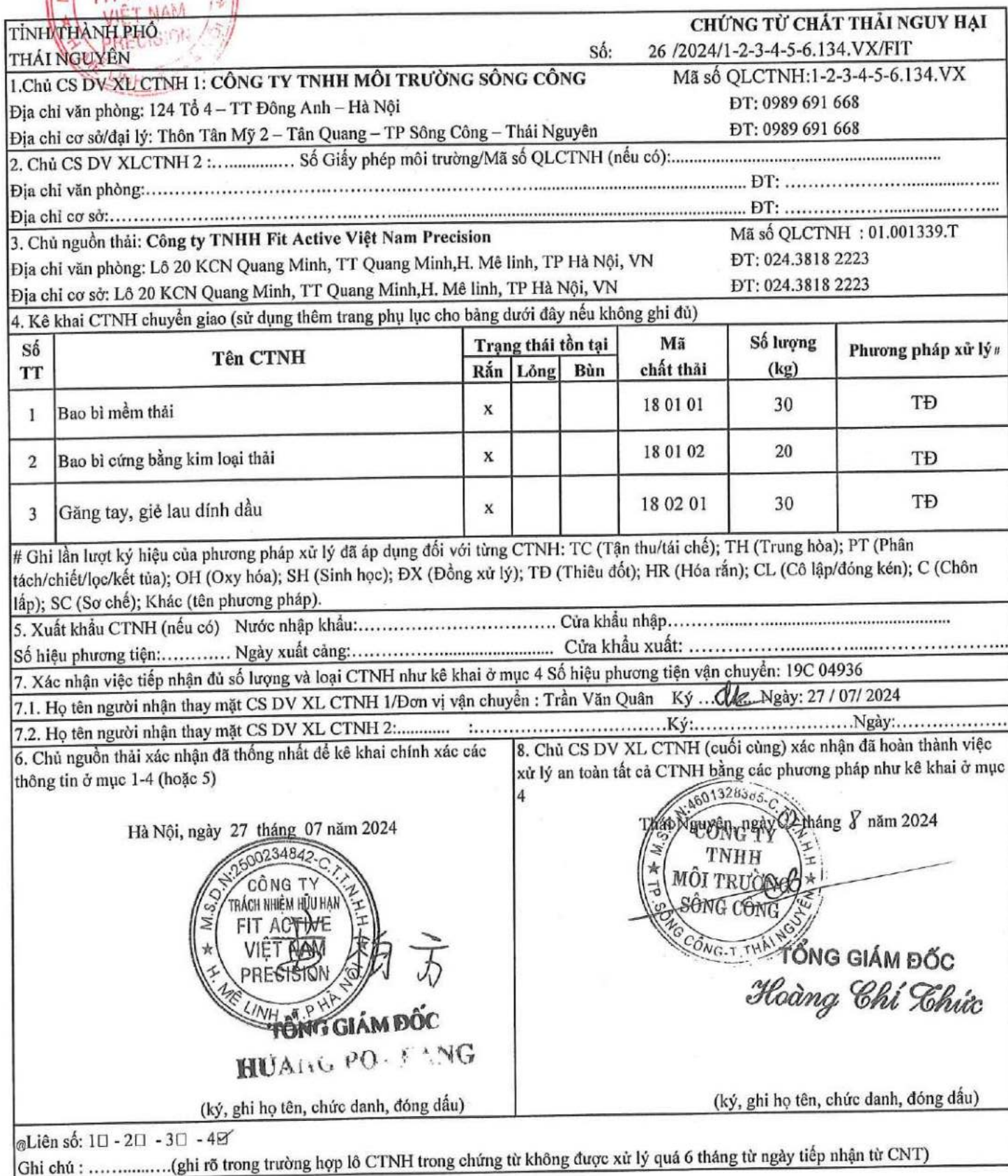


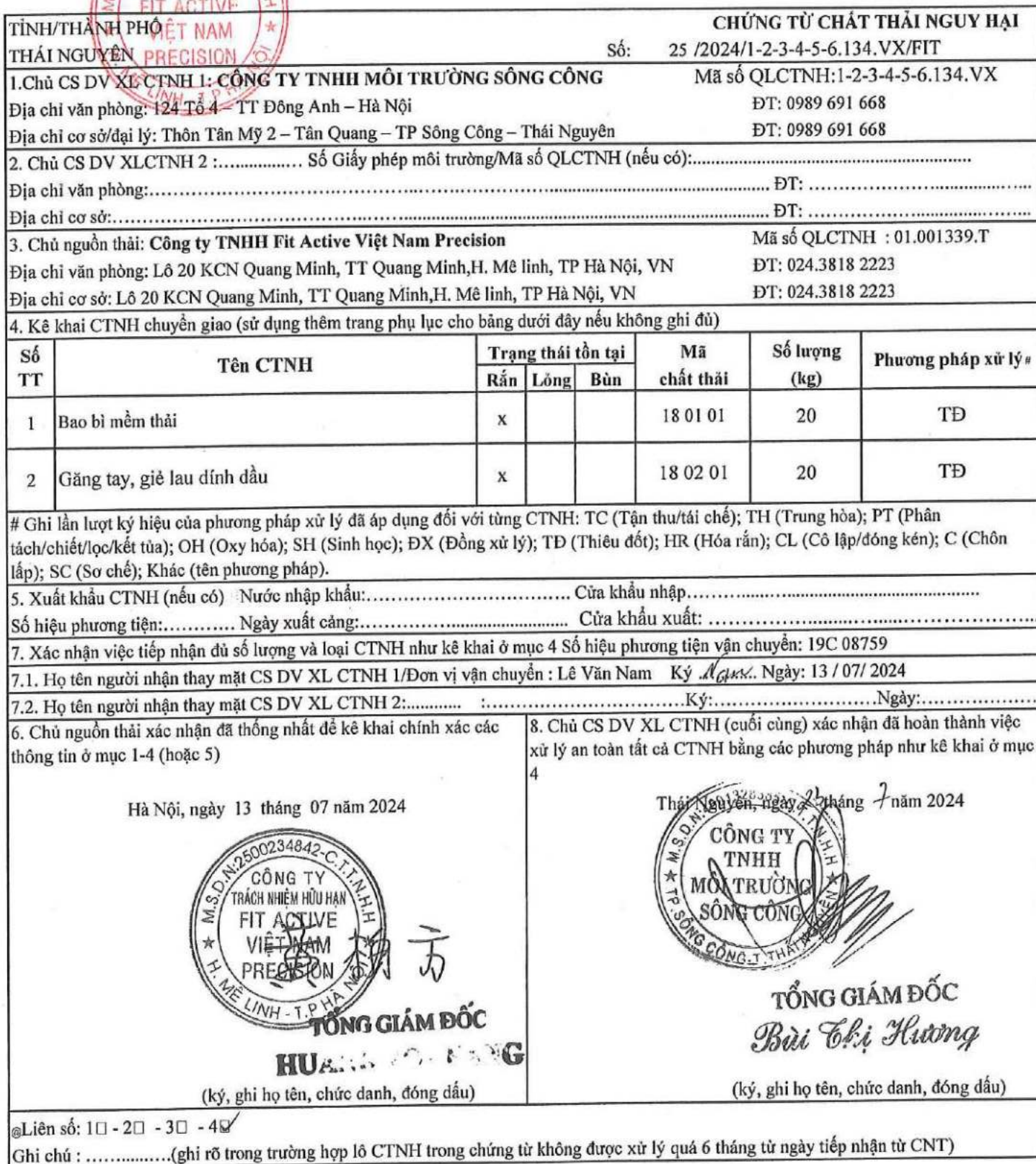
TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Chức

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)





TỈNH/THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 24 /2024/1-2-3-4-5-6.134.VX/FIT					
1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG		Mã số QLCTNH:1-2-3-4-5-6.134.VX					
Địa chỉ văn phòng: 124 Tổ 4 – TT Đông Anh – Hà Nội		ĐT: 0989 691 668					
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Tân Mỹ 2 – Tân Quang – TP Sông Công – Thái Nguyên		ĐT: 0989 691 668					
2. Chủ CS DV XLCTNH 2 :..... Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):.....							
Địa chỉ văn phòng:.....		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:.....		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision		Mã số QLCTNH : 01.001339.T					
Địa chỉ văn phòng: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh,H. Mê linh, TP Hà Nội, VN		ĐT: 024.3818 2223					
Địa chỉ cơ sở: Lô 20 KCN Quang Minh, TT Quang Minh,H. Mê linh, TP Hà Nội, VN		ĐT: 024.3818 2223					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý#
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			18 01 03	10	TD
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải	x			18 01 02	20	TD
3	Găng tay, giẻ lau dính dầu	x			18 02 01	20	TD
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:..... Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19C 04936							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển : Trần Văn Quân Ký ...Ngày: 06 / 07/ 2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:.....Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2024  TỔNG GIÁM ĐỐC HUANG PO - FANG (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Thái Nguyên, ngày 16 tháng 7 năm 2024  TỔNG GIÁM ĐỐC Bùi Thị Hương (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			



CÔNG TY TNHH FIT ACTIVE VIỆT NAM PRECISION

Lô 20, KCN Quang Minh, T.T Quang Minh, H. Mê Linh,

TP. Hà Nội

Số: 01/BC-FAV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*****o0o*****

Hà Nội, ngày 3 tháng 1 năm 2024

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

Kính gửi:

- **Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội**
- **Ủy ban nhân dân Huyện Mê Linh**
- **Bản quản lý KCN và chế xuất Hà Nội**
- **Công ty đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức**

THÔNG TIN CHUNG:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Fit Active Việt Nam Precision

Địa chỉ văn phòng: Lô 20 – Khu Công Nghiệp Quang Minh-T.T Quang Minh –Huyện Mê Linh – TP. Hà Nội

Điện thoại: 0243.8182223 Fax: 0243.8182225

-Người đại diện: Ông Huang PO- Fang

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh hiện nay :Gia công linh kiện điện tử,ép nhựa, in sơn , đột dập

**- Giấy phép đăng kí kinh doanh đăng kí lần đầu :ngày 15/11/2007,thay đổi lần 7,ngày 26/8/2015
"Ngày 26/8/2015 cấp đổi nội dung đăng kí kinh doanh từ GCNĐT Số :012023000186 do ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp ngày 15/11/2007"**

- Mst:2500234842

- Phê duyệt báo cáo TĐMT số :1373/QĐ-UBND ngày 06/04/2020

- Giấy chứng nhận Iso: 9001:2015 .14001:2015

- Nhiệm liệu ,điện ,nước tiêu thụ của năm báo cáo và năm gần nhất :

+ Nhu cầu sử dụng điện :

Tổng nhu cầu sử dụng điện năm 2022của cơ sở là :4.614.480 Kwh/năm

Năm 2023 nhu cầu sử dụng điện của cơ sở là : 3.354.336 Kwh/năm

+ Nhu cầu sử dụng nước :

Tổng nhu cầu sử dụng nước trong năm 2022 của cơ sở là : 23.940 m³/năm. Năm 2023 của cơ sở là: 9253 m³/năm

Phần 1: Kết quả hoạt động các công trình , biện pháp bảo vệ môi trường .

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

***1.1 Xử lý nước thải:**

- Hệ thống nước thải của công ty được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp Quang minh, Công ty ký hợp đồng với công ty TNHH Đầu Tư và phát triển Hạ tầng Nam Đức.

- Hợp đồng xử lý nước thải : số 79/2018/HĐ/XLNT

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại (01 bể tự hoại 30m³-3 ngăn)

- Nước mưa: Thu gom và tiêu thoát toàn bộ nước mưa mái và nước mưa chảy tràn trên bề mặt khuôn viên trong khu vực Công ty, nước mưa trên mái được thu gom vào đường ống pvc F150.110 nên không có hiện tượng nước mưa ứ đọng, hệ thống nước mưa trên bề mặt được bố trí xung quanh nhà máy và được thu gom vào hệ thống cống ,sau đó nước mưa thoát vào hố ga (vị trí đầu nối nước mưa) trước khi thoát vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp Quang minh, Huyện Mê linh.

1.2 * Kết quả quan trắc nước thải :

1.2.1 Quan trắc định kì nước thải :

1.2.1.1 .Quan trắc định kì nước thải sinh hoạt :

- Thời gian quan trắc : 01 lần / 3 tháng

- Vị trí quan trắc : Nước thải ở bể chứa nước thải sinh hoạt

- Tổng số mẫu thực hiện quan trắc : 01 mẫu/đợt

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng : QCTĐHN 02:2014/BTNMT (TCVN 5945:2005), Cột B

- Đơn vị quan trắc: Công ty cổ phần kỹ thuật và phân tích môi trường

- Kết quả quan trắc cho thấy tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép

1.2.1.2 Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt

- Thời gian quan trắc: 01 lần/ 03 tháng

- Vị trí điểm quan trắc : Nước thải của công ty ra hệ thống hố ga thu gom nước thải của KCN Quang minh

- Tổng số mẫu thực hiện quan trắc : 01 mẫu/đợt

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B,

- Đơn vị quan trắc: Công ty cổ phần kỹ thuật và phân tích môi trường

- Kết quả quan trắc cho thấy tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép

Kết quả quan trắc của nước thải công nghiệp

NT1(Nước thải tại bể chứa nước thải sinh hoạt)

T T	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	TCVN 5945:2005	QCVN 14:2008/BTNM T
					Cột B	
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	23,4	40	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,4	5,5 ÷ 9	5 ÷ 9
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	30,7	50	50
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	70,4	80	-
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	68,2	100	100
6	Crom VI	mg/L	SMEWW 3500- Cr.B:2023	<0,003	0,1	-
7	Đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,005	2	-
8	Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,005	0,5	-
9	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW3500- Fe.B:2023	<0,03	5	-
10	Tổng Nito	mg/L	SMEWW 4500- N.C:2023	16,4	30	-
11	Tổng Photpho	mg/L	SMEWW 4500- P.B&E:202	0,817	6	-
12	Coliform	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2023	4.600	5.000	5.000
13	Dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	2,6	-	-

Ghi chú:

- TCVN 5945:2005: Nước thải công nghiệp, tiêu chuẩn thải
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

- Cột B: Khi nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận là nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.;

- (-): không xác định.

Nhận xét:

Kết quả phân tích so với TCVN 5945:2005 và QCVN 14:2008/BTNMT cột B cho thấy các thông số chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép.

NT2(Nước thải công nghiệp tại hồ ga thu gom của KCN)

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	TCVN 5945:2005	QCVN 14:2008/BTNMT
					Cột B	
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	23,1	40	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,5	5,5 ÷ 9	5,5 ÷ 9
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	28,3	50	50
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	64	80	-
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	65,4	100	100
6	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,003	0,1	-
7	Đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,005	2	-
8	Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	<0,005	0,5	-
9	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW3500-Fe.B:2023	<0,03	5	-
10	Tổng Nitơ	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023	18,6	30	-
11	Tổng Photpho	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,846	6	-

12	Coliform	MPN/ 100m L	SMEWW 9221B:2023	4.300	5.000	5.000
13	Dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	0,8	-	-

Ghi chú:

TCVN 5945:2005: Nước thải công nghiệp, tiêu chuẩn thải

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- Cột B: Khi nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận là nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- (-): không xác định.

1.2.2 Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

*Đối với bụi:

Công tác vệ sinh sàn ,nhà kho, thu gom bằng máy hút bụi

*Đối với khí thải:

Năm 2023 do nhu cầu sản xuất cơ sở không phát sinh khí thải nên không tiến hành quan trắc khí thải (đã làm công văn số 01/2022 gửi sở TN và MT Hà nội)

3. Về quản lý chất thải rắn

3.1 Thống kê CTRSH:

TT	Nhóm CTRSH	Khối lượng (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm 2021(tấn)
1	Chất thải sinh hoạt	48,65	Công Ty TNHH Môi Trường Sông Công	79,97
Tổng khối lượng		48,65		79,97

3.2 Thống kê CTCRNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

TT	Nhóm CTCRNTT	Số lượng (tấn) Năm 2023	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCRNTT	Khối lượng năm 2022 (tấn)
1	Nhựa phế liệu	48,85	Công TNHH Môi Trường Sông Công	52,74
2	Sắt thép vụn	269,3	Địa chỉ cơ sở: Thôn Tân Mỹ 2-	245,5
3	Đồng phế liệu	0,082	Tân Quang- T.P Sông Công –	0,546
4	Nhôm phế liệu	2,3	Thái Nguyên	0,399
5	Inox phế liệu	4,86	Mã số QLCTNH:	1,12
Tổng		325,392	1.2.3.4.5.6.134.VX	300,305

4. Về quản lý CTNH

Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất): (kèm theo chứng từ CTNH liên 4(bản gốc))

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽¹⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm 2022(kg)
Sơn, cặn sơn thải chứa dung môi hữu cơ	08 01 01	710	TĐ	Công TNHH Môi Trường Sông Công Địa chỉ cơ sở: Thôn Tân Mỹ 2- Tân Quang- T.P Sông Công –	2190
Hộp mực in thải	08 02 04	10	TĐ		3
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	8	HTXử lý bóng đèn		11
Pin, ắc quy thải	19 06 01	0	Tái chế		5
Bao bì mềm thải	18 01 01	870	TĐ		1770
Bao bì cứng bằng nhựa thải	18 01 03	310	TĐ		415

Bao bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02	1035	TĐ	Mã số QLCTNH: 1.2.3.4.5.6.134.VX	1416
Vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu dính mực	18 02 01	1167	TĐ		1990
Dầu thải từ quá trình gia công tạo hình	07 03 05	800	Tẩy rửa		200
Huyền phù nước thải lẫn sơn có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại	08 01 04	7810	TĐ		16630
Tổng số lượng		12.720			24.630

- (i) Ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

Trong thời gian tới ,nhà máy tiếp tục áp dụng các biện pháp thu gom và xử lý chất thải nguy hại.Chất thải nguy hại được thu gom,phân loại và được lưu giữ trong các thùng riêng biệt trong kho CTNH của nhà máy .Công ty sẽ tiếp tục ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom vận chuyển đi xử lý .

5.về quản lý chất thải y tế (chỉ áp dụng với các cơ sở y tế)

Cơ sở không thuộc đối tượng báo cáo

6.Về phòng ngừa,ứng phó sự cố môi trường

6.1 Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa ,ứng phó và khắc phục sự cố môi trường :

Công ty đã xây dựng kế hoạch phòng ngừa ,ứng phó và khắc phục sự cố môi trường theo quy định của luật môi trường .

6.2 Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa ,ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Với ý thức luôn đề phòng với các sự cố môi trường có thể xảy ra ,Công ty đã xây dựng kế hoạch phòng ngừa,ứng phó sự cố môi trường .Đảm bảo cán bộ Cvn được hướng dẫn và xử lý tình huống khi có sự cố xảy ra .

**Biện pháp phòng ngừa ,ứng phó với hệ thống thoát nước mưa,nước thải*

-Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thoát nước thải

-Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom ,thoát nước tránh hiện tượng tắc nghẽn và tràn

-Sự cố vỡ đường ống dẫn nước thải :thường xuyên kiểm tra hệ thống ống dẫn nước thải để đảm bảo phát hiện kịp thời các nguy cơ xảy ra sự cố.

-Bố trí lực lượng tại chỗ để đảm bảo sẵn sàng ứng phó và khắc phục đối với sự cố môi trường
--Định kỳ phối hợp với đơn vị quan trắc tiến hành lấy mẫu nước thải để đánh giá hiệu quả xử lý công trình .

**Biện pháp phòng ngừa , ứng phó khắc phục sự cố môi trường khí thải .*

-Định kì kiểm tra ,bảo dưỡng các thiết bị,máy móc xử lý bụi và khí thải.Tiến hành thay thế ngay các thiết bị,máy móc khi hiệu suất có dấu hiệu suy giảm.

**Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ.*

-Huấn luyện ,giáo dục ý thức CBCNV về phòng,chống cháy nổ

-Thường xuyên kiểm tra những khu vực có nguy cơ cháy nổ cao.

-Thường xuyên kiểm tra an toàn hệ thống điện,bảo dưỡng các thiết bị điện để tránh các sự cố gây chập điện,cháy nổ.

-Đảm bảo khả năng thoát hiểm ,lắp đặt hệ thống báo cháy, có sơ đồ chỉ dẫn thoát nạn cho cả nhà máy ,có đèn chỉ dẫn hướng ,đường thoát nạn và trang bị đầy đủ dụng cụ chữa cháy như: bình chữa cháy,ống nước theo quy định của pccc...

-Ban hành và phổ biến các nguyên tắc ,quy định về phòng cháy chữa cháy cho tất cả cán bộ CNV,thực hiện huấn luyện pccc hàng năm.

**Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất .*

- Công ty bố trí khu vực kho có mái che kín,có biển cảnh báo hóa chất.

-Hóa chất được quản lý thường xuyên khi mua về và trong quá trình sử dụng.

-Bố trí các thùng cát ,tại khu vực sử dụng và kho để có thể khắc phục ngay khi có sự cố tràn đổ.

-Phối hợp với các đơn vị chức năng nhà nước trong việc giải quyết ,xử lý nếu có các sự cố về môi trường xảy ra.

Chúng tôi đảm bảo nội dung,số liệu được trình bày trong báo cáo này là đúng theo thực tế hoạt động của công ty năm 2023.

Chúng tôi cam kết sẽ luôn thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường theo đúng các quy định hiện hành.

Hà Nội, Ngày 03 tháng 01 năm 2023



TỔNG GIÁM ĐỐC
HUANG PO - FANG